|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 1**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A4**  (48 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A5**  (48 hs) |
| **1** | 1 | 31/8/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 2 | 31/8/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 3 | 31/8/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 4 | 01/9/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **2** | 5 | 01/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 6 | 01/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 7 | 03/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 8 | 03/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **3** | 9 | 03/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 10 | 04/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 11 | 04/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 12 | 04/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **4** | 13 | 05/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 14 | 05/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 15 | 05/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

**Bài 1. TÔI VÀ CÁC BẠN**

**(Số tiết: 15 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đổng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất; [1]

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; [2]

- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB; [3]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước; [4]

- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân; [5]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [6].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [7].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [8]

**3. Phẩm chất**

- Học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt. [9]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [10].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu; Nhận biết chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói của nhân vật; biết kể lại một trải nghiệm của bản thân ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính kết nối mạng, máy chiếu;

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, + Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Tranh minh họa một số nhân vật truyện đồng thoại như: Dế Mèn, Bọ Ngựa…

+ Một số truyện đồng thoại làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn.

+ Tranh minh họa: Mô hình hóa quy trình viết 1 văn bản: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm;

+ Tranh minh họa mô hình bố cục bài văn tự sự kể lại một trải nghiệm

+ Một số bài viết tham khảo kể về một trải nghiệm

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 1,2,3: Văn bản 1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

**(Trích: *Dế Mèn phiêu lưu kí* - Tô Hoài)**

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Trải qua 5 năm học Tiểu học, em có bạn thân nào không?

? Có khi nào em làm việc gì có lỗi với bạn chưa? Cảm xúc của em?

? Theo em những người bạn có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS hồi tưởng, suy nghĩ để thực hiện nội dung yêu cầu

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1.** GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** [1], [6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung:** HS dựa vào các văn bản truyện đã biết kết hợp sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi tìm hiểu về truyện, truyện đồng thoại

**c. Sản phẩm:** Tri thức ngữ văn về truyện, truyện đồng thoại qua câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Giới thiệu bài học**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Đọc câu ngạn ngữ phương Tây được trích dẫn ở tên bài học, em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu ngạn ngữ?  ? Từ tên bài học và câu ngạn ngữ, em hiểu chủ đề của bài học hướng đến đề tài gì?  **B2: HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ**  **B3: HS trình bày ý kiến cá nhân**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại ý nghĩa của câu ngạn ngữ.  - GV giới thiệu: Bài học với chủ đề *Tôi và các bạn* tập trung vào một vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi con người, đó là tình bạn. Tình bạn là món quà kì diệu sưởi ấm tâm hồn con người. Qua nội dung các truyện kể và một văn bản kết nối chủ đề trong bài học, các em sẽ được khám phá bản thân trong mối quan hệ với bạn bè, nhận thức về vẻ đẹp và vai trò của tình bạn, từ đó có cách ứng xử phù hợp với bạn để xây dựng những tình bạn đẹp.  - HS lắng nghe và cảm nhận.  **\* Nhiệm vụ 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  -GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  + Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  ? Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  ? Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào  ? Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó*.*  + Giới thiệu một truyện đồng thoại? Chỉ ra những dấu hiệu giúp em nhận biết đó là truyện đồng thoại?  + Điền vào chỗ trống trong **Phiếu học tập số 1**?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập số 1  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận và phiếu học tập  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt lại những tri thức ngữ văn trong bài và kết luận: Khi đọc hiếu văn bản truyện, truyện đồng thoại, chúng ta cần lưu ý đến các yếu tố của truyện là cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  **GV bổ sung:**  ***Nhân vật*** là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đổ vật... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết *ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhàn vật khác,...*  ***Truyện đồng thoại:*** một thế loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đô vật được nhân hoá. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đổng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này. | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề: Tình bạn  - Thể loại chính: Truyện – Truyện đồng thoại.  TRI THỨC NGỮ VĂN  **- Truyện**: là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.   * **- Truyện đồng thoại**: là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có cùa loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người. * **- Cốt truyện**: là yếu tố quan trọng cùa truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mờ đầu, diễn biến và kết thúc. * **- Nhân vật**: là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. * **- Người kể chuyện**: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:   + Ngôi thứ nhất;  + Ngôi thứ ba.   * **- Lời người kể chuyện** đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cà việc thuật lại mọi hoạt động cùa nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.   **- Lời nhân vật**: là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trinh bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kề chuyện. |

**Hoạt động 1.2.** ĐỌC VĂN BẢN: BÀI HỌC DƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Trích: *Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài)

**Hoạt động 1.2.1: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, chú ý lời nói của các nhân vật.  - GV đọc mẫu một vài đoạn.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản.  - Tìm hiểu chú thích SGK  **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  - 3 học sinh đọc nối tiếp, các HS khác theo dõi.  - Giải thích nghĩa từ khó.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi, nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét cách đọc của HS.  **\* Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu học sinh kết hợp SGK và những hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi:  ? Em biết gì về nhà văn Tô Hoài?  ? Trình bày những hiểu biết của em về tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí”?  ? Truyện được kể bằng lời của ai? Ngôi kể thứ mấy?  ? Trong đoạn trích có những nhân vật nào? Liệt kê các sự việc chính?  ? Tại sao Dế Mèn Phiêu lưu lí được coi là truyện đồng thoại?  **B2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh theo dõi SGK, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**:  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của học sinh, chốt lại kiến thức  - Khuyến khích học sinh tự tìm hiểu thêm thông tin về tác giả, tác phẩm. | * **I. Tìm hiểu chung**   **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  - Tác giả: Tô Hoài  - Tác phẩm: Dế Mèn phiêu lưu kí  - Truyện được kể bằng lời của nhân vật Dế Mèn.  - Ngôi kể thứ nhất.  - Nhân vật trong đoạn trích: Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc.  - Cốt truyện:  + Là một chàng dế cường tráng, Dế Mèn rất tự hào về mình.  + Anh ta cà khịa với tất cả mọi người trong xóm.  + Dế Mèn rất khinh thường một người bạn hàng xóm là Dế Choắt bởi quá ốm yếu.  + Một lần, Dế Mèn đã trêu chị Cốc rồi lủi vào hang sâu.  + Chị Cốc tưởng Dế Choắt nên đã mổ anh ta trọng thương.  + Trước khi chết, Choắt khuyên Mèn nên chừa thói hung hăng và làm gì cũng phải biết suy nghĩ. Đó là bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  - Thể loại: Truyện đồng thoại |

**Hoạt động 1.2.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động nhóm chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành **Phiếu học tập số 2**  - Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của Tô Hoài khi miêu tả hình dáng, hành động của Dế Mèn?  **B2: HS trao đổi, thảo luận**  - HS thảo luận nhóm, tìm các chi tiết miêu tả hình dáng, hành động, suy nghĩ và mối quan hệ của Dế Mèn.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trình bày nội dung phiếu học tập.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá, chốt kiến thức.  - GV nhấn mạnh những đặc điểm của nhân vật đồng thoại thể hiện qua hình dáng, hành động, suy nghĩ, quan hệ với những nhân vật khác.  GV lưu ý về vai trò của các tính từ, động từ, từ láy trong khi miêu tả hình dáng, hoạt động của nhân vật.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ:**  - Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận, hoàn thành **Phiếu học tập số 3**.  - Nêu câu hỏi:  ? Nêu hình dung của em về nhân vật DC?  ? Nếu gặp một người bạn giống như Dế Choắt em sẽ làm gì?  ? Diễn biến tâm lí của Dế Mèn khi trêu chị Cốc?  ? Chứng kiến cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Những cảm xúc suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi nào của Dế Mèn?  ? Nhận xét về cách miêu tả diễn biến tâm kí nhân vật dế Mèn?  ? Bài học đường đời đầu tiên của DM?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 3.  - Suy nghĩ cá nhâ trả lời câu hỏi.  **B3: HS trình bày kết quả**  **B4: GV đánh giá, kết luận.**  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí:  + Khi trêu chị Cốc: Lúc đầu thì huênh hoang, trêu xong chui tọt vào hang nằm khểnh vắt chân chữ ngũ đắc ý, khi Dế choắt bị Cốc mổ thì sợ hãi nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang. Cuối cùng ăn năn, hối hận.  - Bài học của Dế Mèn: Ngông cuồng dại dột, hung hăng bậy bạ có óc không biết nghĩ sẽ gây tai họa.  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ:**   * ? Từ nhân vật Dế Mèn trong truyện Em rút ra bài học gì cho bản thân?   **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, liên hệ bản thân  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **-** HS trình bày bài học của cá nhân  **B4: GV đánh giá, kết luận.** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Bức chân dung tự họa của nhân vật Dế Mèn**  a. Hình dáng: chàng dế thanh niên cường tráng  - Càng: mẫm bóng  - Vuốt: cứng, nhọn hoắt  - Cánh: dài tận chấm đuôi  - Răng: đen nhánh  - Râu: dài, uốn cong…  b. Hành động  - Đạp phanh phách  - Vũ lên phành phạch  - Nhai ngoàm ngoạp  - Trịnh trọng vuốt râu  - Đi đứng oai vệ, dún dẩy (khoeo)  - Cà khịa (với hàng xóm)  - Quát nạt (Cào Cào),  - Đá ghẹo (Gọng Vó), …  c. Suy nghĩ: tự cho mình là giỏi, là tay ghê gớm sắp đứng đầu thiên hạ  d. Quan hệ của Dế Mèn với nhân vật khác: Coi thường người khác; kiêu căng, tự phụ, cậy sức bắt nạt, chọc ghẹo kẻ yếu …  \* Nhận xét: Dế mèn là nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật vừa mang những đặc điểm của con người. Ở Dế Mèn có những nét đẹp đáng khen nhưng cũng có nét đáng chê.  **2. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn**  a. Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt.  - Cách xưng hô: Ta - chú mày  - Chê bai ngoại hình, nơi ở của Dế Choắt  - Từ chối khi Dế Choắt mong muốn được giúp đỡ  \* Nhận xét: Dế Mèn có thái độ hách dịch, coi thường Dế Choắt; sống ích kỉ, hẹp hòi, vô tình, thờ ơ trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  b. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn  Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn khái quát trong lời kể của Dế Mèn và lời trăng trối của Dế Choắt: Ngông cuồng dại dột, hung hăng bậy bạ có óc không biết nghĩ sẽ gây tai họa.  **3. Bài học rút ra từ truyện**   * - Bài học về cách ứng xử lễ độ, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác; * - Bài học về tình thân ái, chan hòa, yêu thương giúp đỡ bạn bè; * - Biết ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm; * - … |

**Hoạt động 1.2.3. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- HS viết được đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ nhất bằng lời của một nhân vật trong VB.

**b) Nội dung**:HS viết đoạn văn

**c) Sản phẩm**:Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” bằng lời một nhân vật do em tự chọn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS viết đoạn văn

- GV theo dõi, gợi ý:

+ Lựa chọ sự việc, lựa chọn nhân vật;

+ Nhập vai vào nhân vật sử dụng ngôi thứ nhât để kể lại sự việc

+ Chú ý cấu trúc đoạn văn:

- Mở đoạn: Nêu được tên nhân vật và sự việc chính được kể

- Thân đoạn: Kể lại diễn biến sự việc bằng ngôi thứ nhất (xưng tôi)

- Kết đoạn: Nêu suy nghĩ của bản thân.

**B3: B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét dựa vào Rubic đánh giá

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được nhân vật, sử dụng đúng ngôi kể thứ nhất bằng lời nhân vật. | Chưa biết chọn nhân vật để kể bằng ngôi thứ nhất | Đã sử dụng ngôi thứ nhất bằng lời nhân vật song có chỗ chưa nhất quán | Lựa chọn nhân vật, sử dụng ngôi kể thứ nhất phù hợp với hoàn cảnh và nội dung sự việc |
| 2. Chọn được sự việc hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn sự việc để kể. | Chọn được sự việc để kể nhưng chưa hay. | Chọn được sự việc hay, có ý nghĩa. |
| 3. Diễn biến sự việc được kể đầy đủ, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu sự việc. | Nội dung sự việc được kể đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung sự việc được kể đầy đủ các chi tiết, lời kể lôi cuốn, hấp dẫn |
| 4. Cấu trúc đoạn văn. | Không đảm bảo số câu quy định, đoạn văn không có mở đầu và kết thúc | Đủ số câu nhưng chưa đảm bảo cấu trúc đoạn văn hoặc đảm bảo cấu trúc nhưng chưa đảm bảo số câu theo yêu cầu | Đảm bảo số câu quy định; Đoạn văn đảm bảo cấu trúc: có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn liên kết mạch lạc. |

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động ***Thực hành tiếng Việt*** ở buổi học sau)

**Tiết 4**

**Hoạt động 1.3.** THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**(Từ đơn và từ phức, nghĩa của từ, biện pháp tu từ)**

**Hoạt động 1.3.1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Xác đinh vấn đề đặt ra trong hoạt động.

**b. Nội dung:** Học sinh chơi trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn:  \* Luật chơi:  + Học sinh chuẩn bị sẵn phương tiện (giấy, bút)  + Cách tính điểm: Trong thời gian 1 phút, học sinh nào ghép đúng các từ theo yêu cầu được 10 điểm. Sai 1 từ trừ 2 điểm, thiếu 1 từ trừ 2 điểm, sửa chữa 1 lần trừ 1 điểm.  + Hết 1 phút, học sinh trao đổi bài với bạn chấm điểm (cặp đôi).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** |  | **B** | | Vuốt |  | Nhọn hoắt | | Cánh | Rung rinh | | Người | Hủn hoẳn | | Răng | Đen nhánh | |  | Bóng mỡ | |  | Ngoàm ngoạp |   - GV yêu cầu HS quan sát lại bảng trên và đặt câu hỏi:  *? Em có nhận xét gì về số lượng tiếng trong các từcác từ ở cột A và cột B?*  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia trò chơi, đánh giá cho điểm theo từng cặp và trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm và kết quả tính điểm  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV kết luận: Các từ ở cột A có 1 tiếng, đó là từ đơn. Các từ ở cột B có 2 tiếng là từ phức.  🡪 GV giới thiệu nội dung hoạt động thực hành tiếng việt. | Vuốt – nhọn hoắt  Cánh – hủn hoẳn  Người – rung rinh, bóng mỡ  Răng – đen nhánh, ngoàm ngoạp |

**Hoạt động 1.3.2. Nhận biết từ đơn và từ phức**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm 4 thành viên.  - Yêu cầu: Đọc hộp nhận biết từ đơn và từ phức trong (SGK/Tr20), dựa vào kiến thức bậc tiểu học và phần chỉ dẫn để hoàn thành nội dung còn thiếu trong Phiếu học tập (thời gian 4 phút).   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | Số lượng tiếng | … | … | | | Ví dụ | … | Từ ghép | Từ láy | | ... | … | | Quan hệ giữa các tiếng | | … | … |   - GV nêu câu hỏi:  ? Trong các từ sau, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy: *xanh xao, máu mủ, tốt tươi, lung linh, ngu ngốc, mềm mại, tươi cười?*  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận điền vào phiếu học tập  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung yêu cầu.  - GV chốt bằng sơ đồ phân loại từ tiếng Việt dựa vào cấu tạo.  Lưu ý: Phân biệt từ láy với từ ghép có 2 tiếng giống nhau ngẫu nhiên về mặt âm thanh (âm đầu hoặc vần). | **I. Nhận biết từ đơn và từ phức**  - Từ đơn: chỉ có một tiếng tạo thành.  - Từ phức: gồm 2 hoặc hơn hai tiếng tạo thành.  + Từ ghép: Giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  + Từ láy: Giữa các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| **Số lượng tiếng** | Chỉ có một tiếng | Gồm 2 hoặc hơn 2 tiếng | |
| **Ví dụ** | *tôi, dế, đi* | **Từ ghép** | **Từ láy** |
| *nhọn hoắt,*  *cá đuôi cờ* | *ngơ ngác, lêu nghêu,*  *bè bè* |
| **Quan hệ giữa các tiếng** | | Giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. | Giữa các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm. |

**Hoạt động 1.3.3. Luyện tập thực hành**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10].

Nhận biết nghĩa của từ, hiểu sự sáng tạo trong việc sử dụng từ. Nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nội dung 1: Nghĩa của từ:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Tổ chức cho học sinh lần lượt làm các bài tập trong Sách giáo khoa.  + Bài tập 1: HS làm việc cá nhân, kẻ bảng vào vở, điền các từ in đậm, su đó trao đổi cặp đôi nhận xét bài làm của bạn.  + Bài tập 2: Hoạt động nhóm 4 thành viên: Tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”  + Bài tập 3: Hoạt động cá nhân: Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu dẫn ở BT3 (SGK/Tr20)   * **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân và hợp tác trong nhóm để hoàn thành bài tập.   **B3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  - Cá nhân trả lời (BT1, BT3)  - Đại diện nhóm trình bày kết quả (BT2).  **B4: GV đánh giá, kết luận.**  **Nội dung 2. Nghĩa của từ**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + BT4: Thảo luận nhóm theo bàn: Giải thích nghĩa thông thường của từ “nghèo”, “mưa dầm sùi sụt” và nghĩa của những từ này trong VB “Bài học đường đời đầu tiên”?  +. Bài tập 5: Làm việc cá nhân: Tìm hiểu nghĩa của thành ngữ và đặt câu với mỗi thành ngữ đã cho ở BT5?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân và hợp tác trong nhóm để hoàn thành bài tập.  **B3: HS báo cáo kết quả thực hiện**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả (BT4).  - Cá nhân trả lời (BT5)  **B4: GV đánh giá, kết luận.**  **Nội dung 3. Biện pháp tu từ**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Tổ chức hoạt động nhóm, sử dụng hình thức thi giữa các nhóm: Tìm câu văn có hình ảnh so sánh trong VB “Bài học đường đời đầu tiên”?  ? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn đó?  ? Từ đó rút ra thế nào là phép tu từ so sánh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK và thi tìm được nhiều câu có biện pháp so sánh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp so sánh qua các từ so sánh.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Nhấn mạnh tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: So sánh gợi ra nhình ảnh cụ thể, sinh động của sự vật đồng thời thể hiện thái độ thình cảm của người nói (Gợi hình và gợi cảm). | **II. Luyện tập**  **Nội dung 1. Từ đơn và từ phức**  **1. Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | **Từ ghép** | **Từ láy** | | tôi, nghe,  người. | bóng mỡ,  ưa nhìn. | hủn hoẳn,  phành phạch,  giòn giã,  rung rinh. |   **2. Bài tập 2**  Từ láy mô phỏng âm thanh: *phanh phách, phành phạch, giòn giã, ngoàm ngoạp, bì bõm, văng vẳng.*  **3. Bài tập 3**  *- Phanh phách:* âm thanh phát ra do vật sắc tác động liên tiếp vào vật khác.  *- Ngoàm ngoạp:* nhai nhiều, liên tục, nhanh.  *- Dún dẩy:* điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.  🡪 Các từ láy có tác dụng khiến nhân vật Dế Mèn hiện lên rất sinh động. Các từ láy nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống ở Dế Mèn. Qua đó Dế Mèn bộc lộ niềm tự hào về chính mình.  **Nội dung 2. Nghĩa của từ**  **4. Bài tập 4**  *- Nghèo:* có rất ít tiền của, không đủ để đáp ứng những yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất.  *Nghèo sức:* sức khỏe yếu kém, khả năng hoạt động, làm việc hạn chế.  *- Mưa dầm sùi sụt:* tiếng mưa nhỏ, kéo dài, rả rích.  *Điệu hát mưa dầm sùi sụt:* điệu hát kéo dài xen lẫn buồn bã, thê lương.  **5. bài tập 5**  **Nội dung 3. Biện pháp tu từ**  **6. Bài tập 6**  **\* Câu văn có hình ảnh so sánh:**  - Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.  - Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như 2 lưỡi liềm máy làm việc.  - Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.  - Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê.  - Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau.  - Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.  **\* Tác dụng**  - Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.  🡪 Nhấn mạnh Dế Mèn đầy sức sống, khoẻ mạnh, đang ở tuổi ăn, tuổi lớn.  - Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.  🡪 Gợi ra hình ảnh Dế choắt gầy ốm, tội nghiệp.  => Nhân vật hiện lên với hình dáng, cử chỉ cụ thể, sống động, gợi cảm. |

**(GV hướng dẫn HS đọc kĩ Văn bản 2, tìm hiểu câu hỏi sau khi đọc để chuẩn bị cho giờ học sau)**

**Tiết 5,6**

**Hoạt động 1.4. Văn bản 2: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN**

(Trích *Hoàng tử bé*, Ăng-toan Đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri)

**Hoạt động 1.4.1.** **Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú và thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nội dung chia sẻ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt câu hỏi:

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?

2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS nhớ và ghi lại theo nội dung yêu cầu

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

Chia sẻ cảm xúc về người bạn thân: vui vẻ, thoải mái, hạnh phúc… HS kể lại ngắn gọn hoàn cảnh làm quen với bạn thân của mình.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV kết luận, đánh giá

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Tình bạn là một thứ tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng. Ai trong số chúng ta cũng có những người bạn, và hạnh phúc vô cùng kho có những người bạn thân.Bạn thân là những người bạn đã gắn bó thân thiết với chúng ta, cùng nhau chia sẻ được mọi niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn” sẽ giúp ta hiểu hơn về giá trị của tình bạn với mỗi người.

**Hoạt động 1.4.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV yêu cầu ba HS đọc theo phân vai: lời người kể chuyện, lời con cáo và lời hoàng tử bé.  *- GV lưu ý HS trong khi đọc:*   * + Chú ý những lời đối thoại giữa hoàng tử bé và cáo; * + Chú ý từ “cảm hoá” mỗi khi nó xuất hiện;   + Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và về cánh đồng lúa mí;  + Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hoá mình.  + Các HS trong lớp lắng nghe.  *- Sau khi đọc, GV yêu cầu HS:*  + Giải nghĩa những từ khó: *cảm hoá, cốt lõi, mắt trần*;  + Tìm hiểu thông tin trong SGK và giới thiệu về tác giả và tác phẩm?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, nghe bạn đọc  - Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm trong SGK (thời gian 1 phút) rồi trình bày thông tin em thu nhận được  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, đánh giá:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung:** Tác giả là một phi công và từng tham gia chiến đấu trong chiến tranh thế giới thứ hai. Ông có những tác phẩm xuất sắc như Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta, Phi công thời chiến…  “Hoàng tử bé” đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri. “Hoàng tử bé” từng được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng, đã phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục được in khoảng 2 triệu bản mỗi năm, được chuyển thể thành truyện tranh, phim… Ở Việt Nam hiện nay có khoảng 8 bản dịch tác phẩm Hoàng tử bé. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  - Ăng-toan Đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri (1900 -1944);  - Nhà văn lớn của Pháp;  - Các sáng tác lấy đề tài, cảm hứng từ hững chuyến bay và cuộc sống của người phi công;  - Đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn.  b. Tác phẩm  - Đoạn trích nằm trong tác phẩm Hoàng tử bé;  - Năm sáng tác: 1941. |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động nhóm chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu nhắc lại các yếu tố của truyện và đặc điểm truyện đồng thoại đã học ở tiết 1.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Truyện có những nhân vật chính nào?*  *+ Truyện kể về điều gì (cốt truyện)?*  *+ Kể theo ngôi thứ mấy?*  + *Xác định thể loại của truyện?*  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS khám phá VB theo diễn biến cốt truyện: Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và Cáo.**  **a. Hoàn cảnh gặp gỡ.**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tự đọc phần chú thích giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích, chia 4 nhóm với 4 câu hỏi:  1.Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?  2. Tâm trạng cậu bé ra sao khi đặt chân đến Trái Đất?  3. Em nhận thấy giữa hoàng tử bé và con cáo có điểm gì chung?  4. Con cáo đã trả lời thế nào khi hoàng tử bé đề nghị làm bạn và chơi với mình?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhận, thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung.  **b. Trò chuyện và làm quen**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chú ý đoạn đối thoại giữa hoàng tử bé và cáo ở đầu văn bản và trả lời câu hỏi:  ? Chỉ ra những lời nói của hoàng tử bé với cáo khi gặp gỡ?  ? Qua ngôn ngữ nhân vật, em thấy hoàng tử bé là người như thế nào? Hoàng tử bé có nghĩ về cáo giống như nhiều người trên Trái Đất không?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Trao đổi cặp đôi thảo luận từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động:**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, đánh giá kết quả của HS**  GV mở rộng: Cái nhìn của hoàng tử bé thơ ngây, trong sáng, luôn tin cậy và hướng tới phẩn đẹp đẽ, tốt lành; không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi - khác với nhiẽu người trên Trái Đất vẫn coi cáo là con vật xấu tính, tinh ranh, gian xảo.... Cậu nhìn cáo bằng đôi mắt hồn nhiên, đầy thiện cảm: “Bạn là ai? Bạn dễ thương quá”. Vì vậy Cáo mong muốn được cảm hóa.  **c. Cảm hóa**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích?  ? Cáo đã giải thích thế nào là “Cảm hoá”?  ? Qua lời giải thích của cáo, em hiểu cảm hóa là gì?  ? Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa như thế nào?  - Tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 thành viên hoàn thành **phiếu học tập**:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cảm nhận của cáo trước khi được cảm hoá** | **Nếu được hoàng tử bé cảm hoá** | | Tiếng bước chân |  |  | | Cánh đồng lúa mì |  |  | | Cuộc sống |  |  | | Cảm nhận của em về tâm trạng và cuộc sống của cáo |  |  |   ? Hoàng tử bé có cảm hóa được cáo không? Tác dụng của việc cảm hóa?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ, thảo luận.  **B3: Báo cáo kết quả:** HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả làm việc nhóm qua phiếu học tập.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: GV đánh giá, kết luận** và bổ sung, từ “cảm hoá” đã xuất hiện 15 lần gắn với nhiều chi tiết, sự kiện, ý nghĩa quan trọng. Có nhiều bản dịch với các từ khác nhau: thuần dưỡng, thuần hoá, thuần phục… nhưng ở đây có thể hiểu đó là niềm khao khát được đón nhận, thấu hiểu, được sống với phần tốt lành, đẹp đẽ, được thay đổi và hoàn thiện bản thân. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, thể loại**  - Nhân vật chính: Hoàng tử bé và con cáo;  - Cốt truyện: Cáo và Hoàng tử bé gặp nhau, họ kết bạn rồi chia tay.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba.  - Thể loại: truyện đồng thoại;  **2. Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và Cáo**  **a. Hoàn cảnh gặp gỡ**  - Hoàng tử bé từ một hành tinh khác vừa đặt chân tới trái đất.  - Hoàng tử bé thất vọng, đau khổ khi ngỡ rằng bông hồng của mình không phải duy nhất.  - Con cáo thì đang bị săn đuổi, sợ hãi, chạy trốn con người.  - Hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã.  🡪Giới thiệu nhân vật qua hoàn cảnh gặp gỡ.  **b. Trò chuyện và làm quen**  - Lời nói của hoàng tử bé:  + Đáp lại lời chào của cáo  + Khen: “Bạn dễ thương quá”  + Mời gọi: “Lại đây chơi với mình đi”.  - Hoàng tử bé cư xử với cáo rất lịch sự, thân thiện với cái nhìn thơ ngây, trong sáng, hướng tới phẩn đẹp đẽ, tốt lành  🡪 Miêu tả nhân vật qua ngôn ngữ.  **c. Cảm hóa**  - “Cảm hoá” chính là kết bạn, là tạo dựng mối liên hệ gần gũi, gắn kết tình cảm để biết quan tâm, gắn kết và cần đến nhau.  - Cáo đã nói cho hoàng tử về cách cảm hoá: cần phải kiên nhẫn giúp họ có thể xích lại gần nhau hơn: *“cần phải rất kiên nhẫn, trước tiên bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn thì không nói gì cả… nhưng mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn…”* |
| **Dự kiến sản phẩm phiếu học tập:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cảm nhận của cáo trước khi được cảm hóa** | **Nếu được hoàng tử bé cảm hóa** | | **Tiếng bước chân** | Những tiếng bước chân khác chỉ khiến mình trốn vào lòng đất | Bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. | | **Về cánh đồng lúa mì** | Cánh đồng lúa mì chẳng gợi mở gì cho mình cả...buồn quá | ...lúa mì vàng óng sẽ làm mình nhớ đến bạn và mình sẽ thích gió trên đồng lúa mì | | **Về cuộc sống** | Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau" | Đời mình được chiếu sáng | | **Cảm nhận của em về tâm trạng và cuộc sống của cáo** | - Sợ hãi, lo lắng, trốn chạy  - Ảm đạm, nghèo nàn, tẻ nhạt  - Quẩn quanh, bế tắc, cô đơn | - Hân hoan, reo vui  - Giàu có, đẹp đẽ  - Rực rỡ, ấm áp, hạnh phúc |   - Hoàng tử bé đã cảm hoá được con cáo, họ đã trở nên thân thiết với nhau.  => Tình bạn sẽ khiến cho cuộc đời của cáo thay đổi, trở nên tươi sáng, đẹp đẽ, ấm áp, tràn đầy hạnh phúc như thể được chiếu sáng. | |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm với các câu hỏi:  ? Nhóm 1: Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì? Những cảm xúc ấy có khiến cáo hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé không?  ? Nhóm 2: Theo em, cáo đã “được” những gì khi kết bạn với hoàng tử bé?  ? Nhóm 3: Thảo luận nhóm: Liệt kê lại những lời nói được hoàng tử bé nhắc lại “để cho nhớ”. Em ấn tượng với lời nói nào? Nêu cảm nhận về lời nói đó?  ? Nhóm 4: Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất đối với bản thân mình?  ? Em đã từng chia tay một người bạn của mình đi xa chưa? Tâm trạng của em khi chia tay như thế nào? Qua truyện, em rút ra bài học gì?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV bổ sung về ý nghĩa của câu nói: *“người ta chỉ thấy rõ với trái tim, Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”* – câu nói chứa đựng “bí mật” mà cáo dành cho hoàng tử mang ý nghĩa ẩn dụ và mang ý nghĩa triết lí. Con người cần biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu và sự tin tưởng, thấu hiểu. Chỉ khi nhìn bằng trái tim, con người mới nhận ra và biết trân trọng, gìn giữ những điều đẹp đẽ, quý giá... Đó cũng là bí mật làm nên sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật.  **Tổng kết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  1.Hãy nêu nội dung chủ đề và ý nghĩa văn bản?  2. Theo em, nhân vật cáo có phải là một nhân vật của truyện đồng thoại không? Vì sao?  3. Đặc điểm nghệ thuật của truyện đồng thoại qua 2 văn bản đọc trong bài?  4. Rút ra cách khám phá truyện đồng thoại?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo nhóm, tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **d. Hoàng tử bé chia tay cáo**  - Tâm trạng của cáo: buồn, lưu luyến, xúc động.  - Con cáo không hề hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé vì ngay cả khi chia tay, nó vẫn “được”: *“Mình được chứ - con cáo nói - bởi vì còn có màu lúa mì”*  🡪 Tình bạn đã giúp cáo không còn cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi mà cuộc sống trở nên rực rỡ, ấm áp  - Hoàng tử bé đã lặp lại lời của cáo 3 lần “để cho nhớ”:  *+ Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần;*  *+ Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hoa hồng của mình;*  *+ Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình.*  -> Con người cần biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu và sự tin tưởng, thấu hiểu; Cần dành thời gian và trách nhiệm, chăm chút cho những người mình yêu quý. Chỉ khi nhìn bằng trái tim, con người mới nhận ra và biết trân trọng, gìn giữ những điều đẹp đẽ, quý giá.  **3. Bài học rút ra:**  + Bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hoá nhau;  + Cần biết quan tâm, dành thời gian vun đắp và có trách nhiệm giữ gìn tình bạn và để mối quan hệ đó trở nên gắn bó suốt đời  + Bài học về ý nghĩa của tình bạn: mang đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, khiến cho cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn…  **III. Tổng kết**  **1. Chủ đề và ý nghĩa**  - Chủ đề: Truyện kể về tình bạn trong sang, đẹp đẽ, ầm áp.  - Ý nghĩa: Bài học về cách kết bạn cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè.  **2. Nghệ thuật**  Xây dựng nhân vật đồng thoại sinh động với ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ, tình cảm … phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

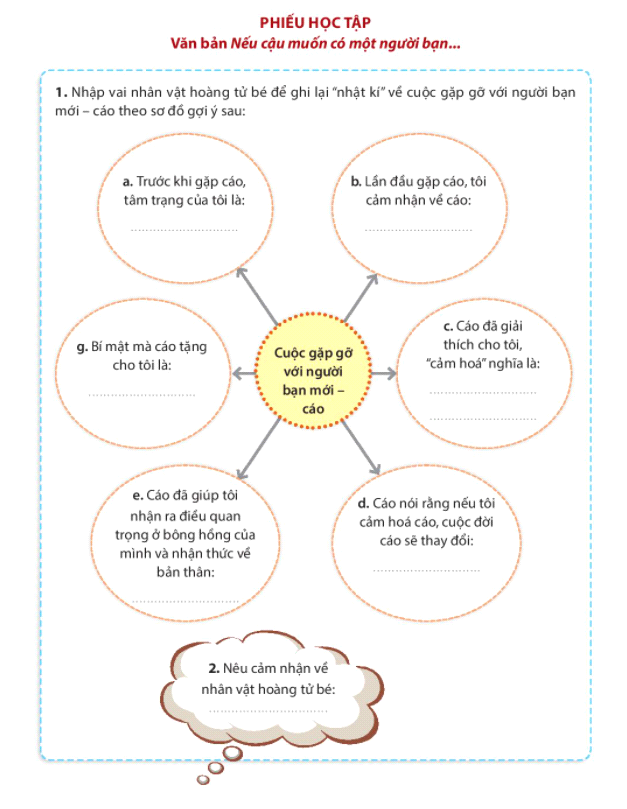
- HS viết được đoạn văn miêu tả cảm xúc của nhân vật qua sự tưởng tượng.

**b) Nội dung**:HS viết đoạn văn

**c) Sản phẩm**:Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân: Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày đoạn văn.  **B4: Đánh giá, kết luận**  GV cho HS tham khảo đoạn văn:  Sau khi chia tay hoàng tử bé, cáo rất buồn và trống vắng. Khi hoàng hôn buông xuống, cậu không nguôi nhớ về người bạn tốt của mình. Nhưng khi nhìn thấy màu vàng óng ả của cánh đồng lúa mì, cậu đã vui trở lại. Cáo cảm tưởng như hoàng tử bé vẫn ở đâu đây, rất gần... Cậu chạy giữa cánh đồng, lắng nghe âm thanh của tiếng gió thổi và thấy nó nhẹ nhàng, ấm áp như lời nói của người bạn thân đến từ hành tinh xa xôi. Cáo thầm cảm ơn hoàng tử bé đã cho cậu biết thế nào là tình bạn chân thành và cầu chúc cho hoàng tử trở về với tinh cầu bé nhỏ sống hạnh phúc bên hoa hồng yêu thương.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV yêu cầu HS nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với người bạn mới theo phiếu học tập sau: (SGV/Tr 76) | **IV. Viết kết nối với đọc**  1. Viết đoạn văn:  Đoạn văn nêu một số ý:  - Sau khi chia tay hoàng tử bé, cáo có tâm trạng thế nào (buồn, cô đơn, đau khổ…?  - Cáo có ảm xúc, suy nghĩ gì khi nhìn thấy màu vàng óng ả của cánh đồng lúa mì, khi nghe tiếng gió thổi trên cánh đồng lúa mì?  - Cuộc sống của cáo có gì khác?  Mong muốn của cáo là gì?  2. Nhập vai hoàng tử bé ghi nhật kí về cuộc gặp gỡ |



|  |  |
| --- | --- |
| **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện yêu cầu ở nhà  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  1. HS trình bày “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với Cáo trong giờ học sau.  **B4. Đánh giá, kết luận**  - HS và GV nhận xét, đánh giá. | \* Yêu cầu sản phẩm:  + Thể loại: Truyện (hình thức nhật kí)  + Ngôi kể thứ nhất  + Nhân vật: “tôi” và cáo  + Cốt truyện: Theo trình tự như hướng dẫn trong phiếu học tập. |

**Hướng dẫn HS chuẩn bị hoạt động Thực hành Tiếng Việt**

**(Nghĩa của từ, biện pháp tu từ, từ ghép và từ láy) sẽ học ở giờ học sau**

**Tiết 7**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Nghĩa của từ, biện pháp tu từ, từ ghép và từ láy)**

**Hoạt động 1.5.1. Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS nhớ kiến thức đã học về nghĩa của từ, biện pháp tu từ, từ ghép và từ láy.

**b. Nội dung:** HS nhớ lại kiến thức đã học trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi yêu cầu học sinh thực hiện theo nhóm:  *1. Giải nghĩa các từ: cảm hoá, cốt lõi, mắt trần, hoàng tử? Em đã dùng những cách nào để giải nghĩa được các từ trên?*  *2. Để nhận biết biện pháp tu từ so sánh, ta căn cứ vào dấu hiệu nào?*  *? Phân biệt từ ghép và từ láy?*  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **GV nhấn mạnh:**  Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ. | **I. Củng cố kiến thức**  1. Nghĩa của từ  - Ví dụ:   * *+ Cảm hoá*: dùng tình cảm tốt đẹp làm cho một đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực; * *+ Cốt lõi*: cái chính và quan trọng nhất;   *+ Mắt trần*: con mắt thường, ở đây chỉ cái nhìn chưa có sự gắn kết, thấu hiểu;   * *+ Hoàng tử*: con của vua.   -> Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện; với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.  2. Biện pháp tu từ so sánh chứa từ so sánh.  3. Phân biệt từ ghép và từ láy:  - Từ ghép: các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa  - Từ láy: các tiếng chỉ có quan hệ láy âm. |

**Hoạt động 1.5.2. Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [3]. [6], [7], [8]

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó, tích cực hoá vốn từ (đặt câu với các từ cho trước);

- HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bài tập 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, thảo luận và hoàn thành bài tập theo nhóm cặp đôi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kết quả.  **Bài tập 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 và làm việc cá nhân, hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa các từ và phần chú thích nghĩa trong văn bản để đặt câu phù hợp.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân**  - HS đặt câu với các từ đã cho  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày câu văn  - GV gọi hs nhận xét câu văn của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét  **Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc câu văn, tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi để hoàn thành BT.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt lại như sản phẩm dự kiến  **Bài tập 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm:  ? Đọc lại VB “Nếu cậu muốn có một người bạn” và chỉ ra những lời thoại được lặp lại.  ? Việc lặp lại đó có tác dụng gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, ghi lại những lời thoại của nhân vật được lặp lại và nêu tác dụng.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động.**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm bài tập.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại như sản phẩm dự kiến.  **Bài tập 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** viết đoạn văn theo yêu cầu.  **B3: Báo cáo kết quả:** HS trình bày đoạn văn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**GV - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 (SGK/Tr26)**  Một số từ có mô hình cấu tạo như từ “cảm hoá”: tha hoá, nhân cách hoá, đồng hoá, trẻ hoá, công nghiệp hoá....  - Tha hoá: biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có.  - Nhân cách hoá: gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách hoặc ngôn ngữ của con người.  - Công nghiệp hoá là quá trình phát triển, nâng cao tỉ trọng ngành công nghiệp ở một vùng hay một quốc gia.  **2. Bài tập 2 (SGK/Tr26)**  Đặt câu với mỗi từ: *đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi*  **3. Bài tập 3 (SGK/Tr26)**  - Câu văn sử dụng BPTT so sánh: Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc.  Tác dụng: so sánh tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một thứ âm thanh du dương, mang cảm xúc, gợi ra sự gần gũi, quen thuộc, ấm áp với cáo.  **4. Bài tập 4 (SGK/Tr26)**  - Những lời thoại được lặp lại:  *+ Vĩnh biệt,*  *+ Điều cốt lõi trong mắt trần,*  *+ Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn,*  *+ Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn...*  - Tác dụng: nhấn mạnh nội dung câu nói, vừa tạo nhạc tính và chất thơ cho văn bản.  **5. Bài tập 5 (SGK/Tr26)** |

**GV hướng dẫn học sinh đọc trước văn bản 3 (Bắt nạt), trả lời câu hỏi sau khi đọc**

**chuẩn bị cho giờ học sau.**

**Tiết 8**

**Hoạt động 1.6. Văn bản 3: BẮT NẠT**

**(Nguyễn Thế Hoàng Linh)**

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1.6.1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú và thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nội dung chia sẻ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Em đã từng chứng kiến hoặc đọc thông tin về hiện tượng bắt nạt trong trường học chưa? Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong môi trường học?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS vận dụng trải nghiệm của bản thân

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động:** chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

**B4. GV đánh giá, kết luận**

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong trường học, có những bạn thường bị bắt nạt như bị đánh, bị trêu chọc, bị bắt bạn phải chia sẻ đồ ăn, đồ dùng học tập… Ai trong tuổi ấu thơ mà chẳng từng bị bắt nạt. Bắt nạt cũng có khi là chúng chế nhạo mái tóc ngố mới cắt của ta, chúng vảy mực vào tấm áo trắng đồng phục, chúng ngáng chân để ta ngã sóng soài trước mặt bao nhiêu người, chúng đá bóng vào người ta. Chắc chúng chỉ nghĩ đó là trò nghịch tai quái vớ vẩn, vô hại mà không biết rằng bị bắt nạt đáng buồn vô cùng, nhiều khi là cả nỗi ám ảnh. Chúng ta nên cư xử như thế nào cho phù hợp? Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ Bắt nạt của nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh.

**Hoạt động 1.6.2. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS tiếp xúc trực tiếp với văn bản, nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.

- [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, tìm hiểu chú thích từ ngữ, thông tin về tác giả tác phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** Đọc diễn cảm bài thơ, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc, gọi hai HS đọc bài thơ, tìm hiểu nghĩa của những từ khó: *híp-hóp, mù tạt.*  ? Tìm hiểu những nét chính về tác giả, tác phẩm?  ? Thảo luận cặp đôi: VB1 và VB2 có gì khác về mặt thể loại so với VB3?  ? Chỉ ra thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận giải quyết nhiệm vụ học tập.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức thể loại:  + Truyện thường viết bằng văn xuôi, có cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể truyện và lời nhân vật.  + Thơ viết bằng văn vần, có yếu tố gieo vần, ngắt nhịp, hình ảnh thơ và thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình. Câu thơ giới hạn số tiếng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Tác giả: Nguyễn Hoàng Thế Linh, sinh năm 1982, quê ở Hà Nội;  - Thơ viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui.  **3. Tác phẩm**  - Trích từ tập thơ *Ra vườn nhặt nắng*;  - Năm sáng tác: 2017.  - Thể loại: thơ 5 chữ. |

**Hoạt động 1.6.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ, mở rộng, bổ sung cho chủ đề của bài học.

- [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu thái độ của nhân vật “tớ”**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài thơ, chia 2 nhóm thảo luận để hoàn thành phiếu học tập (thời gian 7 phút)  \* Nhóm 1. Thái độ của nhân vật “tớ” đối với kẻ bắt nạt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ ngữ nhận xét về kẻ bắt nạt | Lời nhắn gửi đối với kẻ bắt nạt | Giọng điệu | |  |  |  | | Nhận xét về thái độ: | | |   \* Nhóm 2. Thái độ của nhân vật “tớ” đối với người bị bắt nạt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ ngữ nhận xét về người bị bắt nạt | Lời nhắn gửi đối với người bị bắt nạt | Giọng điệu | |  |  |  | | Nhận xét về thái độ: | | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi trong từng nhóm nhỏ (4 thành viên) hoàn thành điền phiếu học tập những nội dung tương ứng.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: Thái độ của nhân vật “tớ” rất rõ ràng: đã phê bình thẳng thắn, phủ định một cách mạnh mẽ chuyện bắt nạt nhưng vẫn cởi mở, thân thiện, trò chuyện tâm tình và dí dỏm, hài hước với các bạn bắt nạt. Với các bạn bị bắt nạt, nhân vật thể hiện sự gần gũi, tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bênh vực.  **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về nghệ thuật:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?  ? Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ của nhân vật “tớ” trong bài thơ?  ? Bài thơ nói về chuyện bắt nạt nhưng vẫn mang ý vị hài hước. Chỉ ra biểu hiện của ý vị hài hước đó?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trả lời từng câu hỏi;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ để nhấn mạnh, tỏ rõ thái độ của mình với các bạn hay bắt nạt người khác, “đừng bắt nạt” bởi đó là thói xấu cần loại bỏ.  **Nhiệm vụ 3. Nội dung ý nghĩa**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS trả lời:  ? Nêu nội dung ý nghĩa bài thơ?  - GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:  ***Tình huống 1:*** ***Nếu em bị bắt nạt?*** (Em im lặng chịu đựng, chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình?)  ***Tình huống 2:******Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt?*** (Em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?)  ***Tình huống 3:******Nếu mình là kẻ bắt nạt?*** (Em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là cách khẳng định bản thân hay nhận ra đó hành vi xấu cần từ bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi người bị mình bắt nạt?).  ? Em rút ra bài học gì cho bản thân?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: Bắt nạt là thói xấu gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, cần loại bỏ nhưng cần hướng đến sự thân thiện, bao dung, những bạn bị bắt nạt cần được bênh vực, bảo vệ và những bạn hay đi bắt nạt cũng cần được giúp đỡ để thay đổi tích cực hơn. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Thái độ của nhân vật “tớ”**  \* Đối với kẻ bắt nạt:  - Nhận xét:  + *Bắt nạt là xấu lắm,*  *+ Không thích bắt nạt*  *+ Bắt nạt dễ lây,*  *+ Bắt nạt rất hôi.*  - Lời nhắn gửi:  + *Đừng bắt nạt,*  *+ Không cần bắt nạt,*  *+ Sao không học hát, nhảy híp-hóp,*  *+ Đối diện thử thách đi…,*  *+ Những bạn nào nhút nhát*  *…Sao không yêu, lại còn …?*  - Giọng điệu trò chuyện cởi mở tâm tình, dí dỏm, hài hước và nhắn gửi.  - Thái độ rõ ràng với kẻ bắt nạt: thẳng thắn phê bình, phủ định mạnh mẽ chuyện bắt nạt.  \* Đối với người bị bắt nạt:  - Nhận xét: *Giống thỏ non, đáng yêu.*  - Lời nhắn gửi: *Cứ đưa bài thơ này* … bảo *đến gặp tớ ngay*.  - Giọng điệu nhẹ nhàng, thân thiện.  - Thái độ yêu mến, sẵn sàng bênh vực những bạn bị bắt nạt.  **2. Nghệ thuật**  - Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện 7 lần (Biện pháp điệp ngữ) nhằm nhấn mạnh thái độ không đồng tình với hành động bắt nạt.  - Giọng điệu dí dỏm, mang ý vị hài hước mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.  **3. Nội dung, ý nghĩa**  - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt - một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.  - Bài học: cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bênh vực những bạn yếu hơn mình. |

**Hoạt động 1.6.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 - 7 câu) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

- Báo cáo kết quả hoạt động: HS trình bày đoạn văn

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá.

**Hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động vết bài văn kể lại một trải nghiệm ở giờ học sau**

**Hoạt động 2. VIẾT**

**Tiết 9,10**

**Hoạt động 2.1. HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động 2.1.1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:  ? Trong VB Bài học đường đời đầu tiên, Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?  ? Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?  ? Với em, em có một trải nghiệm nào đáng nhớ không? Hãy kể lại trải nghiệm đó một cách ngắn gọn ?  **B2. HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ**  **B3. HS trình bày**  - HS trả lời câu hỏi  - Chia sẻ trải nghiệm của bản thân  **B4. Đánh giá, kết luận**  Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Ai trong chúng ta cũng đều trải qua những kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời, đó có thể là kỉ niệm vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ… Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về kiểu bài kể lại một trải nghiệm, giúp các em biết cách trình bày một bài văn kể. | - Dế Mèn đã chia sẻ trải nghiệm vì trò trêu chọc dại dột của mình đã gây nên cái chết của Dế Choắt, kể chuyện theo ngôi thứ nhất. |

**Hoạt động 2.1.2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm. [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu yêu cầu với đối bài văn kể lại một trải nghiệm**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi, yêu cầu học sinh hoạt động nhóm cặp đôi:  ? Nếu kể lại một trải nghiệm của mình, em sẽ sử dụng ngôi kể nào? Tại sao? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?  ? Theo em, một bài văn kể lại trải nghiệm mình đã trải qua cần đáp ứng những yêu cầu gì?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận tìm câu trả lời;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Trải nghiệm của bản thân là những việc xảy ra đối với chính bản thân mình, những việc mình trải qua và cho mình những suy ngẫm, những bài học nào đó. Vì vây cần kể chuyện ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”. Tác dụng giúp câu chuyện trở nên chân thận, người kể có thể bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, tâm trạng của mình  **\* Nhiệm vụ 2. Phân tích bài viết tham khảo**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu bài viết tham khảo kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ, yêu cầu HS đọc bài viết.  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm với các câu hỏi:  ? Câu chuyện được kể theo ngôi nào? Vì sao em biết?  ? Phần nào của bài viết đã giới thiệu trải nghiệm? Đó là trải nghiệm gì?  ? Phần nào kể các sự việc? Nêu các sự việc được kể?  ? Đoạn nào thể hiện cảm xúc của người kể? Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kết thúc?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân.  - HS trao đổi thảo luận nhóm 4 thành viên để hoàn thành yêu cầu  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại nội dung. | **I. Yêu cầu với đối bài văn kể lại một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.  **\* Phân tích bài viết tham khảo**  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  - Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm: kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun).  - Đoạn 2,3,4 tập trung và các sự việc chính của câu chuyện.  + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột.  + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun.  + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun.  + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích.  - Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân: buồn, khóc, chẳng ai quên được Mun, v.v… |

**Hoạt động 2.1.3. Các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm;

[6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS suy nghĩ chia sẻ cá nhân:  ? Mục đích của em khi viết bài văn kể lại một trải nghiệm là gì? Em định kể trải nghiệm của mình với những ai?  ? Hãy liệt kê ra giấy những sự việc quan trọng đã xảy ra với em? Em sẽ chọn trải nghiệm nào để chia sẻ với mọi người?  - GV yêu cầu HS làm việc tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu? | ……………………..  .................................. | | Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì? | ……………………..  ..................................  …………………….. | | Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào? | …………………….  .................................. | | Vì sao câu chuyện lạ xảy ra như vậy? | …………………….  .................................. | | Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? | …………………….  ..................................  ……………………. |   (Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em)  ? Sắp xếp thông tin và ý tưởng thành một dàn ý?  ? Trao đổi cặp đôi nhận xét về trình tự sắp xếp các ý trong dàn ý của bạn.  ? Khi viết bài, cần lưu ý điều gì?  ? Việc cần làm sau khi viết?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi ra giấy và phiếu học tập.  - Sau khi lập dàn ý, HS thảo luận về trình tự các sự việc trong dàn ý.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Các bước tiến hành viết bài văn kể lại một trải nghiệm**  **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài  - Một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc  - Một trải nghiệm buồn, tiếc nuối  - Một trải nghiệm khiến em thay đổi tự hoàn thiện mình…  b. Tìm ý  c. Lập dàn ý  - Mở bài: giới thiệu câu chuyện.  - Thân bài: kể diễn biến câu chuyện.  + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện.  - Kết bài: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.  **2. Viết bài**  - Bám sát dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng các yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật …  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Tiết 11,12**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**a. Mục tiêu:** [4], [5], [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** Thực hiện viết bài văn kể lại một trải nghiệm theo các bước: Trước khi viết, viết bài và chỉnh sửa bài viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn kể lại một trải nghiệm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân thực hiện các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm:  + Lựa chọn đề tài  + Tìm ý  + Lập dàn ý  + Viết bài bám sát dàn ý  + Chỉnh sửa bài sau khi viết (dựa vào bảng yêu cầu và gợi ý chỉnh sửa trong SGK Tr 31,32)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS nộp bài viết cho giáo viên  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá vào giờ học sau. | **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài  b. Tìm ý  c. Lập dàn ý  - Mở bài: giới thiệu câu chuyện.  - Thân bài: kể diễn biến câu chuyện.  + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện.  - Kết bài: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.  **2. Viết bài**  - Bám sát dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng các yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật …  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**GV yêu cầu HS nắm chắc những yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm**

**để chuẩn bị cho giờ trả bài viết.**

**Tiết 13**

**Hoạt động 2.3. TRẢ BÀI VIẾT VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** Xây dựng yêu cầu chung của bài văn viết về trải nghiệm của bản thân. GV trả bài, HS đối chiếu với yêu cầu cần đạt để đánh giá bài viết, phát hiện đoạn văn hay, những lỗi cần sửa.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn kể lại trải nghiệm của học sinh sau khi được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm 4 thành viên để trả lời câu hỏi:  + Yêu cầu của bài văn kể về một trải nghiệm?  + Xây dựng dàn ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân về nội dung câu hỏi  - Thảo luận nhóm thống nhất ý kiến  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4. GV đánh giá, kết luận**  *- Yêu cầu về hình thức*: Viết đúng bố cục bài văn gồm 3 phần: MB, TB, KB. Trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dấu câu....  *- Về nội dung:* Giới thiệu được tên trải nghiệm, nội dung của hoạt động trải nghiệm, cảm xúc, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm đó đối với bản thân.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV trả bài, yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu cần đạt;  - Phát hiện những thiếu sót và chỉnh sửa bài viết của mình;  - Thảo luận, chia sẻ cặp đôi nhận xét bài của bạn.  Nhận xét và chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: | **I. Nội dung yêu cầu**  \* Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ  **1. Yêu cầu chung**  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra  - Thể hiện cảm xúc trước SV được kể  - Bảo đảm yêu cầu về chính tả, diễn đạt  **2. Dàn ý**  a. MB: Kể được tên trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  b. TB: Kể diễn biến của câu chuyện  - Thời gian, không gian diễn ra trải nghiệm;  - Nhân vật có liên quan đến câu chuyện;  - Kể lại các sự việc trong câu chuyện;  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân  c. KB: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết |

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được trải nghiệm. | Nếu chưa giới thiệu được trải nghiệm, hãy viết một vài câu giới thiệu câu chuyện em định kể. |
| Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô. | Đánh dấu những từ ngữ chỉ người kể chuyện trong bài viết. Nếu chưa nhất quán, cần sửa lại. |
| Tập trung vào sự việc đã xảy ra | Bổ sung thông tin cần thiết đề người đọc hiểu được câu chuyện (nếu thiếu); lược bớt chi tiết thừa không tập trung vào câu chuyện. |
| Thể hiện cảm xúc trước SV được kể | Đánh dấu từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần bổ sung. |
| Bảo đảm yêu cầu về chính tả, diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. Chỉnh sửa nếu phát hiện có lỗi. |

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS nêu những mặt được, mặt hạn chế trong bài viết của mình và đề ra cách khắc phục

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét dựa trên kết quả hoạt động của học sinh.

- Đánh giá chung về bài làm của HS:

a. Ưu điểm:

+ Nhìn chung HS viết đúng thể loại, bài văn có bố cục 3 phần rõ ràng.

+ Các em đã kể được hoạt động trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

+ Có một số bài kể sáng tạo, hấp dẫn

+ Nhiều bài văn trình bày sạch đẹp, rõ ràng

+ Kết bài nhiều em đã biết rút ra ý nghĩa của hoạt dộng trải nghiệm sâu sắc

b. Tồn tại:

+ Một số em làm bài chưa trọn vẹn.

+ Diễn đạt còn lủng củng lủng củng, thiếu mạch lạc.

+ Một số bài quá tóm tắt tóm tắt, kể chưa hấp dẫn, ngôi kể chưa thống nhất.

+ Sai chính tả còn nhiều.

- Gọi hs đọc bài viết hay, nội dung câu chuyện hấp dẫn.

**GV yêu cầu HS mạnh dạn chia sẻ những trải nghiệm của bản thân cho mọi người để chuẩn bị cho giờ học nói và nghe.**

**Tiết 14,15**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động 3.1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, kết nối với nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời: Đâu là điểm chung giữa những người nổi tiếng sau đây:  - Ed Sheeran - nhạc sĩ, ca sĩ người Anh, chủ nhân của 4 giải Grammy  - Winston Churchill - cố thủ tướng Anh, Nobel văn chương 1953  - Marylyn Monroe – nữ diễn viên người Mĩ, biểu tượng thời trang mọi thời đại.  **B2. HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ**  **B3. HS trả lời.**  **B4. GV đánh giá, kết luận:**  Họ đều là những người từng bị tật nói lắp, và họ đã tập luyện bằng nhiều cách để khắc phục và thành công khi đứng trước công chúng.  Vậy làm thế nào để diễn giả trở thành người nói hấp dẫn, làm thế nào để thính giả trở thành những người nghe tích cực? Đó là nội dung học sinh sẽ từng bước tập luyện trong giờ học: thực hành nói về một trải nghiệm của em trước lớp. |  |

**Hoạt động 3.2. Nguyên tắc chung khi nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài nói và nghe.

**b. Nội dung:** HS vận dụng những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  1. Khi nói với người khác, ta cần chú ý điều gì?  2. Những việc cần thực hiện trong khi nghe người khác nói?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - Trình bày ý kiến cá nhân trước nhóm  - Nhóm tập hợp ý kiến và thống nhất câu trả lời.  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4. GV đánh giá, kết luận.** | **I. Nguyên tắc khi nói và nghe**  **1. Khi nói cần xác định:**  - Đối tượng: Người nghe của mình là ai?  - Mục đích: Nói để làm gì?  - Nội dung: Nói cái gì?  - Cách nói: Nói thế nào? (âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, thái độ, sự ết hợp cử chỉ, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ khi nói…)  **2. Khi nghe cần chú ý:**  - Cách nghe: tập trung tâm ý khi nghe và có thái độ cử chỉ tích cực khi nghe.  - Ghi chép hoặc ghi nhớ vắn tắt những gì đã nghe.  - Phản hồi, góp ý sau khi nghe. |

**Hoạt động 3.3. Nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** [5], [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS vận dụng những kiến thức, trả lời câu hỏi và thực hành kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu chuyện kể về một trải nghiệm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **1. Trước khi nói**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xác định rõ:  - Kể với ai?  - Mục đích kể để làm gì?  - Chuẩn bị nội dung kể: Lấy bài văn kể một trải nghiệm đáng nhớ đã viết, đọc lại bài viết, lấy bút chì (bút nhớ) đánh dấu vào những từ ngữ, câu văn quan trọng mà khi nói không thể bỏ qua.  - GV hướng dẫn HS tập luyện trước khi nói theo cặp, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động cặp đôi theo yêu cầu trên  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình kết quả đánh dấu bài viết  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS tập luyện theo cặp, kể và góp ý cho nhau.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận các bước và bổ sung những việc trước khi nói:  + Đánh dấu vào những từ ngữ, câu văn quan trọng mà khi nói không thể bỏ qua: Câu văn giới thiệu trải nghiệm; Những từ ngữ giới thiệu thời gian; Những câu văn trình bày diễn biến của câu chuyện; Những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.  + Để có thể nói tốt, các em cần tập luyện cho thuần thục. Ở nhà: Tập trình bày một mình trước gương, có thể trước người thân như ông bà, bố mẹ, anh chị em mình. Ở lớp: Có thể luyện nói theo nhóm, cùng trao đổi, góp ý cho nhau về nội dung nói, cách nói.  + Khi góp ý cho bài trình bày của bạn, nên tập trung vào các câu hỏi: Bài trình bày có tập trung vào trải nghiệm không? Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không? Khả năng truyền cảm hứng thể hiện như thế nào ở các yếu tố kèm lời và phi lời?  **2. Trình bày bài nói**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh quan sát phiếu đánh giá theo tiêu chí gồm 5 tiêu chí với 3 mức độ đánh giá.  - Gọi lần lượt 2 HS dựa vào các tiêu chí để trình bày bài nói, các HS khác lắng nghe một cách tích cực, cho điểm đánh giá vào phiếu cá nhân sau đó thống nhất cho điểm vào phiếu nhóm.  - GV sử dụng kĩ thuật 3-2-1 yêu cầu người nghe: Đưa ra 3 lời khen, 2 điều băn khoăn cần giải đáp, 1 lời góp ý cho người nói.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - 2 HS trình bày bài nói  - HS khác lắng nghe và đánh giá.  **B3. Báo cáo kết quả đánh giá**  **B4. GV nhận xét, kết luận**  GV dựa vào phiếu đánh giá tiêu chí và bài nói của học sinh để nhận xét. Chú ý động viên khuyến khích học sinh. | **II. Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm.**  **1. Trước khi nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói  - Tập luyện  **2. Trình bày bài nói** |



**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

**NHÓM: ……..**

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [5], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, hoàn thiện phiếu học tập củng cố kiến thức về đặc điểm của truyện đồng thoại.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập theo nhóm: Giới thiệu truyện đồng thoại mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:  a. Xác định người kể chuyện  b. Chỉ ra một số đặc điểm giúp em nhận biết được tác phẩm đó là truyện đồng thoại  c. Chọn 1 nhân vật yêu thích, liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả miêu tả để khắc học nhân vật đó (Điền vào Phiếu học tập):   |  |  | | --- | --- | | Ngoại hình  ……………………………..  ……………………………..  **Nhân vật**  ............ | Hành động và suy nghĩ  ……………………………..  …………………………….. | | Lời nói  ……………………………..  …………………………….. | Mối quan hệ với các nhân vật khác  ……………………………..  …………………………….. |  * d. Nêu cảm nhận của em về nhân vật? * **B2: HS thực hiện nhiệm vụ** * HS lựa chọn truyện đồng thoại, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập   **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trình bày  - HS khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  - Kết luận, khắc sâu kiến thức về đặc điểm của truyện đồng thoại và nhân vật trong truyện.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên, nhờ Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra được bài học cho mình. Trong đoạn trích nếu cậu muốn có một người bạn, cáo bày tỏ nếu được kết bạn với hoàng tử bé, cuộc đời sẽ như được chiếu sáng. Hãy kể một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ tình bạn.   * **B2: HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân)**   - HS suy nghĩ, lựa chọn câu chuyện để kể  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS thực hiện hoạt động nói và nghe  - HS khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**: [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học về truyện, truyện đồng thoại để thực hành đọc. Liên hệ bản thân để kể về trải nghiệm có được nhờ tình bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV Hướng dẫn học sinh thực hành đọc văn bản “Những người bạn” ở nhà và trả lời các câu hỏi:

*Câu 1. Xác định người kể chuyện, ngôi kể và các nhân vật có trong truyện*

*Câu 2. Hoàn thành phiếu học tập để thấy được đặc điểm nhân vật Lai-ca và Bi-nô qua lời đối thoại, cử chỉ, hành động của hai nhân vật.*

|  |  |
| --- | --- |
| Lai-ca | Bi-nô |
| ……………………………………..  …………………………………….. | ……………………………………..  …………………………………….. |

*Câu 3. Cảm nhận, suy nghĩ của nhân vật “tôi” (Bê-tô) về hai người bạn.*

|  |  |
| --- | --- |
| Lai-ca | Bi-nô |
| ……………………………………..  …………………………………….. | ……………………………………..  …………………………………….. |

*Câu 4. Thông điệp về tình bạn mà em nhận được từ văn bản.*

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động (ở giờ học sau)**

**Dự kiến sản phẩm**

***Câu 1.*** *Người kể chuyện, ngôi kể và nhân vật trong truyện:*

- Người kể chuyện: ngôi thứ nhất (chú chó Bê-tô xưng “tôi”)

- Nhân vật: Bê-tô, Lai-ca, Bi-nô

***Câu 2.*** *Nhân vật Lai-ca và Bi-nô:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lai-ca** | **Bi-nô** |
| Nghịch ngợm, sôi nổi: Nhai giày dép, nhai xà phòng, nhảy chồm chồm trong giờ ăn. | Điềm tĩnh, nhẹ nhàng, hành động thông thái: Nhìn thấy nắng sau những cơn mưa, nghe mưa rơi xuống mái tôn, ... |

***Câu 3****. Cảm nhận, suy nghĩ của nhân vật “tôi” (Bê-tô) về hai người bạn:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lai-ca** | **Bi-nô** |
| + Một người bạn thú vị  + Khoảng cách không thể ngăn cản tình bạn. Kể cả khi hình ảnh người bạn trong mắt không còn như cũ cũng không phải lí do để không yêu. | + Một người bạn thông thái  + Đem lại cách nhìn đời mới mẻ, học được nhiều điều từ Bi-nô.  + Cảm thấy không còn xa lạ với Bi-nô, nhớ về những điều thân thuộc, tự nhiên. |

***Câu 4.*** *Thông điệp về tình bạn từ văn bản:*

- Mỗi người bạn trong cuộc đời sẽ đem lại những trải nghiệm khác nhau.

- Tình bạn không phân biệt bởi sự khác nhau về ngoại hình, hành động hay khoảng cách. Tình bạn được tạo nên từ những kỉ niệm, thời gian cạnh nhau.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá.

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu học tập sử dụng cho văn bản 1: Bài học đường đời đầu tiên**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Điền từ ngữ phù hợp để hoàn thành các đoạn văn bên dưới**  **1**. Truyện đồng thoại là truyện viết cho ………………………., có nhân vật thường là ………………...……hoặc …………………………được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang đặc điểm vốn có của …………………………… vừa mang đặc điểm của ………………………………  **2**. ……………………. là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các …………………….…… được sắp xếp theo một trật tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  **3**. …………………………. là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. ……………………. thường là con người nhưng cũng có thể là ……………………………………. |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **1. Đọc văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” (từ đầu đến *có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi*) và điền từ, cụm từ phù hợp vào chỗ trống:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Dế Mèn tự miêu tả hình thức của mình  - Càng: ………………………………  - Vuốt: ……………………………  - Cánh: ……………………………  - Răng: ……………………………  - Râu: ….………………………….  **Chàng dế thanh niên**  - ……………………………….. |  | Hành động của Dế Mèn  ………………………………………  ………………………………………  ………………………………………  ………………………………………  ………………………………………  ……………………………………… | |  |  |  | | Dế Mèn tự đánh giá về bản thân  …………………………………  …………………………………  ………………………………… |  | Quan hệ của Dế Mèn với bà con trong xóm  ………………………………………  ………………………………………  ……………………………………… |   **2. Từ sơ đồ trên, em hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật Dế Mèn:**  ………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………… |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **1. Đọc văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” (từ *Bên hang xóm tôi* đến *Tôi về, không một chút bận tâm*) và điền từ, cụm từ phù hợp ở cột bên phải:**   |  |  | | --- | --- | | Cách xưng hô của Dế Mèn với Dế Choắt | ………………………………………………………………….  ………………………………………………………………….  …………………………………………………………………. | | Lời Dế Mèn miêu tả ngoại hình Dế Choắt | ………………………………………………………………….  ………………………………………………………………….  …………………………………………………………………. | | Lời Dế Mèn nhận xét về hang ở của Dế Choắt | ………………………………………………………………….  ………………………………………………………………….  …………………………………………………………………. | | Lời từ chối của Dế Mèn khi Dế Choắt mong muốn được giúp đỡ | ………………………………………………………………….  ………………………………………………………………….  …………………………………………………………………. |   **2. Nhận xét của em về thái độ của Dế mèn với Dế Choắt**  ………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………  **3. Đánh giá của em về nhân vật Dế Mèn qua mối quan hệ với người bạn hàng xóm**  ………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………….... |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  | *Hương Sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 2**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A4**  (48 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A5**  (48 hs) |
| **4** | 16 | 25/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **5** | 17 | 25/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 18 | 26/9/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 19 | 28/9/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 20 | 28/9/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **6** | 21 | 30/9/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 22 | 01/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 23 | 01/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 24 | 03/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **7** | 25 | 04/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 26 | 05/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 27 | 06/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
|  |  |  |  |  |  |

**BÀI 2: GÕ CỬA TRÁI TIM**

**(Số tiết: 12 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ; [1]

- Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ; [2]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; [3]

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; [4]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [5].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [6].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [7]

**3. Phẩm chất**

- Học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống; Trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình; [8]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [9].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu; Biết trình bày ý kiến về vấn đề đời sống ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu;

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, + Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Ảnh chân dung và tư liệu tham khảo về nhà thơ Xuân Quỳnh, R. Ta-go.

+ Một số bài thơ làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn.

+ Mô hình hóa các yếu tố tạo nên bài thơ nói chung: số tiếng, vần, nhịp, khổ, dòng thơ

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 16, 17. Văn bản: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**(Xuân Quỳnh)**

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Đọc câu ca dao ở đầu bài học. Nêu nội dung chính của câu ca dao? Vì sao ông cha ta lại ví công cha nhưi núi Thái Sơn - Nghĩa mẹ như nước trong nguồn?

2. Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời

**B3. HS báo cáo, chia sẻ:**HS chia sẻ theo hình thức cá nhân. Nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó.

- Sản phẩm dự kiến:

1. Câu ca dao nói về công lao to lớn của cha mẹ - người có công sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục ta trưởng thành. Câu ca dao nhắc nhở mỗi người về tình cảm gia đình.

2. GV có thể gợi ý một số truyện như chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người, v.v... )

**B4. Nhận xét, đánh giá, kết luận**:

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Từ khi cất tiếng khóc chào đời, chúng ta được sống trong tình yêu thương gia đình, gia đình là tổ ấm nuôi dưỡng tâm hồn của mỗi người. Chủ đề của bài học thứ hai chính là gõ cửa trái tim đánh thức mỗi chúng ta về tình cảm gia đình để ta biết trân trọng yêu thương. Bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người*** giúp các em hiểu hơn về nguồn cội, về tình yêu thương của mọi người đối với bản thân mình, đồng thời các em biết cách tìm hiều một văn bản thuộc thể loại thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**1. Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1**. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số đặc điểm của thơ như thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ...

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1. Giới thiệu bài học**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Đọc câu ca dao và phần *Giới thiệu bài học* (SGK/Tr 38), em hiểu chủ đề của bài học hướng đến đề tài gì? Thể loại chính sẽ tìm hiểu trong bài học thứ hai?  **B2: HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ**  **B3: HS trình bày ý kiến cá nhân**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại ý nghĩa của câu ngạn ngữ.  - GV giới thiệu: Bài học với chủ đề *Gõ cửa trái tim* tập trung vào một vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi con người, đó là tình cảm gia đình. Đây là bài học bồi dưỡng cho chúng ta tình cảm thiêng liêng ấy.  - HS lắng nghe và cảm nhận.  **\* Nhiệm vụ 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK và thảo luận theo nhóm:  - Mỗi nhóm hãy chọn ra một bài thơ mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:  ? Em hãy cho biết bài thơ được viết theo thể thơ gì?  ? Nội dung của bài thơ là gì? Bài thơ thiên về kể chuyện hay bày tỏ cảm xúc, nỗi lòng? Em hãy chỉ ra những đoạn thơ thể hiện điều đó.  - Dựa vào phần tri thức ngữ văn và bài thơ vừa tìm hiểu, hãy hoàn thành ***Phiếu học tập số 1 - Đặc điểm của thơ***  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - Hoàn thành Phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Dấu hiệu** | **Đặc điểm** | | **Căn cứ xác định thể thơ** | Số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,… | | **Ngôn ngữ** | Cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh | | **Biện pháp tu từ** | So sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v… | | **Nội dung chủ yếu** | Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống | | **Các yếu tố trong thơ** | Có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |   **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, kết luận: Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu  - GV có thể bổ sung thêm một số đặc điểm của thơ:  + *Vần* là phương tiện tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng thơ dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định. Mỗi thể thơ sẽ có những quy định về vị trí đặt vần khác nhau tạo nên những quy tắc gieo vần khác nhau. Có hai loại vần:   * Vần chân (cước vận): được gieo cuối dòng thơ, có tác dụng đánh dấu sự kết thúc của dòng thơ và tạo nên mối liên kết giữa các dòng. Vần chân rất đa dạng: khi liên tiếp, khi gián cách… và là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ. (GV tự nêu ví dụ). * Vần lưng (yêu vận): Vần được gieo ở giữa dòng thơ. Vần lưng khiến dòng thơ giàu nhạc tính. (GV tự nêu ví dụ).   + *Nhịp* là các chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ dựa trên sự lặp lại có tính chu kỳ số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng. Nhà thơ sáng tác theo một thể thơ nhất định nhưng vẫn có thể tạo nên một nhịp điệu riêng cho mình để biểu đạt một ý nghĩa nào đó. Ví dụ: *Nửa chừng xuân/ thoắt/ gãy cành thiên hương* (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) ngắt nhịp 3/1/4 khác với cách ngắt nhịp 4/4 của lục bát thông thường. Cách ngắt nhịp của Nguyễn Du khiến câu thơ như bị bẻ làm đôi làm ba, thể hiện số phận đầy đau khổ, phải chết giữa tuổi xuân đẹp đẽ như cành hoa gãy giữa lúc đương xuân của Đạm Tiên.  + *Âm điệu* là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ, được tạo nên từ vần, nhịp, thanh điệu và các yếu tố khác của âm thanh ngôn ngữ trong bài thơ. | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề: Tình cảm gia đình  - Thể loại chính: Thơ  TRI THỨC NGỮ VĂN  **Đặc điểm của thơ**  - Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài…  - Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v…)  - Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự (kể) và miêu tả nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |

**Hoạt động 1.2. Văn bản:** CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

**Hoạt động 1.2.1. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết một số đặc điểm của bài thơ, thông tin về tác giả, [5], [6], [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản.  - Tìm hiểu chú thích SGK  **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  - 3 học sinh đọc văn bản, các HS khác theo dõi.  - Giải thích nghĩa từ khó.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi, nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét cách đọc của HS.  **\* Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Yêu cầu HS theo dõi SGK, giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.  2. Thảo luận nhóm tìm hiểu chung về VB: xuất xứ và đặc điểm thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, bố cục của bài thơ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, đọc bài và trả lời câu hỏi.  - Thảo luận nhóm về xuất xứ, đặc điểm thể thơ...  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết luận**  - GV nhận xét, kết luận  - GV bổ sung:  + Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ khoá đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam (1962-1964).  + Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ hàng đầu của nửa cuối thế kỷ 20.  + Chủ đề thơ Xuân Quỳnh thường là những vấn đề nội tâm: kỷ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình... Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. Hiện thực xã hội trong thơ Xuân Quỳnh như một bối cảnh cho tâm trạng. Do vậy thơ Xuân Quỳnh hướng nội, rất tâm trạng cá nhân nhưng không là thứ tháp ngà xa rời đời sống. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  - Quê quán: Hà Nội.  - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trìu mến.  - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: *Lời ru mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Bến tàu trong thành phố...*  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: *Chuyện cổ tích về loài người* được rút ra từ tập thơ *Lời ru trên mặt đất*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978.  - Thể thơ: 5 chữ  - Ngắt nhịp: 3/2 hoặc 2/3  - Bố cục: 2 phần:  \* Phần 1: Thế giới trước khi trẻ con được sinh ra  \* Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con được sinh ra:  + Những đổi thay về thiên nhiên  + Sự xuất hiện của những người thân: Người mẹ, người bà, người bố, người thầy và mái trường. |

**Hoạt động 1.2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [8], [9]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và sản phẩm hoạt động nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm hoàn thành phiếu bài tập với nội dung:  \* Nhóm 1. Hình ảnh trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?  \* Nhóm 2. Khung cảnh tự nhiên có gì thay đổi khi trẻ con xuất hiện? Sự thay đổi đó có tác dụng gì? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?  \* Nhóm 3. Những thành viên nào trong gia đình lần lượt xuất hiện sau khi trẻ con sinh ra? Mỗi thành viên đem đến cho trẻ điều gì? Từ đây, em có suy nghĩ gì về vai trò của gia đình?  \* Nhóm 4. Ngoài gia đình còn có sự xuất hiện của ai, của sự vật nào? Người thầy và những phương tiện dạy học đem đến cho trẻ những gì?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nêu ý kiến cá nhân rồi thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày (Nhóm 1, Nhóm 2 trình bày)  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Nhóm 1.** Thế giới trước khi trẻ con ra đời  - Không cây cỏ, không ánh sang, không màu sắc.  -> Trái đất trụi trần không có sự sống.  **\* Nhóm 2.** Khung cảnh tự nhiên sau khi trẻ con ra đời  - Mặt trời cho ánh sáng  - Cây, cỏ, hoa giúp trẻ cảm nhận màu sắc  - Tiếng chim, làn gió cho âm thanh  - Sông cho trẻ tắm  - Biển cho cá tôm  - Con đường cho trẻ tập đi …  🡪 Trẻ em là trung tâm của thế giới. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.  - Đại diện Nhóm 3, Nhóm 4 trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **\* Nhóm 3.** Sự xuất hiện các thành viên trong gia đình  - Mẹ: đem đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc.   * + Cái bống cái bang: gợi những em bé chăm chỉ ngoan ngoãn trong ca dao, nhắc nhở sự hiếu thảo, yêu thương giúp đỡ cha mẹ; * + Cánh cò, vết lấm: gợi hình ảnh người nông dân lam lũ vất vả một nắng hai sương, nhắc nhở sự biết ơn, quý trọng người lao động; * + Vị gừng cay nhắc nhở tình cảm thủy chung... * -> Lời ru của mẹ là lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sè, nhân ái, thuỷ chung...   - Bà: kể chuyện ngày xưa, ngày sau (những câu chuyện cổ: con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông, … hoặc là chuyện mà với một người nhiều tuổi, có nhiều trải nghiệm như bà có thể đoán định được)  -> Điều bà muốn gửi gắm qua câu chuyện: sống có đạo lý, ở hiền gặp lành.  - Bố: cho hiểu biết, bảo cho biết ngoan, dạy cho biết nghĩ -> truyền dạy tri thức về thiên nhiên và cuộc sống.  🡪 Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có vai trò riêng và cách thể thiện tình yêu đối với trẻ khác nhau.  **\* Nhóm 4.** Sự xuất hiện trường lớp và thầy giáo  Xuất hiện chữ viết, ghế, bàn, lớp học, bảng, phấn và thầy giáo mang đến cho trẻ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng ước mơ đẹp giúp trẻ trưởng thành.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  \* Nhóm 1. Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua lời thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện nguồn gốc loài người mà em biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào?  \* Nhóm 2. Em hãy nêu căn cứ để xác định *Chuyện cổ tích về loài người* là một bài thơ.  \* Nhóm 3. Nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người* gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ là có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi;  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận:  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm:  \* Nhóm 1*. Chuyện cổ tích về loài người* của nhà thơ Xuân Quỳnh có những điểm giống và khác với những câu chuyện về nguồn gốc loài người  - Giống: đều có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo; đều nói về nguồn gốc của loài người;  - Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh:  + Không phải người lớn được sinh ra trước mà là trẻ con. Tư tưởng: trẻ con chính là trung tâm của vũ trụ, cần được nâng niu, hướng dẫn;  + Cách kể mang nét độc đáo, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng: Có trẻ con rồi người lớn mới trở thành bậc ông bà, cha mẹ: *Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông*.  \* Nhóm 2. Căn cứ để xác định đây là một bài thơ:  - Về nghệ thuật:  + Phương thức: Biểu cảm (mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)  + Số lượng tiếng: mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài.  + Vần: Bài thơ sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ, ví dụ:  *Từ cánh cò rất trắng*  *Từ vị gừng rất đắng...*  + Nhịp: Mỗi dòng thơ đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, tạo ầm điệu nhịp nhàng. Ví dụ:  *Trời sinh ra/ trước nhất*  *Chỉ toàn là/ trẻ con*  *Màu xanh/ bắt đầu cỏ*  *Màu xanh/ bắt đầu cây*  + Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc *(Màu xanh bắt đầu bằng…; Tiếng hót… biển…; Từ chuyện… bố bảo….; rồi có…)*, liệt kê: *(Trường từ vựng về thiên nhiên, trường từ vựng về những bài hát ru, câu chuyện cổ …)*  \* Nhóm 3. Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời**  Trái đất trụi trần không có sự sống, không ánh sáng và màu sắc.  **2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời**  a. Khung cảnh tự nhiên thay đổi  - Mặt trời cho ánh sáng  - Cây, cỏ, hoa giúp trẻ cảm nhận màu sắc  - Tiếng chim, làn gió cho âm thanh  - Sông cho trẻ tắm  - Biển cho cá tôm  - Con đường cho trẻ tập đi …  🡪 Trẻ em là trung tâm của thế giới. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.  b. Sự xuất hiện các thành viên trong gia đình  \* Mẹ: đem đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc.   * -> Lời ru của mẹ là lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sè, nhân ái, thuỷ chung   \* Bà: kể chuyện ngày xưa, ngày sau nhắc nhở sống có đạo lý, ở hiền gặp lành.  \* Bố: cho hiểu biết, bảo cho biết ngoan, dạy cho biết nghĩ -> truyền dạy tri thức về thiên nhiên và cuộc sống.    🡪 Mỗi thành viên trong gia đình có vai trò riêng và cách thể thiện tình yêu đối với trẻ khác nhau.  ***c. Sự xuất hiện trường lớp và thầy giáo***  Mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp giúp trẻ trưởng thành.  **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nghệ thuật**  *- Chuyện cổ tích về loài người* của nhà thơ Xuân Quỳnh có những điểm giống và khác với những câu chuyện về nguồn gốc loài người  + Có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo nói về nguồn gốc của loài người  + Cách kể mang nét độc đáo, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất có lý  - Thể loại: thơ 5 chữ có vần, nhịp, các biện pháp tu từ (điệp ngữ, so sánh, nhân hóa), mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc.  **2. Nội dung**  *Chuyện cổ tích về loài người* là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ. |

**Hoạt động 1.2.3. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người***.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS viết đoạn văn

- GV theo dõi, gợi ý: Có thể lựa chọn một trong các đoạn thơ:

+ Đoạn thơ nói về sự thay đổi của thế giới khi trẻ em xuất hiện;

+ Đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ;

+ Đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi;

+ Đoạn thơ bố dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...

+ Chú ý cấu trúc đoạn văn:

- Mở đoạn: Giới thiệu được bài thơ, đoạn thơ

- Thân đoạn: Cảm xúc về nội dung được gợi ra trong đoạn thơ và các yếu tố nghệ thuật được sử dụng trong đoạn

- Kết đoạn: Nêu suy nghĩ của bản thân.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động ***Thực hành tiếng Việt*** ở buổi học sau)

**Tiết 18.**

**Hoạt động 1.3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt động 1.3.1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**Hoạt động 1.3.2. Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức về nghĩa của từ; Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

[5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và kết quả làm bài của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về các biện pháp tu từ và trả lời câu hỏi:  ? Nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa, điệp ngữ và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa, điệp ngữ?  ? Nêu tác dụng của từng biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - Dự kiến sản phẩm:  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng. So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.  + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người.  + Điệp ngữ là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2**  **Bài tập 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  - Dự kiến sản phẩm:  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *Nhô* là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với nhưng cái xung quanh.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bài tập 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44 và làm bài tập theo cá nhân với hình thức thi ai tìm nhiều nhất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44; đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;  - GV yêu cầu HS chỉ ra biện pháp so sánh và phân tích tác dụng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bài tập 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bài tập 5:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*;  - GV yêu cầu HS tìm điệp ngữ và chỉ ra tác dụng;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 3.** Học sinh thực hiện ở nhà:  *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 - 7 câu) có sử dụng một trong các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.  *- HS thực hiện viết ở nhà*  *- GV nhận xét, đánh giá vào tiết học sau.* | **I. Ôn tập về một số biện pháp tu từ**  **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.  **3. Điệp ngữ**  - *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** (SGK/ Tr43, 44)  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh  mặt trời nhô cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  *Nhô* có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.  **Bài tập 2** (SGK/ Tr44)  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, …  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu thương…  **Bài tập 3** (SGK/ Tr44)  - Những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim.  -> Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4** (SGK/ Tr44)  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* - một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.  **Bài tập 5** (SGK/ Tr44)  - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:  + “rất”  + “Từ cái…”, “Từ…”  - Tác dụng:  + “rất”: Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;  + “Từ cái…”, “Từ…” liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ. |

**(GV hướng dẫn HS chuẩn bị đọc văn bản 2: *Mây và sóng* học vào giờ sau)**

**Tiết 19, 20**

**Hoạt động 1.4: Văn bản:** **MÂY VÀ SÓNG**

**(Rabindranath Tagore)**

**Hoạt động 1.4.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa?

? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS liên hệ bản thân để thực hiện nhiệm vụ,

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;

**B4. GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới***:*

Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, che chở, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ ***Mây và sóng*** của Tagore đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 1.4.2. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết một số đặc điểm của bài thơ, thông tin về tác giả, [5], [6], [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc và yêu cầu HS đọc bài thơ. Nêu câu hỏi:  ? Giới thiệu về tác giả và xuất xứ tác phẩm;  ? Đọc bài thơ *Mây và sóng*, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?  ? Mục đích chính của bài thơ là biểu cảm hay tự sự (kể) và miêu tả?  ? VB *Mây và sóng* có hình thức khác với VB *Chuyện cổ tích về loài người* như thế nào (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v…)? Vì sao nó vẫn được coi là VB thơ?  ? Bố cục của bài thơ chia mấy phần? Nội dung từng phần?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: *Mây và sóng* khác *Chuyện cổ tích về loài người* nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc thông qua từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Trong thực tế, hình thức thơ không quy định số tiếng trong một dòng, không vần… được gọi là thơ văn xuôi. Cách trình bày in ấn bài thơ là điều dễ nhận nhất để phân biệt với văn xuôi | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Rabindranath Tagore (1861 – 1941)  - Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống.  **b. Tác phẩm**  - *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non*.  - Người kể chuyện: em bé;  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;  - Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do);  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu... *và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm*: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”;  + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”. |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [8], [9]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và sản phẩm hoạt động nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi:  1. Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?  2. Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.  **\* Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ?  2. Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Đầu tiên em bé đã hỏi những người “trên mây” và “trong sóng” làm cách nào để có thể đến những nơi như họ đến. Em bé không từ chối ngay vì em bé có khát khao muốn khám phá.  + Em bé từ chối lời mời của họ vì tình cảm em dành cho mẹ, vì em biết mẹ đang chờ em.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Đó là những trò chơi nào? Trò chơi đó có gì thú vị so với lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?  2. Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?  3. Em cảm nhận như thế nào về câu thơ: *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Em bé đã sáng tạo ra hai trò chơi để em và mẹ hóa thân thành mây và trăng, sóng và biển. Trò chơi đó thú vị hơn những lời mời kia vì em vừa có thể thỏa mãn khát khao trở thành mây, thành sóng, vừa được quấn quýt bên mẹ.  + Những trò chơi ấy thể hiện tình mẫu tử sâu sắc;  + Câu thơ *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* cho thấy hai mẹ con đi chơi khắp nơi, hòa nhập vào tất cả thế giới.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **\* Nhiệm vụ 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa;  + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **\* Nhiệm vụ 6**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:  ***Tình huống 1****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?  ***Tình huống 2****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?  ***Tình huống 3****:* Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời tình huống;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”**  - Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về);  - Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).  🡪 Thế giới xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;  - Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.  Gợi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi.  **2. Lời từ chối của em bé**  - Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:  *+ Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*  *+ Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*  Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.  - Lời từ chối của em bé:  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*  Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”.  **3. Trò chơi của em bé**  - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ;  - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.    *a. Tình cảm em bé dành cho mẹ*  - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;  - Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;  - Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.  *b. Tình cảm mẹ dành cho em bé*  - Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: *mẹ mình đang đợi ở nhà*, *buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà*;  - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;  - *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào*  -> Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.  Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ; ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 - 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS viết đoạn văn

- GV theo dõi, gợi ý:

+ Mở đoạn: Giới thiệu hoàn cảnh gặp mây và sóng.

+ Các câu thân đoạn: Kể về cuộc trò chuyện với mây, với sóng.

+ Kết đoạn: Kết thúc cuộc trò chuyện và suy nghĩ của em.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- GV có thể cho HS tham khảo đoạn văn sau:

*Vào một buổi chiều mùa hè, em đang dạo chơi trên bãi biển thì bắt gặp mây và sóng. Chúng em đã có một cuộc nói chuyện rất vui vẻ. Mây nói rằng các bạn được dạo chơi từ lúc thức dậy đến lúc chiều tà, cùng chơi với bình minh vàng và vầng trăng bạc. Còn sóng thì được ca hát từ sáng sớm đến hoàng hôn, ngao du khắp mọi nơi. Cả hai đều rủ em đến chơi cùng. Thế giới của mây và sóng đã khiến em vô cùng thích thú. Nhưng em không thể theo họ được vì không có điều gì hạnh phúc khi được sống dưới mái ấm gia đình, đặc biệt là được ở bên mẹ trong vòng tay ấm áp yêu thương.*

**(Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động *Thực hành tiếng Việt* ở buổi học sau)**

**Tiết 21.**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

(ẨN DỤ, DẤU CÂU, ĐẠI TỪ)

**Hoạt động 1.5.1. Nêu vấn để**

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS váo nội dung chính trong bài học.

**b. Nội dung:** Nhắc lại những biện pháp tu từ mà học sinh đã biết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đặt câu hỏi: Hãy kể tên những biện pháp tu từ mà em biết?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, dựa vào những kiến thức đã học để trả lời câu hỏi;

**B3. Báo cáo kết quả**

- HS trả lời

- HS khác nhận xét, bổ sung

(Sản phẩm dự kiến: Biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ)

**B4. Đánh giá, kết luận**

- GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học hôm nay các em sẽ biết thêm một biện pháp tu từ mới, đó là biện pháp ẩn dụ, đồng thời tiếp tục củng cố về tác dụng của điệp ngữ và dấu câu qua văn bản đọc.

**Hoạt động 1.5.2. Nhận biết ẩn dụ**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [9]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc mục Nhận biết ẩn dụ (Sgk/47), tìm hiểu 2 ví dụ.  - GV cho HS thảo luận cặp đôi trong nhóm:  \* Nhóm 1:  ? Ở VD1: Từ “mặt trời” ở câu 1 và câu 2 có chỉ chung một sự vật không? Nếu không thì mỗi từ chỉ sự vật gì?  ? Đối với người mẹ, em bé trên lưng có nét nào tương đồng với mặt trời? Điều đó cho thấy tình cảm của người mẹ đối với con như thế nào?  \* Nhóm 2:  ? Ở VD2, việc dung từ “chảy” có gì đặc biệt?  ? Từ “chảy” trong câu thơ giúp em hình dung như thế nào về ánh nắng?  **B2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trả lời;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm:  \* Nhóm 1:  *- Mặt trời* (câu 1): Mặt trời của tự nhiên; *Mặt trời* (câu 2): Em bé trên lưng mẹ.  - Nét tương đồng: Em bé như mặt trời tỏa sáng trong cuộc đời mẹ. Qua đó cho thấy tình yêu con tha thiết của mẹ, niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng của con…  \* Nhóm 2:  - Từ “chảy” đặc biệt ở chỗ không dung để chỉ sự vận động của chất lỏng mà được dung với ánh nắng.  - Qua đó giúp người đọc hình dung được ánh nắng vàng rực tràn trề trên vai 2 cha con và lan tỏa khắp không gian  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.  - GV cung cấp cho HS khái niệm về ẩn dụ (Mục Tri thức ngữ văn – SGK/Tr39)  **GV có thể bổ sung thêm:**  - Ẩn dụ là phép so sánh ngầm (Vế A bị ẩn đi chỉ xuất hiện vế B)  - *Ẩn dụ* thường chỉ được đề cập như một biện pháp tu từ. Tuy nhiên, ẩn dụ còn là một phương thức chuyển nghĩa của từ. Khi sự chuyển đổi tên gọi làm thay đổi ý nghĩa của từ, làm cho từ có thêm nghĩa mới, được dùng phổ biến thì ẩn dụ không còn là biện pháp tu từ nữa mà trở thành phương thức chuyển nghĩa của từ.  VD: *Chân* vốn chỉ một bộ phận cơ thể người. Nhưng *chân* còn được dùng để chỉ những sự vật có nét tương đồng (về hình dáng, vị trí, chức năng,...) với bộ phận cơ thể: *chân* trong *chân bàn*, *chân tóc*, *chân ghế*, *chân núi*,... | **I. Nhận biết ẩn dụ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |

**Hoạt động 1.5.3. Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- [2], [5], [6], [7], [9];

- Củng cố lại kiến thức đã học về điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm bài của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **\* Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  **\* Nhiệm vụ:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 47;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **\* Nhiệm vụ 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 4, thảo luận nhóm (theo bàn) để hoàn thành yêu cầu.  - GV gợi ý:  ? Tìm những đoạn dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.  ? Xác định những lời nói đó là lời của ai?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận  **\* Nhiệm vụ 5:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 5  - GV yêu cầu HS đọc lại VB *Mây và sóng* để xác định  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ** (cá nhân)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **\* Nhiệm vụ 6:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 6;  - GV gợi ý:  ? Tìm thêm một số đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều ngoài SGK?  ? Sự khác nhau giữa: *chúng tôi, chúng tớ, bọn tớ, chúng tao, bọn tao* và *chúng ta, bọn mình, chúng mình* là gì?  ? Có thể dùng từ nào để thay cho từ *bọn tớ* trong bản dịch *Mây và sóng*? Vì sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  Trong tiếng Việt, ngoài *bọn tớ* còn có một số đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như *chúng ta*, *chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tớ*... Có thể dùng *bọn mình* hoặc *chúng tớ* trong số đó để thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này có cùng ý nghĩa và đều mang sắc thái gần gũi, thân thiện.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **\* Nhiệm vụ 7 (HS tự thực hiện ở nhà):**  Tưởng tượng em là em bé trong bài *Mây và sóng*. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 -7 câu) nêu cảm nhận của em về những người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và một biện pháp tu từ đã học. | **II. Luyện tập**  **Biện pháp tu từ**  **1. Bài tập 1** (SGK Tr47)  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.  - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.  **Bài tập 2** (SGK Tr47)  - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vầng trăng bạc”: ẩn dụ;  - Tác dụng:  + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, lấp lánh, dát vàng lên vạn vật gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.  + “Vầng trăng bạc”: mĩ lệ hóa vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.  🡪 Hai hình ảnh ẩn dụ mở ra không gian thiên nhiên rực rỡ, lấp lánh ánh sáng khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng khoảnh khắc quý giá của cuộc sống.  **Bài tập 3** (SGK Tr47)  - Điệp ngữ *lăn* (lặp lại 3 lần)  - Tác dụng:  + Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau vỗ vào bờ cát. + Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.  **Dấu câu**  **Bài tập 4** (SGK Tr47)  - Xác định lời dẫn trực tiếp của các nhân vật trong bài thơ:  + Lời của người “trên mây”:  + Lời của người “trong sóng”:  + Lời của em bé đối đáp với người “trên mây” và người “trong sóng”.  - Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp là dấu ngoặc kép.  **Bài tập 5** (SGK Tr47)  - *Bọn tớ* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều;  - *Bọn tớ* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.  **Bài tập 6** (SGK Tr47)  - *Chúng tôi*, *chúng tớ, chúng tao, bọn tao*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.  - *Chúng ta*, *bọn mình, chúng mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.  - *Bọn tớ*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói  Có thể chọn những từ *chúng tớ* (*chúng mình)* thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện. |

**(Hướng dẫn HS đọc VB *“Bức tranh của em gái tôi”*, trả lời các câu hỏi sau khi đọc để chuẩn bị cho giờ học sau).**

**Tiết 22, 23**

**Hoạt động 1.6. Văn bản: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**(Tạ Duy Anh)**

**Hoạt động 1.6.1. Nêu vấn để**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Ở nhà, em có anh chị hay có em trai, em gái không? Em và anh/chị/em của em đối xử với nhau như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và chia sẻ về anh/chị/em của mình.

- GV dẫn dắt vào bài học mới.

**Hoạt động 1.6.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc: Phân biệt rõ giữa lời kể, các đối thoại, diễn biến tâm lí của nhân vật người anh qua từng chặng.  1. Yêu cầu 3 HS đọc theo trình tự văn bản đến hết, HS khác lắng nghe.  2. Dựa vào phần tìm hiểu sau khi đọc, em hãy nêu hiểu biết của mình về nhà văn Tạ Duy Anh và truyện ngắn Bức tranh của em gái tôi*.*  3. Thảo luận nhóm (3 phút) với các câu hỏi:  + Truyện gồm những nhân vật nào?  + Người kể chuyện là ai? Xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  + Sử dụng ngôi kể thứ nhất có tác dụng gì?  + Truyện được kể theo diễn biến tâm trạng hay diễn biến sự việc?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào SGK để thực hiện nhiệm vụ cá nhân (câu 1,2), thảo luận nhóm (câu 3)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  1. HS đọc – nghe  2. Trả lời câu hỏi theo nhận thức cá nhân.  3. Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, kết luận về vai trò của ngôi kể thứ nhất giúp khai thác được chiều sâu tâm lí của nhân vật người kể chuyện, phù hợp với cách kể theo diễn biến tâm trạng. Truyện Bức tranh của em gái tôi kể về sự thay đổi trong diễn biến tâm trạng của nhân vật Tôi (người anh) ở các thời điểm trước khi tài năng của cô em gái được phát hiện, khi tài năng của em được phát hiện và khi đứng trước bức tranh đạt giải của cô em gái. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tên: Tạ Duy Anh;  - Năm sinh: 1959;  - Quê quán: Hà Nội;  - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980.  **b. Tác phẩm**  - Truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* đạt giải nhì trong cuộc thi viết *Tương lai vẫy gọi* của báo Thiếu niên Tiền phong 1998.  - Người kể chuyện là nhân vật người anh trai.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất xưng “tôi” giúp thể hiện chiều sâu tâm lí bởi nhân vật tham gia vào chính tiến trình của truyện. |

**Hoạt động 1.6.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết các nét tâm lí, tính cách của hai nhân vật: người anh và cô em gái trong truyện; [5], [6], [7], [8], [9];

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động 3 nhóm tìm hiểu tâm trạng, thái độ của người anh:  *+ Nhóm 1: Trước khi tài năng của Kiều phương được phát hiện, thái độ của nhân vật “tôi” với em gái mình ra sao?*  *+ Nhóm 2: Em hãy cho biết khi cả nhà phát hiện ra tài năng của Kiều Phương, nhân vật “tôi” đã có thái độ, tâm trạng như thế nào?*  *+ Nhóm 3: Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  1. Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật Kiều Phương:  + Ngoại hình…  + Hoạt động…  + Tính cách…  + Tài năng…  + Tình cảm …  2. Nhận xét chung về nhân vật Kiều Phương?  - Yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận cá nhân: Em thích nhất đặc điểm gì ở nhân vật kiều Phương? Vì sao?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm theo yêu cầu  **B3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận, chốt lại về cách phân tích nhân vật trong thể loại truyện: tâm lí, tính cách, ngoại hình, hành động, mối quan hệ với nhân vật khác.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện?  ? Theo em, truyện *Bức tranh của em gái tôi* đề cập đến chủ đề gì?  ? Từ các VB *Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi,* em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?  ? Thông điệp, bài học mà tác phẩm đem đến cho mọi người là gì?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Diễn biến tâm trạng người anh – nhân vật “tôi*”***  ***a. Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện***  - Gọi em là Mèo - tên gọi dễ thương, thể hiện sự yêu thương của người anh dành cho em gái mình;  - “Bắt gặp” em gái đang làm gì đó sự vô tình nhìn thấy;  - “Quyết định bí mật theo dõi em gái tôi” -> hành động tò mò thể hiện sự quan tâm.  - Coi hành động của em gái mình là những trò nghịch ngợm, dễ thương.  ***b. Khi tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện***  *+ … Tôi luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục xuống.*  *+ Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.*  *+ Xem trộm những bức tranh của Mèo, lén trút ra một tiếng thở dài…*  *+ Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi.*  *+ Nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu..*  🡪 Người anh tự ái, mặc cảm, tự ti và có phần đố kị với người em  ***c. Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ***  + *“Sững người”, “ngỡ ngàng”:* bất ngờ vì không nghĩ mình lại là nhân vật được vẽ trong tranh;  + *“Hãnh diện”:* hãnh diện vì là anh trai của một tài năng, hãnh diện vì hính ảnh mình trong tranh đẹp, bức tranh hoàn hảo đạt giải nhất  + *“Xấu hổ”:* xấu hổ vì trước đây đã có thái độ ích kỷ, đố kị với em, xấu hổ trước tâm hồn trong sáng và nhân hậu của cô em gái  + *“Muốn khóc quá”:* Tâm trạng lên đến đỉnh điểm, muốn vỡ òa trong tất cả các trạng thái cảm xúc. Cảm thấy em gái mình trong sáng và nhân hậu: không chấp nhặt những lời gắt gỏng của anh mình.  🡪 Người anh nhận ra thói xấu của mình, nhận ra tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu của cô em gái  ***2. Nhân vật Kiều Phương***  - Ngoại hình: Mặt luôn bị bẩn;  - Hoạt động: hay lục lọi đồ vật; tự pha chế màu vẽ; vừa làm vừa hát;  - Tính cách: vui vẻ, hồn nhiên  - Tài năng: hội họa;  - Tình cảm: thân thiết, quý mến anh trai (Vẽ anh vào tranh, luôn coi anh là người thân thuộc nhất, không để ý đến những lời gắt gỏng của anh)  🡪 Kiều Phương là cô bé vui vẻ, hồn nhiên, yêu quý anh trai, có tâm hồn trong sáng và nhân hậu.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể ngôi thứ nhất gần gũi, đáng tin  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua cách miêu tả diễn biến tâm lý.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  - Truyện viết về chủ đề tình cảm gia đình: Tình cảm anh em.  - Tình yêu thương sẽ gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.  - Tình cảm yêu thương, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kị và có tác dụng cảm hóa con người. |

**(Yêu cầu HS tìm đọc “Chị sẽ gọi em bằng tên” (Giắc Can-phiu & Mác Vích-to Han-xen,**

**Hướng dẫn HS chuẩn bị phần viết cho giờ học sau)**

**Hoạt động 2.**  **VIẾT:**

**Tiết 24.**

**Hoạt động 2.1. HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**Hoạt động 2.1.1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?  - GV gợi ý:  + Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì?  + Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần phải giới thiệu được về bài thơ, bao gồm: tên bài thơ, tên tác giả;  + Phải chỉ ra được các yếu tố tự sự, miêu tả và phân tích được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  + Nêu được ý kiến cá nhân, đồng tình hay không đồng tình, có góp ý gì với cách thể hiện của nhà thơ hay không.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi:  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận:  **\* Phân tích bài viết tham khảo**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu bài viết tham khảo Cảm xúc khi đọc bài thơ *Mây và sóng*, yêu cầu HS đọc bài viết.  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động 4 nhóm với các câu hỏi:  \* Nhóm 1  ? Đoạn văn giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả như thế nào? Em có cách giới thiệu khác không?  ? Câu nào thể hiện cảm xúc chung về bài thơ?  \* Nhóm 2  ? Chỉ ra những chi tiết tự sự và miêu tả được người viết sử dụng trong đoạn văn?  ? Theo tác giả đoạn văn, yếu tố tự sự và miêu tả có gì độc đáo?  \* Nhóm 3  ? Đoạn văn khái quát cảm xúc chung của người viết như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về hình thức của đoạn văn?  \* Nhóm 4  ? Đoạn văn gồm mấy câu?  ? Nêu vai trò của câu mở đoạn, các câu thân đoạn và câu kết đoạn văn?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi bài đoạn văn cùng các ô chỉ dẫn, trao đổi thảo luận nhóm để hoàn thành yêu cầu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận. bổ sung:  + Về hình thức: Đoạn văn bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng, gồm nhiều câu và kết thúc bằng dấu chấm kết đoạn.  + Nội dung: Ghi lại cảm xúc về bài thơ  + Cách triển khai nội dung: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. | **1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;  - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.  **\* Phân tích bài viết tham khảo** |

**Hoạt động 2.1.2: Tìm hiểu các bước tiến hành viết đoạn văn**

**a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS tìm ý: HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ *(Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng),* tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả theo Phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai? | .................................  ……………………. | | Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ? | ................................  …………………… | | Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | ................................  ……………………. | | Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | ................................  …………………… | | Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ | ................................  …………………… |   - Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ: lập ý cho đoạn văn theo gợi ý.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Các bước tiến hành**  a. Trước khi viết  - Lựa chọn đề tài;  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  b. Viết bài  c. Chỉnh sửa bài viết |

**Tiết 25.**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**

**VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**Hoạt động 2.2.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** HS biết một số bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, chuẩn bị tâm thế viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ

**b. Nội dung:** HS sử dụng vốn hiểu biết về văn học và kiến thức đã có để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Những bài thơ HStrình bày và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu yêu cầu:

? Hãy kể tên hoặc đọc một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả mà em biết?

? Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?

? Nêu các bước tiến hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng những kiến thức đã có để trả lời

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS chia sẻ hiểu biết của bản thân.

- HS khác bổ sung

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu nội dung yêu cầu của bài học: Thực hành viết đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

**Hoạt động 2.2.2. Thực hành viết**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS vận kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trình bày bước trước khi viết  (Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý) đã được thực hiện ở nhà theo yêu cầu của giờ học trước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS sử dụng bài tập đã thực hiện ở nhà  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày kết quả chuẩn bị trước khi viết  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả trên cơ sở đã chuẩn bị bước trước khi viết.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  1. HS viết đoạn văn theo dàn ý đã chuẩn bị:  - Mở đoạn: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.  - Thân đoạn:  + Nêu ấn tượng, cảm xúc về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ.  + Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.  + Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.  - Kết đoạn: Khái quát điều em tâm đắc về bài thơ.  2. chỉnh sửa lại đoạn văn sau khi viết  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đoạn văn  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá | **II. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  a. Trước khi viết  - Lựa chọn bài thơ;  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  b. Viết bài  c. Chỉnh sửa bài viết |

**Tiết 26.**

**Hoạt đồng 2.3. TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ**

**MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh. Kết quả hoạt động nhóm đánh giá theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm 4 thành viên để trả lời câu hỏi:  + Yêu cầu của bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả?  + Xây dựng dàn ý cho đoạn văn sẽ viết?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân về nội dung câu hỏi  - Thảo luận nhóm thống nhất ý kiến  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4. GV đánh giá, kết luận**  *- Yêu cầu về hình thức*:  + Viết đúng hình thức của một đoạn văn  + Đảm bảo số câu gồm  + Cấu trúc 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.  + Trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dấu câu....  *- Về nội dung:*  + Giới thiệu được tên văn bản, tác giả và cảm xúc chung,  + Trình bày được yếu tố tự sự, miêu tả và chỉ ra nét độc đáo, tác dụng của yếu tố đó.  + Khái quát điều em tâm đắc về bài thơ.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, đọc đoạn văn của bạn và đánh giá dựa vào bảng tiêu chí. | **I. Nội dung yêu cầu**  \* Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.  **1. Về hình thức**  - Đúng hình thức của đoạn văn  - Đảm bảo số câu  - Bảo đảm yêu cầu về chính tả, diễn đạt  **2. Nội dung**  - Mở đoạn: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.  - Thân đoạn:  + Nêu ấn tượng, cảm xúc về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ.  + Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.  + Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.  - Kết đoạn: Khái quát điều em tâm đắc về bài thơ. |

**Tiêu chí đánh giá**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tiêu chí đánh giá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức | Đúng hình thức của một đoạn văn |  |  |
| Đảm bảo số câu theo yêu cầu |  |  |
| Có câu mở đoạn, các câu thân đoạn, câu kết đoạn. |  |  |
| Mắc ít lỗi về chính tả, từ ngữ, diễn đạt. |  |  |
| Nội dung | Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ. |  |  |
| Nêu được ấn tượng, cảm xúc về yếu tố tự sự hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ. |  |  |
| Đánh giá được tác dụng của việc kể chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài. |  |  |
| Khái quát cảm xúc hoặc điều em tâm đắc về bài thơ. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu cần đạt;  - Phát hiện những thiếu sót trong bài viết của bạn để góp ý cho bạn chỉnh sửa đoạn văn;  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS nêu những mặt được, mặt hạn chế trong bài viết của bạn.  - Học sinh được nhận xét đề ra cách khắc phục hạn chế. Chỉnh sửa lại những chỗ mắc lỗi trong đoạn văn, bổ sung những chi tiết còn thiếu (nếu có) và viết lại cho hoàn chỉnh.  **B4. GV đánh giá, kết luận:**  - Nhận xét dựa trên kết quả hoạt động của học sinh.  - Gọi HS đọc đoạn văn sau khi đã chỉnh sửa. |  |

**(Hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề trong đời sống gia đình để chuẩn bị cho hoạt động Nói và nghe)**

**Tiết 27.**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH**

**Hoạt động 3.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu học sinh chia sẻ với các bạn về gia đình mình

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình để liên hệ

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động:** Học sinhkể, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về gia đình.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, động viên khuyến khích học sinh

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học nói và nghe.

**Hoạt động 3.2. Nói và nghe: trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình**

**a. Mục tiêu:** [4], [5], [6], [7], [8], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, thực hiện các bước chuẩn bị bài nói, thực hành nói và nghe.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói và bảng đánh giá của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xác định rõ:  - Mục đích nói?  - Đối tượng người nghe là ai?  - Chuẩn bị nội dung nói: Dựa vào chính trải nghiệm của em hoặc tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo, các phương tiện nghe nhìn để chọn vấn đề muốn nói:  + Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình  + Việc chăm sóc, lắng nghe, thấu hiểu của cha mẹ đối với con cái  + Thái độ của con đối với cha mẹ  + Những việc cấn làm để gia đình trở thành tổ ấm yêu thương  + Sự tôn trọng sở thích và mong muốn của từng người…  - Có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh, bài hát, v.v… về gia đình để minh họa cho bài nói;  - GV hướng dẫn HS tập luyện trước khi nói theo cặp, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói;  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Các nhóm luyện nói.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày bài nói theo các ý đã chuẩn bị trước lớp;  - Các HS còn lại lắng nghe tích cực, có thể đưa ra những câu hỏi cần làm rõ hoặc giải đáp những vấn đề liên quan đến nội dung nói của bạn.  - Thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - 2 HS trình bày bài nói  - HS khác lắng nghe tích cực và có ý kiến trao đổi.  - HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết qua đánh giá theo tiêu chí  **B4. GV nhận xét, kết luận**  GV dựa vào phiếu đánh giá tiêu chí và bài nói của học sinh để nhận xét. Chú ý động viên khuyến khích học sinh. | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện.  **2. Trình bày bài nói**  **3. Trao đổi về bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| Chọn được vấn đề trong đời sống gia đình | Chưa lựa chọn được vấn đề | Lựa chọn được vấn đề nhưng chưa hay | Vấn đề hay, có ý nghĩa trong đời sống gia đình |
| Ý kiến đưa ra thể hiện rõ quan điểm cá nhân có lí, có tình. | Chưa thể hiện được ý kiến cá nhân | Thể hiện được ý kiến cá nhân đủ để người nghe hiểu vấn đề | Thể hiện quan điểm rõ ràng, biết phân tích vấn đề với lí lẽ sắc bén song vẫn thể hiện |
| Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, ngập ngừng, lặp lại nhiều lần | Nói to nhưng đôi chỗ ngập ngừng, lặp lại | Nói to, truyền cảm, liền mạch, hầu như không lặp lại |
| Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, kết hợp tranh ảnh, bài hát…) phù hợp. | Thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm, không kết hợp tranh ảnh minh họa | Đã tự tin, nhìn vào người nghe nhưng chưa biểu cảm, chưa kết hợp tranh ảnh minh họa. | Rất tự tin, biểu cảm sinh động, phù hợp, kết hợp được tranh ảnh, bài hát minh họa |
| Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói | Có chào hỏi, có lời kết thúc bài nói | Lời chào hỏi và lời kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):**

**MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO**

*Mấy ngày mẹ về quê  
Là mấy ngày bão nổi  
Con đường mẹ đi về  
Cơn mưa dài chặn lối.*

*Hai chiếc giường ướt một  
Ba bố con nằm chung  
Vẫn thấy trống phía trong  
Nằm ấm mà thao thức.*

*Nghĩ giờ này ở quê  
Mẹ cũng không ngủ được  
Thương bố con vụng về  
Củi mùn thì lại ướt.*

*Nhưng chị vẫn hái lá  
Cho thỏ mẹ, thỏ con  
Em thì chăm đàn ngan  
Sớm lại chiều no bữa  
Bố đội nón đi chợ  
Mua cá về nấu chua...*

*Thế rồi cơn bão qua  
Bầu trời xanh trở lại  
Mẹ về như nắng mới  
Sáng ấm cả gian nhà.*

*(Tác giả: Đặng Hiển,**Trích Hồ trong mây)*

**Câu 1**. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

**Câu 2**. Tìm các từ láy có trong bài thơ?

**Câu 3.** Câu thơ nào có hình ảnh so sánh?Cho biết tác dụng của phép so sánh đó?

**Câu 4**. Nêu chủ đề của bài thơ?

**B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày kết quả làm bài

- Dự kiến sản phẩm:

**Câu 1**. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ 5 chữ

**Câu 2**. Các từ láy có trong bài thơ: thao thức, vụng về

**Câu 3.** Câu thơ có hình ảnh so sánh: *Mẹ về như nắng mới*

Tác dụng của phép so sánh: So sánh *mẹ* với *nắng mới* cho thấy sự ấm áp, niềm vui khi có mẹ.

**Câu 4**. Chủ đề của bài thơ: Vai trò của người mẹ là rất quan trọng trong gia đình. Mẹ vừa chăm lo cho gia đình, vừa là chỗ dựa tinh thần cho tất cả mọi thành viên.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Bài tập 2.** GV cho HS tự hoàn thành các nội dung ***Củng cố, mở rộng*** ở nhà.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS tự ***thực hành đọc*** văn bản *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến hình ảnh hai cha con và cuộc trò chuyện giữa họ, ý nghĩa của hình ảnh những cánh buồm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm; chú ý đến những biện pháp tu từ đã học được sử dụng trong bài thơ: ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 06 tháng 10 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 3**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A4**  (48 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A5**  (48 hs) |
| **7** | 28 | 13/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **8** | 29 | 13/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 30 | 13/10/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 31 | 14/10/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 32 | 16/10/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **9** | 33 | 16/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **34** | 17/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **35** | 18/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **36** | 18/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **10** | 37 | 19/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 38 | 21/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 39 | 22/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 40 | 23/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **11** | 41 | 25/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 42 | 26/10/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

*Bảng trên gồm: 12 tiết bài 3 + 1 tiết ôn tập giữa kì (T34) và 2 tiết kiểm tra giữa kì 1 (T35, 36)*

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

*Thương người như thể thương thân (Tục ngữ Việt Nam)*

**(Số tiết: 12 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB; [1]

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra; [2]

- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu [3].

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; [4]

- Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân [5].

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [6].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [7].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [8]

**3. Phẩm chất**

- Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh [9]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [10].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu; Biết kể lại trải nghiệm ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu;

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, + Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Ảnh chân dung và tư liệu tham khảo về nhà thơ An-đec-xen, Thạch Lam.

+ Tranh minh họa cho truyện hiện đại: Bức tranh em gái tôi.

+ Tranh vẽ mô hình đặc điểm nhân vật (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ);

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 28, 29, 30. Văn bản: CÔ BÉ BÁN DIÊM**

(Han Cri-xti-an An-đec-xen)

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em đã từng thấy ai ở trong hoàn cảnh khó khăn chưa? Lúc đó em và mọi người có thể làm gì để giúp đỡ họ?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, liên hệ thực tế để trả lời

**B3. HS báo cáo, chia sẻ:**chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

**B4. Nhận xét, đánh giá, kết luận**:

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Ai trong chúng ta cũng có lúc rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Khi ta giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ, cả người cho và người nhận đều cảm thấy được tình yêu thương. Tình yêu thương là một điều kỳ diệu. Nó giúp nuôi dưỡng và sưởi ấm tâm hồn chúng ta. Trong bài học Yêu thương và chia sẻ này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu hai VB ***Cô bé bán diêm*** và ***Gió lạnh đầu mùa***.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1**. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** Nắm được tri thức ngữ văn của bài học: Đặc điểm nhân vật trong văn bản truyện.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1. Giới thiệu bài học**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Đọc câu tục ngữ dưới tên bài học và phần *Giới thiệu bài học* (SGK/Tr 59), em hiểu chủ đề của bài học nói về điều gì? Thể loại chính sẽ tìm hiểu trong bài học thứ ba?  **B2: HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ**  **B3: HS trình bày ý kiến cá nhân**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại ý nghĩa của câu tục ngữ.  - GV giới thiệu: Bài học với chủ đề *yêu thương và chia sẻ* tập trung vào một vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi con người, đó là lòng nhân ái, tình yêu thương con người, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn. Đây cũng là truyền thống quý báu của dân tộc ta.  - HS lắng nghe và cảm nhận.  **\* Nhiệm vụ 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:  ? Khi nói về một nhân vật, em thường nghĩ đến những đặc điểm nào của nhân vật đó?  ? Nhắc lại người kể chuyện ngôi thứ nhất trong các VB trước em đã được học. Theo em, trong các VB truyện kể, ngoài người kể chuyện ngôi thứ nhất, còn có thể có người kể chuyện ngôi khác được không?  ? Đặc điểm của ngôi kể thứ ba?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Những đặc điểm của một nhân vật trong truyện kể: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm.  + Trong truyện kể, ngoài người kể chuyện ngôi thứ nhất, còn có người kể chuyện theo ngôi thứ ba.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề: Tình yêu thương, chia sẻ  - Thể loại chính: Truyện ngắn  TRI THỨC NGỮ VĂN:  **Miêu tả nhân vật trong truyện kể**  - Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục, …);  - Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh;  - Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại;  - Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật. |

**Hoạt động 1.2**. ĐỌC VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM (Han Cri-xti-an An-đec-xen)

**Hoạt động 1.2.1: Đọc và tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về nhà văn An-đec-xen và truyện ngắn *Cô bé bán diêm*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, tìm hiểu chú thích  - Thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi:  ? Nêu những điều em biết về nhà văn An-đec-xen?  ? Người kể chuyện ở ngôi kể thứ mấy?  ? Nhân vật chính trong truyện là ai?  ? Xác định bố cục của truyện? Hãy kể lại tóm tắt truyện *Cô bé bán diêm*?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.  - GV có thể bổ sung thêm hiểu biết cho học sinh:  + Đan Mạch là một đất nước Bắc Âu, diện tích chỉ bằng 1/8 diện tích của Việt Nam, có thủ đô là Copenhaghen. Vào mùa đông, khí hậu ở đây rất khắc nghiệt.  + Truyện **Cô bé bán diêm** đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen;  - Năm sinh – năm mất: 1805 – 1875;  - Quê quán: Đan Mạch;  - Là nhà văn chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Bằng trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn, ông đã sáng tạo nên một thế giới huyền ảo mà rất gần gũi với con người, cuộc sống đời thường.  - Các tác phẩm nổi tiếng: *Bầy chim thiên nga*, *Nàng công chúa và hạt đậu*, *Nàng tiên cá*, *Bộ quần áo mới của hoàng đế*.  **3. Tác phẩm**  - *Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của Andersen.  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm;  - Bố cục: 3 phần  + Đoạn 1: Từ đầu... *đôi bàn tay em đã cứng đờ ra*: hoàn cảnh của em bé bán diêm;  + Đoạn 2: Tiếp theo... *họ đã về chầu Thượng đế*: Những lần quẹt diêm và mộng tưởng của em bé;  + Đoạn 3: Còn lại: Mọi người phát hiện ra cái chết của em bé. |

**Hoạt động 1.2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung phần 1 hoàn thiện **Phiếu học tập số 1 (**đã được chuẩn bị ở nhà)   |  |  | | --- | --- | | Gia cảnh của cô bé bán diêm | ………………………………...  ……………………………….. | | Thời gian, không gian | ………………………………..  ……………………………….. | | Các chi tiết miêu tả ngoại hình | ………………………………..  ……………………………….. | | Cách ứng xử của những người xung quanh | ………………………………..  ……………………………….. | | Cảm nhận của em về nhân vật cô bé bán diêm: ………  ……………………………………………………… | |   ? Em có suy nhĩ gì về cách ứng xử của những ngường xung quanh? Nếu chứng kiến cô bé bán diêm trong đêm giao thừa như vậy, em sẽ làm gì?  ? Tìm những chi tiết miêu tả sự đối lập trong phần 1 của truyện (gia cảnh của em bé khi bà còn sống và hiện nay, tình cảnh của em bé và mọi người trong đêm giao thừa)? Sự đối lập ấy có tác dụng gì?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  - Dự kiến sản phẩm Phiếu học tâp:  + Gia cảnh: Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán; Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa; Phải đi bán diêm để kiếm sống.  + Thời gian, không gian: Đêm giao thừa, trời rét, mọi nhà sáng rực ánh đèn; em bé bán diêm chỉ có một mình  + Ngoại hình của em bé: ăn mặc mỏng manh, thiếu thốn; đầu trần, bông tuyết bám đầy trên tóc; chân đất, đỏ ửng rồi tím bầm; dò dẫm trong đêm; bụng đói;  + Cách ứng xử của mọi người xung quanh: Một thằng bé cười nhạo; chẳng ai đoái hoài đến em, chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh…  🡪 Cách ứng xử vô tâm, vô cảm, tàn nhẫn, thiếu tình thương)  - Nếu chứng kiến cảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa như vậy, emcó thể:  + Mua giúp bao diêm (nếu có tiền)  + Tặng bạn chiếc áo ấm nếu có thể  + Nhờ bố mẹ giúp  + Xin phép bố mẹ cho cô bé về nhà mình…  + Một lời động viên, một cái nắm tay truyền hơi ấm là ta đã cho bạn món quà tình cảm đáng quý…  - Nghệ thuật tương phản đối lập làm nổi bật tình cảnh đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của những người xung quanh, đồng thời giúp ta phần nào hình dung được xã hội Đan Mạch thế kỉ XIX với sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội thiếu vắng tình thương.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm?  2. Hoàn thành vào Phiếu học tập số 2: Ghi lại những hình ảnh xuất hiện sau mỗi lần cô bé quẹt diêm:   |  |  | | --- | --- | | Cố bé quẹt que diêm thứ nhất | ………………………………...  ……………………………….. | | Cố bé quẹt que diêm thứ hai | ………………………………..  ……………………………….. | | Cố bé quẹt que diêm thứ ba | ………………………………..  ……………………………….. | | Cố bé quẹt que diêm nữa vào tường | ………………………………..  ……………………………….. | | Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện những ước mong nào của em bé bán diêm?  ………………………………………………………… | |   3. Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?  4. Thảo luận nhóm: Điều gì xảy ra sau mỗi lần diêm tắt? Em có nhận xét gì về cách miêu tả giữa hiện thực và mộng tưởng?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Dự kiến sản phẩm:  + Lần 1: Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng -> Vì em đang rét, muốn được sưởi ấm;  + Lần 2: Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay…-> Vì em đang đói, muốn ăn.  + Lần 3: Cây thông Noel, ngọn nến sáng rực, lấp lánh…  -> Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới;  + Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm cười với em -> Vì em muốn có tình yêu thương của bà  + Lần 5: Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao  -> Em muốn níu giữ bà lai.  - Mộng tưởng đẹp thể hiện khát khao cháy bỏng của cô bé về 1 cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.  - Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Em bé chết vì lí do gì? Nhà văn miêu tả cái chết của em bé như thế nào? Theo em, cô bé bán diêm có được lên Thiên đường cùng bà không, hay đó chỉ là mộng tưởng?  ? Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó cho thấy điều gì về xã hội hiện thực trong tác phẩm?  ? Kết thúc của truyện có hậu hay không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả và thực hiện**  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Dự kiến sản phẩm:  + Đó vừa là cái chết thương tâm, vừa là một cách để em bé giải thoát khỏi cuộc sống khổ ải.  + Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó phản ánh xã hội hiện thực đã lãnh đạm, thờ ơ với cuộc sống xung quanh, thiếu tình thương, sự quan tâm, chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của con người.  + Về mặt lý tưởng, kết truyện vẫn có hậu. Về mặt thực tế, kết truyện mang phần bi kịch. Đây là sự kết hợp độc đáo trong cách viết kết truyện của nhà văn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **\* Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Khái quát lại những nét độc đáo trong nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật kể chuyện của nhà văn?  ? Nêu ý nghĩa truyện? Nhà văn muốn nhắn nhủ người đọc điều gì qua câu chuyện?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả và thực hiện**  - HS trả lời  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cô bé bán diêm trong đêm giao thừa**  - Cô bé đơn độc, đói rét, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần, không được ai quan tâm, giúp đỡ.  **2. Các lần quẹt diêm và các mộng tưởng**  - Các lần quẹt diêm và mộng tưởng:  + Lần 1: Thấy lò sưởi  + Lần 2: Thấy bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay…  + Lần 3: Thấy cây thông Noel, ngọn nến sáng rực, lấp lánh  + Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm cười với em  + Lần 5: Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao  - Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý thể hiện mong ước của cô bé về một cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.  - Khi diêm tắt, em bé trở về với thực tại đói, rét, cô đơn  -> Mộng tưởng tương phản, đối lập và đan xen thực tế...    **3. Cái chết của cô bé bán diêm**  - Em bé có đôi má hồng, môi mỉm cười.  -> Sự giải thoát, theo bà về thiên đường, về với hạnh phúc.  - Em bé đã chết vì rét trong đêm giao thừa.  -> Cái chết thương tâm.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.  - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập.  - Sáng tạo trong cách viết kết truyện.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống. |

**Hoạt động 1.2.3: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** HS viết được đoạn văn, [2], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong văn bản đọc để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn

- GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần)

Gợi ý:

\* Hình thức: Một đoạn văn (như một đoạn của bức thư).

\* Nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”.

\* Nội dung: Nói lên suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện “Cô bé bán diêm”. Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm; có thể bày tỏ sự đồng tình của em với nhà văn khi để em có những mộng tưởng đẹp, có thể lên án thái độ thờ ơ vô cảm hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết của truyện…

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá.

**(GV hướng dẫn HS chuẩn bị hoạt động Thực hành tiếng Việt vào giờ học sau)**

**Tiết 31**

**Hoạt động 1.3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (CỤM DANH TỪ)**

**Hoạt động 1.3.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu học sinh đặt câu.

**c. Sản phẩm:** Các câu học sinh đặt.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS:

? Hãy đặt câu có chủ ngữ và vị ngữ chỉ là một từ?

? Phát triển câu vừa đặt để chủ ngữ và vị ngữ là một cụm từ?

? So sánh và rút ra nhận xét về nội dung diễn đạt của 2 câu?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**: đặt câu

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**: HS trình bày, HS khác nhận xét

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV kết luận và dẫn dắt vào bài học mới:Thành phần chính của câu có thể là từ và có thể là một cụm từ. Trong buổi Thực hành tiếng Việt hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 1.3.2. Nhận biết cụm từ, tác dụng việc mở rộng thành phần câu bằng cụm từ**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc mục Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ (SGK/Tr 66)  ? So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:  (1) Tuyết/ rơi.  (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **B3. HS trình bày kết qủa hoạt động**  *- Dự kiến sản phẩm:*  + Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ;  + Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ;  + Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết;  + Vị ngữ *rơi đầy trên đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết.  **B4. GV đánh giá kết luận**  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Em hãy đọc phần thông tin trong SGK trang 66 và nêu hiểu biết về cụm danh từ;*  *+ Lấy ví dụ một danh từ và phát triển nó thành cụm danh từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả hoạt động dựa vào nội dung nhận biết trong SGK.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + Dự kiến ví dụ một danh từ và phát triển thành cụm danh từ:  *Danh từ: học sinh -> Cụm DT: những học sinh lớp 6A*  *Danh từ: cây na ->Cụm DT: ba cây na trong vườn.*  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.**  **1. Ví dụ**  (1) Tuyết/ rơi.  (thành phần chính của câu là một từ)  (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường. (thành phần chính là một cụm từ)  **2. Kết luận**  - Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.  - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe  **II. Nhận biết cụm danh từ**  - Cụm danh từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ  + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện  + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian. |

**Hoạt động 1.3.3. Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 66 và hoàn thành bài tập;  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày kết quả làm bài;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Đọc bài tập 2 trong SGK trang 66;*  *+ Đọc lại VB* ***Cô bé bán diêm*** *và hoàn thành bài tập.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và hoàn thành bài tập;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 66;*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - Dự kiến sản phẩm:  Tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chính của câu giúp câu văn có thêm nhiều thông tin và thể hiện được nhiều ý tưởng của người viết/nói.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và tự hoàn thành bài tập 4 SGK trang 67;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thực hiện;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 5**  *- GV yêu cầu HS:* Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà của mình, trong đoạn văn có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.  *- HS thực hiện viết đoạn văn ở nhà*  *- GV nhận xét, đánh giá vào tiết học sau.* | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK trang 66)**  Cụm danh từ trong các câu là:  a. - *khách qua đường* (*khách*: danh từ trung tâm; *qua đường*: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm);  - *lời chào hàng của em* (*lời*: danh từ trung tâm; *chào hàng*, *của em*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm);  b. - *tất cả các ngọn nến* (*ngọn nến*: danh từ trung tâm; *tất cả các*: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các);  - *những ngôi sao trên trời* (*ngôi sao*: danh từ trung tâm; *những*: phần phụ trước, chỉ số lượng; *trên trời*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm).  **Bài tập 2 (SGK trang 66)**  - VD cụm danh từ: *Tất cả những que diêm còn lại trong bao*  Danh từ trung tâm: *que diêm*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Những que diêm ấy;*  *+ Ba que diêm;*  *+ Các que diêm trong hộp.*  - Cụm danh từ: *buổi sáng lạnh lẽo ấy*  Danh từ trung tâm: *buổi sáng*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Buổi sáng hôm nay;*  *+ Những buổi sáng nắng đẹp;*  *+ Một buổi sáng ấm áp.*  - Cụm danh từ: *một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười*  Danh từ trung tâm: *em gái*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Em gái tôi;*  *+ Em gái có mái tóc dài đen óng;*  *+ Hai em gái có cặp sách màu hồng.*  **Bài tập 3 (SGK trang 66)**  a. - *Em bé vẫn lang thang trên đường*. (Chủ ngữ là danh từ *em bé*).  - *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *em bé đáng thương*, *bụng đói rét*).  b. *- Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là danh từ em gái).  - *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất*).  - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ.  - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ:  + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (*em bé*)  + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (*đáng thương*, *bụng đói rét*; *nhỏ*, *đầu trần*, *chân đi đất*).  + Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm.  **Bài tập 4 (SGK trang 67)**  a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà*  - Chủ ngữ: Gió;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *những cơn gió lạnh*.  b. *Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng*  - Chủ ngữ: Lửa;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *Ngọn lửa hồng*.  **Bài tập 5 (SGK trang 67)** |

**(Hướng dẫn HS đọc VB *“Gió lạnh đầu mùa”* chuẩn bị cho tiết học sau)**

**Tiết 32, 33:**

**Hoạt động 1.4. Văn bản 2: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

**(Thạch Lam)**

**Hoạt động 1.4.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS vận dụng những trải nghiệm của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, định hướng vào bại.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Đọc nhan đề ***Gió lạnh đầu mùa***, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ từ trải nghiệm thực tế

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**:

- HS trả lời, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta cần có quần áo ấm và hơn thế cũng rất cần tình cảm yêu thương đem lại hơi ấm tình người. Trong truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** nhà văn Thạch Lam muốn nói với chúng ta điều gì? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 1.4.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận với văn bản, nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm; [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn khi đọc và giới thiệu những nét chính về tác giả  - Yêu cầu học sinh trình bày xuất xứ, thể loại, ngôi kể, nhân vật, bố cục và tóm tắt các sự việc chính.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc – nghe  - Tìm hiểu những thông tin chính về tác giả sau khi đọc.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Các sự việc chính:  + Mùa đông giá lạnh đã đến, hai chị em Sơn được mặc quần áo đẹp đẽ và ấm áp.  + Hai chị em Sơn ra xóm chợ chơi và thấy những người bạn nghèo mặc những bộ quần áo bạc màu, nhiều chỗ vá. Đặc biệt là em Hiên chỉ có manh áo rách tả tơi, co ro chịu rét. Sơn nảy ra ý định cho Hiên cái áo bông cũ của em Duyên.  + Chị Lan hăm hở về lấy áo cho Hiên, Sơn cảm thấy trong ḷòng ấm áp, vui vui.  + Chuyện cho áo đến tai người thân, lo sợ bị mẹ mắng, hai chị em đi tìm Hiên đòi áo.  + Mẹ Hiên sang nhà Sơn trả lại áo  + Biết hoàn cảnh của gia đình Hiên, mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn tiền may áo mới cho con. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh;  - Quê ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút, ...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.  **3. Tác phẩm**  - Xuất xứ:“Gió lạnh đầu mùa” rút từ tập truyện “Gió đầu mùa” của Thạch Lam, năm 1937  - Thể loại: Truyện ngắn  - Ngôi kể: Ngôi thứ ba  - Nhân vật: Chị em Sơn, Hiên và lũ trẻ con xóm chợ, vú già, mẹ Sơn, mẹ Hiên  - Bố cục:  + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Cảm xúc của Sơn về thiên nhiên, cảnh vật vào buổi sáng khi gió lạnh tràn về.  + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người trước việc cho áo của Sơn. |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm với các câu hỏi:  *1. Theo dõi phần đầu VB* ***Gió lạnh đầu mùa****, đoạn buổi sáng khi ở trong nhà, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?*  *2. Theo dõi phần 1 của VB, Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên;*  *3. Theo dõi phần 2 của VB, tìm những chi tiết miêu tả thái độ, lời nói, hành động của chị em Sơn đối với lũ trẻ con xóm chợ trong đó có Hiên? Những chi tiết ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?*  *4. Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*  *5. Tìm chi tiết miêu tả suy nghĩ, hành động của 2 chị em Sơn khi trở về nhà? Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm (thời gian 10 phút): nêu ý kiến cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?*  *+ Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, thái độ, hành động của lũ trẻ con xóm chợ và Hiên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi SGK tìm chi tiết;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm:  + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn;   * + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá víu, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá. + Chúng “giương” mắt “ngắm” bộ quần áo: sự chú ý đặc biệt, nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong -> Càng khắc họa đậm nét hơn sự nghèo khó   - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Thảo luận nhóm: Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm và bé Hiên?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện học sinh trình bày  - Dự kiến sản phẩm:  \* Giống:  + Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương;  + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt  \* Khác: | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nhân vật Sơn và Lan**  ***a. Buổi sáng khi ở trong nhà***  - Gia cảnh: sung túc  + Có vú già;  + Cách xưng hô: “cô Duyên” Cách gọi mẹ: “mợ” -> gia đình trung lưu  + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;  - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:  + *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá*;  + *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*.  -> Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.  ***b. Khi ra chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ***  - Thái độ: Sơn và chị thân mật không kiêu kỳ  - Lời nói:  + Gọi ra chơi;  + Hỏi: *“Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u mày may cho?”* -> sự quan tâm thật lòng;  - Suy nghĩ: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo*, *thấy động lòng thương*, *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  - Hành động: cho Hiên chiếc áo:  -> Tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.  ***c. Chiều tối khi trở về nhà***  - Sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo  -> Cách miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, phù hợp với sự ngây thơ của trẻ.  🡪 Sơn và chị đều là những đứa trẻ sống giàu tình yêu thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.  **2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo**  a. Lũ trẻ xóm chợ:  + Ngoại hình: Trang phục không khác ngày thường, quần áo nâu bạc vá nhiều chỗ, môi tím lại, da thâm đi, rét run, hàm răng đập vào nhau.  + Thái độ: Vui mừng nhưng không dám vồ vập.  + Hành động: Sán gần ngắm bộ quần áo mới của Sơn.  b. Nhân vật Hiên:  + Ngoại hình: Trang phục mặc có manh áo rách tả tơi.  + Hành động: Đứng co ro bên cột quán  + Thái độ, lời nói: *bịu xịu*, buồn tủi.  🡪 Bọn trẻ con nhà nghèo, thiếu thốn đáng thương. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hiên** | **Cô bé bán diêm** | | **Tên** | Có tên | Không tên | | **Đất nước** | Việt Nam đầu thế kỷ XX: đa phần nghèo | Đan Mạch/Châu Âu thế kỉ XIX: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo | | **Thời gian** | Đầu mùa đông, cái lạnh mới bắt đầu | Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới  Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới. | | **Cách ứng xử của mọi người** | - Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè... | Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ | | **Cái kết** | Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm | Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết vì rét và đói. | | |
| **Nhiệm vụ 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (thời gian 5 phút) yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1. Tìm những chi tiết miêu tả mẹ Hiên: Cuộc sống, thái độ và hành động khi biết Sơn cho áo? Đánh giá phẩm chất của nhân vật?*  *2. Tìm những chi tiết miêu tả lời nói, cử chỉ, hành động của mẹ Sơn? Nhận xét của em về nhân vật này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, theo dõi SGK tìm chi tiết và nhận xét.  - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm:  \* Mẹ Hiên: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con.  + Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ”  + Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi - cậu - mợ;  + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.  \* Mẹ của Sơn: mắng yêu con,âu yếm ôm con vào lòng, *c*ho mẹ Hiên vay tiền để mua áo ấm cho con…  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 5:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Em hãy khái quát nội dung ý nghĩa truyện và đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của VB*?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên**  ***a. Mẹ của Hiên***  - Làm nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con  - Cách ứng xử của mẹ Hiên không cho con lấy đồ của người khác.  🡪 Hình ảnh người mẹ nghèo nhưng giàu lòng tự trọng.  ***b. Mẹ của Sơn***  - Lời nói: mắng yêu con  - Cử *chỉ "âu yếm ôm con vào lòng"* chứa đựng biết bao tình thơm thảo.  - Hành động: cho mẹ Hiên vay tiền để mua áo ấm cho con.  -> Với các con, mẹ Sơn có cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương (không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác). Với mẹ Hiên, cách cư xử của mẹ Sơn nhân hậu, tế nhị, chia sẻ, giúp đỡ, ấm áp tình người.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;  - Miêu tả tinh tế  **2. Nội dung**  Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Có nhiều nhân vật trẻ em trong truyện “Gió lạnh đầu mùa”. Hãy viết đoạn văn (5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một nhân vật mà em thấy thú vị.

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện viết đoạn văn ở nhà.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động** (vào giờ học sau)

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** (vào giờ học sau)*.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành Phiếu học tập sau (ở nhà) chuẩn bị cho tiết ôn tập giữa kì I

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kĩ năng** | | **Nội dung học** | | | | |
| **Đọc văn bản** | | Bài 1. Truyện đồng thoại | | | | VB1:…………..................... |
| VB2: …………..…………. |
| Bài 2. Thể loại thơ | | | | VB1: …………..…………. |
| VB2: …………..…………. |
| Bài 3. Thể loại truyện ngắn | | | | VB1: …………..…………. |
| VB2: …………..…………. |
| **Thực hành tiếng Việt** | | …………………………………………………………… | | | | |
| ………………………………………………………….. | | | | |
| ………………………………………………………….. | | | | |
| **Viết** | | ………………………………………………………….. | | | | |
| …………………………………………………………. | | | | |
| **Nói và nghe** | | ………………………………………………………… | | | | |
| ………………………………………………………… | | | | |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** | |  |  | *Hương Sơn, ngày 16 tháng 10 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** | | |

Ngày soạn: 17/10/2024

Ngày dạy: 6A4: / /2024 6A5: / /2024

**Tiết 34 - ÔN TẬP GIỮA KÌ**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Củng cố các tri thức đã học về thể loại truyện, truyện đồng thoại, thơ gắn liền với chủ đề tình bạn, tình cảm gia đình và tình yêu thương chia sẻ. HS biết đọc hiểu, nhận biết đặc điểm thể loại, các giá trị của văn bản [1].

- Nhận biết từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của từ, các biện pháp tu từ đã học và tác dụng của các biện pháp tu từ [2].

**b. Năng lực ngôn ngữ**:

- Học sinh viết được bài văn kể lại một trải nghiệm; biết trình bày vấn đề, ý kiến của cá nhân [3]*.*

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [4].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [5].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [6].

**3. Phẩm chất**

- Biết quý trọng tình bạn, tình cảm gia đình; bồi dưỡng lòng nhân ái, biêt yêu thương chia sẻ [7]

- Chăm chỉ, tự giác, tích cực trong học tập [8].

\* Học sinh khuyết tật: Nhận biết đặc điểm chính của thể loại, tên văn bản đã học. Đọc hiểu, nói ở mức độ đơn giản; biết hợp tác với các bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học: Giáo án; Phiếu học tập; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Học liệu: Một số đoạn văn bản truyện, thơ tham khảo làm ngữ liệu bài tập.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại tên 3 bài học

? Những điều em học được qua 3 chủ đề?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: Chia sẻ những điều học sinh học được qua các nội dung đã học*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu tiết ôn tập.*

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV yêu cầu học sinh trình bày phiếu học tập (đã làm ở nhà)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kĩ năng | Nội dung học | | | Đọc văn bản | Bài 1. Truyện đồng thoại | VB1:…………... | | VB2: ………….. | | Bài 2. Thể loại thơ | VB1: ………….. | | VB2: ………….. | | Bài 3. Thể loại truyện ngắn | VB1: ………….. | | VB2: ………….. | | Thực hành tiếng Việt | ………………………………….. | | | ………………………………….. | | | …………………………………..  ………………………………….. | | | Viết | ………………………………….. | | | ………………………………….. | | | Nói và nghe | ………………………………….. | | |  | ………………………………….. | |   2. Nêu đặc điểm của truyện đồng thoại? Để đọc hiểu tryện đồng thoại, cần chú ý đến những yếu tố nào?  3. Trình bày đặc điểm của thơ? Khi đọc văn bản thơ cần chú ý những gì?  4. Thế nào là từ đơn, từ phức? Phân biệt từ ghép, từ láy?  5. Em hiểu như thế nào về các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ? Tác dụng của mỗi biệp pháp tu từ này?  6. Nêu yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm? Dàn ý bài văn kể một trải nghiệm như thế nào?  7. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả? Dàn ý của đoạn?  8. Yêu cầu đối với việc nói và nghe?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm 4 thành viên, thảo luận hoàn thành phiếu học tập (1)  - Hoạt động cặp đôi với các yêu cầu 2,3,4,5,6,7,8  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | **A. Các nội dung đã học**  **I. Đọc văn bản**  **1. Đọc hiểu thể loại truyện đồng thoại – Chủ đề tình bạn**  - VB1: Bài học đường đời đầu tiên (Trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* - Tô Hoài)  - VB2: nếu cậu muốn có một người bạn (Trích *Hoàng tử bé* – Ăng-toan Đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri)  **2. Đọc hiểu thể loại thơ – Chủ đề tình cảm gia đình**  - VB1: Chuyện cổ tích về loài người (Xuân Quỳnh)  - VB2: Mây và sóng (R. Ta-go)  **3. Đọc hiểu thể loại truyện ngắn – Chủ đề yêu thương và chia sẻ.**  - VB1: Cô bé bán diêm (An-đec-xen)  - VB2: Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)  **II. Thực hành tiếng Việt**  - Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)  - Nghĩa của từ  - Các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ.  **III. Viết**  1. Viết bài văn kể lại một trải nghiệm  2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  **IV. Nói và nghe**  1. Kể lại một trải nghiệm  2. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** 1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8].

**b. Nội dung:** HS thực hành đọc hiểu các đoạn văn theo thể loại đã học và tìm ý, lập dàn ý cho đoạn văn, bài văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động 2 nhóm lớn:  + Nhóm 1. Làm Bài tập 4 (Sách bài tập Ngữ văn 6 – Tr5.6)  + Nhóm 2. Làm Bài tập 5 (SBT Ngữ văn 6 – Tr 14,15)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ (theo bàn) thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động  - Nhóm khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá  - Chốt lại cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện, văn bản thuộc thể loại thơ: Bám vào tri thức ngữ văn về thể loại, chú ý các từ ngữ, các biện pháp tu từ đã học trong phần thực hành tiếng Việt được vận dụng trong văn bản. Càn rút ra bài học, lời nhắn nhủ, thông điệp nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. HS xem lại nội dung hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và lập dàn ý cho đề văn.  2. Tập viết bài văn kể lại trải nghiệm với bạn, với người thân trong gia đình.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Nội dung viết bài văn, đoạn văn thực hiện ở nhà  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày dàn ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm, dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự.  - HS khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận** | **B. Luyện tập**  **I. Bài tập đọc hiểu**  **II. Viết đoạn văn, bài văn** |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** 1], [2], [3], [5], [6], [7], [8].

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Nhiệm vụ 1**: **GV yêu cầu HS làm các bài tập đọc hiểu (ở nhà):**

**Bài tập 1. Đọc phần trích sau đây và trả lời câu hỏi**:

*Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.*

*Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó ...*

*Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:*

*- Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khỏe mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!*

*Tôi cố quẫy mình… Tấm áo gai dày và ấm bất chợt bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý, hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!”.*

*Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ấm sực của rừng già… “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!” – tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp …*

(*Theo* Phương Thanh Trang, trích *Câu chuyện của hạt dẻ gai,*

tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*, số 12 (465), 2020)

**Câu 1**.Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?

**Câu 2**. Tình yêu của mẹ Dẻ Gai với “Bé Út” được thể hiện như thế nào?

**Câu 3**.Tìm các từ láy trong câu văn: *“Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ”.* Câu văn có sử dụng phối hợp những biện pháp từ nào?

**Câu 4**. Nhân vật “tôi” trong câu chuyện này có phải là một nhân vật đồng thoại không? Vì sao?

**Câu 5**. Nêu bài học cuộc sống mà em có thể rút ra từ câu chuyện của hạt dẻ gai trong đoạn trích.

Dự kiến sản phẩm

**Câu 1**. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật xưng “tôi” - đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai. Kể theo ngôi thứ nhất.

**Câu 2**. Tình yêu của mẹ Dẻ Gai với “Bé Út” được thể hiện qua lời nói vừa âu yếm vừa động viên, khích lệ con dũng cảm đón nhận cuộc sống mới để trưởng thành:

- *Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khỏe mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!*

*“Tạm biệt con yêu quý, hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!”.*

**Câu 3**. Biện pháp tu từ: Nhân hóa và điệp ngữ; Từ láy: lồng lộng, ào ạt.

**Câu 4**. Nhân vật “tôi” trong câu chuyện này là một nhân vật đồng thoại vì nhân vật là một sự vật (hạt dẻ gai) được nhân cách hóa. Nhân vật vừa mang đặc tính vốn có của sự vật vừa mang đặc điểm của con người.

**Câu 5**. Bài học cuộc sống có thể rút ra từ câu chuyện của hạt dẻ gai: Ai rồi cũng lớn lên. Hãy vượt qua sự nhút nhát, sợ hãi và dũng cảm đón nhận cuộc sống mới, điều đó giúp chúng ta trưởng thành hơn.

**Bài tập 2. Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC - Tế Hanh**

Sáng nay mùa thu sang

Cha đưa con đi học

Sương đọng cỏ bên đường

Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa

Xanh mướt cao ngập đầu

Con nhìn quanh bỡ ngỡ

Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la

Như hương thơm đất nước

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trướcThu 1964

(In trong Khúc ca mới, NXB Văn học, 1966, tr23)

**b. Chọn đáp án đúng nhất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Câu 1****: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?* | | | | |
| *A. Tự do* | *B. Năm chữ* | *C. Lục bát* | *D. Bốn chữ* | |
| ***Câu 2****: Từ “*đường*” trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường" là từ:*  *A. Từ đồng âm B. Từ đồng nghĩa. C. Từ trái nghĩa D. Từ đa nghĩa* | | | | |
| ***Câu 3****: Cụm từ "*nhìn quanh bỡ ngỡ*" là cụm từ gì?* | | | | |
| *A. Cụm danh từ* | *B. Cụm động từ* | *C. Câu tính từ* | | *D. Cụm chủ vị.* |
| ***Câu 4****: Em hiểu như thế nào là "bỡ ngỡ"?*  *A. Có cảm giác ngỡ ngàng, lúng túng vì còn mới lạ chưa quen.*  *B. Có cảm giác sợ sệt trước những điều mới lạ.*  *C. Không tin tưởng vào chính mình.*  *D. Luôn cảm thấy lo lắng không yên.* | | | | |
| ***Câu 5****: Câu thơ "Lúa đang thì ngậm sữa" có sử dụng biện pháp tu từ nào?* | | | | |
| *A. Nhân hóa* | *B. So sánh* | *C. Ẩn dụ* | *D. Điệp ngữ* | |
| ***Câu 6****: Hình ảnh hạt ngọc được nhắc đến trong bài thơ là:* | | | | |
| *A. Nắng mùa thu. B. Gió mùa thu*  *C. Hương lúa mùa thu D. Sương trên cỏ bên đường.* | | | | |

**c. Thực hiện bài tập:**

**Câu 1:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

Hương lúa tỏa bao la

Như hương thơm đất nước.

**Câu 2:** Em hiểu như thế nào về hai câu thơ: Con ơi đi với cha - Trường của con phía trước?

**Câu 3**: Nghĩ về tình cảm của người thân yêu dành cho em, em sẽ nghĩ về hình ảnh nào? Tại sao?

**\* Nhiệm vụ 2**: GV yêu cầu HS ôn tập lại toàn bộ nội dung đã học, thực hành đọc hiểu và viết bài văn kể lại một trải nghiệm, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả (thực hiện ở nhà).

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà** (Chuẩn bị cho bài kiểm tra, đánh giá giữa kì 1)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 17 tháng 10 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 18/10/2024

Ngày kiểm tra: 09/11/2024;

**Tiết 35, 36: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- HS biết đọc hiểu, nhận biết đặc điểm thể loại, các giá trị của văn bản đọc, biết đọc hiểu thể loại truyện [1].

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đọc gợi ra [2]

- Nhận biết từ láy, các biện pháp tu từ đã học và tác dụng của các biện pháp tu từ [3].

**b. Năng lực ngôn ngữ**:

- Học sinh biết viết đoạn văn trình bày bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân; viết được bài văn kể lại một trải nghiệm một cách chân thực; [4]*.*

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thành bài kiểm tra [5].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc thực hiện các yêu cầu của đề [6].

**3. Phẩm chất**

- Biết quý trọng tình bạn, tình cảm gia đình; bồi dưỡng lòng nhân ái, biêt yêu thương chia sẻ [7]

- Chăm chỉ, tự giác, tích cực trong học tập [8].

\* Học sinh khuyết tật: Đọc hiểu ở mức độ đơn giản: Nhận biết thể loại, nhân vật, biện pháp tu từ. Biết kể ngắn gọn trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Đề kiểm tra;

- Học liệu: Đoạn văn thuộc thể loại truyện đồng thoại làm ngữ liệu cho phần đọc hiểu.

**2. Chuẩn bị của HS:** Ôn tập các nội dung đã học

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA

**- Bước 1**. GV giao đề.

**- Bước 2**. Học sinh làm bài độc lập

**- Bước 3**. Học sinh nộp bài

**- Bước 4**. GV nhận xét giờ làm bài.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 5 TN | 3 TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

**ĐOM ĐÓM VÀ GIỌT SƯƠNG**

*Tối hôm ấy không có trăng nhưng bầu trời đầy sao sáng. Đom Đóm bay từ bụi tre ngà ra ruộng lúa. Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy. Đom Đóm sà xuống ruộng lúa bắt mấy con Rầy Nâu để ăn lót dạ. Sau đó, cậu ta bay lên một gò cao, đậu lên một bông cỏ may, vừa hóng gió thu về đêm, vừa làm cho cây đèn của mình sáng thêm. Bỗng Đom Đóm nhìn sang bên cạnh, thấy cô bạn Giọt Sương đang đung đưa trên lá cỏ. Đom Đóm thầm nghĩ: “Ôi! Bạn Giọt Sương thật là xinh đẹp!”. Rồi Đom Đóm cất cánh bay quanh Giọt Sương. Lạ thật, càng đến gần Giọt Sương, Đom Đóm càng thấy giọt sương đẹp hơn. Đom Đóm cất tiếng:*

*- Chào bạn Giọt Sương, trông bạn lung linh, toả sáng như một viên ngọc vậy!*

*Giọt Sương dịu dàng nói:*

*- Bạn Đom Đóm ơi! Mình sáng đẹp thế này là vì mình phản chiếu ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời, có khi còn mờ hơn ánh sáng cây đèn của bạn. Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình. Bạn thật đáng tự hào!*

*Đom Đóm nói:*

*- Bạn Giọt Sương khiêm tốn quá! Nhưng mình xin cảm ơn bạn về những lời tốt đẹp bạn dành cho mình. Thôi, chào bạn! Mình đi bắt bọn Rầy Nâu hại lúa đây!*

*Đom Đóm bay đi, Giọt Sương còn nói với theo, giọng đầy khích lệ:*

*- Xin chúc bạn làm tròn nhiệm vụ của mình để đồng ruộng thêm tươi tốt nhé!*

*(Theo https://truyenviet.vn/)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1 (0,5 điểm).** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngắn

**Câu 2 (0,5 điểm).** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ ba

**Câu 3 (0,5 điểm)**. **Đom Đóm và Giọt Sương có cuộc gặp gỡ như thế nào?**

**A. Cuộc gặp gỡ tình cờ B. Đom Đóm hẹn gặp Giọt Sương**

**C. Giọt Sương hẹn gặp Đom Đóm D. Cuộc gặp được sắp đặt từ trước**

**Câu 4 (0,5 điểm). Ai là người nhận ra vẻ đẹp của đối phương trong câu chuyện?**

**A. Đom Đóm nhận ra vẻ đẹp của Giọt Sương**

**B. Giọt Sương nhận ra vẻ đẹp của Đom Đóm**

**C. A và B đều đúng**

**D. A và B đều sai**

**Câu 5 (0,5 điểm).** Vì sao nhân vật Đom Đóm lại bay đến gần Giọt Sương?

A. Vì muốn soi bóng mình qua Giọt Sương

B. Vì khát nước nên muốn uống sương

C. Vì nhận thấy vẻ đẹp của Giọt Sương

D. Vì Giọt Sương gần đường bay của Đom Đóm

**Câu 6 (0,5 điểm)**. Giọt Sương và Đom Đóm trong câu chuyện trên có tính cách như thế nào?

A. Cả hai đều khiêm tốn, biết ca ngợi vẻ đẹp của nhau

B. Cả hai đều tự kiêu về sắc đẹp của bản thân

C. Cả hai đều ganh tỵ về sắc đẹp của nhau

D. Cả hai đều tốt bụng, quý mến nhau

**Câu 7 (0,5 điểm).** Câu nói: *“Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên từ chính bản thân mình”* của Giọt Sương có ý nghĩa là:

A. Cần phải phô trương khi biết mình hơn người khác

B. Nên biết sống cho chính bản thân mình

C. Biết sống có ích, toả sáng bằng chính năng lực của mình

D. Cả A và C đều đúng

**Câu 8 (0,5 điểm)**. Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích là gì?

A. So sánh B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. Nhân hoá

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9 (1,0 điểm)**. Em có nhận xét gì về cách ứng xử của các nhân vật trong văn bản?

**Câu 10 (1,0 điểm)**. Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra cho mình bài học gì về cuộc sống cũng như trong cách ứng xử với mọi người xung quanh? (trả lời từ 3-5 câu).

**II. VIẾT (4,0 điểm):** Trong cuộc sống, chắc hẳn em đã từng có rất nhiều trải nghiệm thú vị để lại trong lòng em nhiều ấn tượng khó quên. Hãy viết bài văn kể lại một trong những trải nghiệm đáng nhớ đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
|  | **6** | A | 0,5 |
|  | **7** | C | 0,5 |
|  | **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Cách ứng xử của các nhân vật trong câu chuyện:  - Chào hỏi khi gặp nhau, dành cho nhau lời khen, lời cảm ơn chân thành, lời chào tạm biệt.  - Đó là cách ứng xử lịch thiệp, nhã nhặn, chân thành, góp phần xây dựng mối quan hệ xã hội tốt đẹp | 1,0 |
|  | **10** | Bài học:  - Cần khiêm tốn trong giao tiếp, ứng xử.  - Mỗi người có một giá trị riêng, vẻ đẹp riêng và khi tự khẳng định được vẻ đẹp, giá trị riêng của bản thân là điều đáng quý, đáng trân trọng nhất.  - Đối xử chân thành với bạn bè, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh.  - Hãy luôn cố gắng, nỗ lực làm những việc có ích. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Kể lại một trải nghiệm của bản thân | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm*  HS có thể triển khai trải nghiệm của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự việc chính trong trải nghiệm: mở đầu - diễn biến - kết thúc.  - Cảm xúc chung về trải nghiệm … | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

***Lưu ý:*** *Trên đây là một số gợi ý mang tính định hướng để tham khảo. Người chấm cần linh hoạt, khuyến khích sự cố gắng của học sinh.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 18 tháng 10 năm 2023*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

**(Tiếp theo)**

**Tiết 37**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ)**

**Hoạt động 1.5.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã có trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:

+ Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước;

+ Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Bổ sung ý nghĩa gì?

1. Nó mặc **cái áo bông.**

2. Mẹ cái Hiên **rất** nghèo.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ, trao đổi cặp đôi.

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm:

+ ***cái áo bông*** bổ sung ý nghĩa cho từ ***mặc***.

-> *mặc cái áo bông* là một cụm động từ, *cái áo bông*làm rõ hơn đối tượng của hành động *mặc*;

+ *Rất* bổ sung ý nghĩa cho *nghèo*. *Nghèo* là một tính từ, *rất* làm rõ hơn về mức độ của *nghèo*.

**B4. Đánh giá kết quả thwch hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá và dẫn dắt vào bài học mới:Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

**Hoạt động 1.5.2.** **Nhận biết cụm động từ và cụm tính từ**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ trong SGK trang 74 và nêu hiểu biết về cụm động từ;*  *+ Lấy ví dụ một động từ và phát triển nó thành cụm động từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Học sinh nêu hiểu biết về cụm động từ;  + Ví dụ về một động từ và phát triển nó thành cụm động từ:   * *Ăn* -> *Ăn cơm ở nhà*; * *Đi học* -> *Đi học ở trường vào buổi sáng*.   **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Em hãy đọc phần thông tin về Cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75 và nêu hiểu biết về cụm tính từ;*  *+ Lấy ví dụ một tính từ và phát triển nó thành cụm tính từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + HS nêu hiểu biết về cụm tính từ;  + Ví dụ một tính từ và phát triển nó thành cụm tính từ:  *Đẹp* -> *đẹp quá*;  *Ngọt* -> *rất ngọt*, *ngọt như mía lùi*  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Nhận biết cụm động từ và cụm tính từ**  **1. Cụm động từ**  - Cụm động từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: động từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian.  **2. Cụm tính từ**  - Cụm tính từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: tính từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn, ...  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,... |

**Hoạt động 1.5.3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm bài của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 1, 2, 3 SGK trang 74;  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bài tập  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả làm bài;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 4, 5, 6 SGK trang 74 - 75;  - GV yêu cầu HS hoàn thành BT;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả làm bài**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3 (thực hiện ở nhà)**  *- GV yêu cầu HS:* Em hãy tưởng tượng mình là một trong các nhân vật: Sơn, Lan, mẹ Sơn, Hiên, mẹ Hiên và viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nghĩ của nhân vật đó về hành động đem áo cho Hiên của Sơn, trong đoạn văn có ít nhất một cụm động từ, một cụm tính từ.  *- GV gợi ý:* Nếu là Hiên, em có thể nêu cảm xúc của Hiên khi nhận được chiếc áo. Nếu là Sơn, Lan, em có thể nêu cảm xúc khi cho Hiên chiếc áo. Tương tự như vậy với mẹ Sơn và mẹ Hiên.  *- HS viết đoạn văn ở nhà, báo cáo kết quả vào giờ học sau* | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 (SGK trang 74)**  - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Ví dụ: *chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*;  - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*;  - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  **2. Bài tập 2 (SGK trang 74)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cụm động từ** | **ĐT trung tâm** | **Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung** | | **a.** | - Nhìn ra ngoài sân  - Thấy đất khô trắng | - Nhìn  - Thấy | - Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*;  - Đối tượng của hành động *thấy*. | | **b.** | - Lật cái vỉ buồm;  - Lục đống quần áo rét. | - Lật;  - Lục. | Đối tượng của hành động *lật*, *lục*. | | **c.** | Hăm hở chạy về nhà lấy áo | Chạy | Cách thức, hướng, địa điểm của hành động *chạy*. |   **3. Bài tập 3 (SGK trang 74)**  Hai câu văn trong VB *Gió lạnh đầu mùa* có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ. Ví dụ:  (1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.  (2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.  (3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*).  **4. Bài tập 4 (SGK trang 74)**  - VD cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*: *đã cũ*.  - Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.  - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:  *chưa cũ*; *cũ lắm*; *rất cũ*.  **5. Bài tập 5 (SGK trang 74 – 75)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cụm tính từ** | **TT trung tâm** | **Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung** | | a. | Trong hơn mọi hôm | Trong | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh | | b. | Rất nghèo | Nghèo | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ |   **6. Bài tập 6 (SGK trang 75)**  Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:  a. Trời rét -> Trời rét hơn mọi hôm;  b. Tòa nhà cao -> Tòa nhà cao chọc trời;  c. Cô ấy đẹp -> Cô ấy đẹp nghiêng nước nghiêng thành. |

**(GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản 3, chuẩn bị các câu hỏi sau khi đọc cho giờ sau)**

**Tiết 38**

**Hoạt động 1.6. Văn bản 3. CON CHÀO MÀO (Mai Văn Phấn)**

**Hoạt động 1.6.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học và trải nghiệm thực tế để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời:

? Nêu chủ đề trong các VB *Cô bé bán diêm* và *Gió lạnh đầu mùa* đã học?

? Tình yêu thương, sự sẻ chia thường được hiểu là tình yêu thương, sự sẻ chia giữa con người với con người. Vậy, ngoài tình yêu thương giữa người với người, còn có tình yêu thương nào khác không? Con người có cần trân trọng cái đẹp của thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên không?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi thống nhất câu trả lời

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lời về chủ đề của hai VB, chia sẻ suy nghĩ của mình về tình yêu của con người với thiên nhiên.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*

Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với vẻ đẹp của thiên nhiên. Con người chính là một phần của tự nhiên, vì vậy ta phải bảo vệ nó. Tiết học hôm nay, ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phấn.

**Hoạt động 1.6.2: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm, [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc, yêu cầu HS đọc và giới thiệu những nét chính về tác giả - Yêu cầu HS tìm hiểu xuất xứ bài thơ, thể thơ và bố cục bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc – nghe  - Quan sát bài thơ tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Tên: Mai Văn Phấn, Năm sinh: 1955  - Quê quán: Ninh Bình  - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng.  **3. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Bài thơ *Con chào mà*o được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.  - Thể loại: thơ tự do;  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào;  + Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” muốn giữ con chim ở lại bên mình;  + Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật “tôi” lưu giữ trong ký ức. |

**Hoạt động 1.6.3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ, HS hiểu yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên của con người. [2], 6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời câu hỏi:  ? Em có thể hình dung, tưởng tượng những gì khi đọc ba dòng thơ đầu?  ? Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.  ? Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”?  ? Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu:  ? Khái quát nội dung và nghệ thuật của VB?  ? Trình bày việc em có thể làm để thể hiện lòng yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh con chào mào**  - Màu sắc: đốm trắng màu đỏ;  - Tiếng hót: triu... uýt... huýt... tu hìu... Tiếng hót dài, trong trẻo;  - “Cây cao chót vót” Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.  **2. Cảm xúc của nhân vật “tôi”**  a. Lúc đầu  - “Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi” -> Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh  b. Lúc sau  - “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ” -> Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên, trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc;  - Sử dụng biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẻ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào. Từ đó làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và cảm xúc của chủ thể trữ tình với thiên nhiên.  **2. Nội dung**  Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |

**Hoạt động 1.6.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS viết đoạn văn

(Gợi ý: Đảm bảo câu trúc đoạn văn:

+ Mở đoạn: Giới thiệu hình ảnh thiên nhiên

+ Thân đoạn: Miêu tả vẻ đẹp của hình ảnh thiên nhiên trong kí ức và sự gắn bó của bản thân

+ Kết đoạn: Cảm xúc, suy nghĩ về hình ảnh thiên nhiên…

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động:** HS trình bày đoạn văn

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá.

**Hoạt động 2: VIẾT**

**Tiết 39**

**Hoạt động 2.1. HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động 2.1.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** Tổ chức trò chơi “*Ai nhanh hơn”*, HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên phổ biến luật chơi: Gồm 3 câu hỏi, học sinh nghe câu hỏi, suy nghĩ và tìm đáp án trong thời gian 10 giây. Khi hết thời gian, GV hô hiệu lệnh, HS xung phong nhanh nhất sẽ giành quyền trả lời.

***Câu hỏi số 1: Ngôi kể sử dụng trong bài văn kể lại một trải nghiệm là ngôi kể nào?***

(Đáp án:Ngôi thứ nhất)

***Câu hỏi số 2:* *Dàn ý của bài văn kể lại một trải nghiệm có mấy phần?***

(Đáp án: Ba phần: Mở bài Thân bài, Kết bài).

***Câu hỏi số 3:* *Phần nào trong bài văn kể lại một trải nghiệm tập trung kể các sự việc diễn ra?***

(Đáp án: Phần thân bài)

- GV chiếu lần lượt từng câu hỏi trên máy chiếu, sau thời gian 10 giây. GV gọi HS xung phong nhanh nhất trả lời, trả lời đúng GV trao quà động viên, khen ngợi các em. HS trả lời sai, gọi HS khác xung phong trả lời.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Ở bài 1 “Tôi và các bạn”, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Tiết học hôm nay các em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn kể lại một trải nghiệm với yêu cầu cao hơn.

**Hoạt động 2.1.2: Tìm hiểu các yêu cầu khi viết bài văn kể lại một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm, [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm đã được học ở Bài 1?*  *+ Ngoài các yêu cầu đã học, theo em bài văn kể về trải nghiệm còn cần yêu cầu nào khác?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Dự kiến sản phẩm: những yêu cầu cao hơn;  + Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo một trình tự hợp lí;  + Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện;  + Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể, rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: *Bài viết tham khảo kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu nhầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.*  - GV yêu cầu HS: Đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi:  *+ Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?*  *+ Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện? Bài viết kể về trải nghiệm gì? Hãy tóm tắt câu chuyện?*  *+ Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?*  *+ Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?*  *+ Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?*  *+ Dòng, đoạn nào chỉ ra lý do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài văn, tìm chi tiết để trả lời các câu hỏi;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Nhắc lại các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Vận dụng kiến thức đã học để trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **1. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất;  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ;  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra;  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý;  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện;  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.  **2. Phân tích bài viết tham khảo**  - Người kể chuyện xưng “tôi”: *Tôi có nhiều trải nghiệm… Nhưng tôi vẫn muốn kể lại…*  - Đoạn mở bài đã giới thiệu đây là một trải nghiệm buồn có ý nghĩa với người viết.  **+** Sự việc 1: Bản tổng hợp đầu năm học mà “tôi” đã chuẩn bị công phu lại bị ai đó vẽ nghuệch ngoạc vào.  + Sự việc 2: “Tôi” nghĩ chắc chắn là thủ phạm là Duy nhưng Duy khóc, không nhận lỗi.  + Sự việc 3: Tuấn đã đứng lên nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp.  + Sự việc 4: “Tôi” xấu hổ và ân hận về lỗi lầm của mình.  - Trật tự thời gian: *Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà…*; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy ân hận, v.v…  - Các chi tiết miêu tả: *Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ; …*  - Từ ngữ thể hiện cảm xúc: *Xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi, v.v…*  - Ý nghĩa của trải nghiệm: *Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân…*  **3. Các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **b. Viết bài**  **c. Chỉnh sửa bài viết** |

PHIẾU BÀI TẬP VỀ NHÀ

Tìm ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm của em để chuẩn bị cho giờ thực hành viết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Câu hỏi | Câu trả lời của em |
| 1 | Đó là trải nghiệm gì?  Xảy ra ở đâu? Khi nào? | …………………………………………  ………………………………………… |
| 2 | Có những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì? | …………………………………………  ………………………………………… |
| 3 | Điều gì đã xảy ra?  Những sự việc diễn ra theo trật tự nào? | SV1……………………………………  SV2……………………………………  SV3……………………………………  Trật tự các SV: ………………………. |
| 4 | Cảm xúc của em khi câu chuyện đang diễn ra và khi kết thúc trải nghiệm đó? | …………………………………………  ………………………………………… |
| 5 | Trải nghiệm có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào với em? | …………………………………………  ………………………………………… |

**Tiết 40**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu tìm ý, dàn ý và bài viết kể lại trải nghiệm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - GV yêu cầu HS trình bày Phiếu tìm ý (Phiếu bài tập về nhà ở tiết trước)   |  |  | | --- | --- | | Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu? | ............ | | Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì? | ............ | | Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào? | ............ | | Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? | ............ | | Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em? | ............ |   - HS lập dàn ý và viết bài văn hoàn chỉnh.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi trong phiếu tìm ý;  - HS lập dàn ý và viết bài theo gợi ý.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm bài viết;  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS.  (Nhận xét đánh giá về nội dung bài viết sẽ được thực hiện trong giờ trả bài) | **Thực hành viết bài văn kể lại một trải nghiệm**  **1. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Tiết 41**

**Hoạt động 2.3. TRẢ BÀI VIẾT KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động 2.3.1. Yêu cầu của bài viết**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được yêu cầu của bài viết kể một trải nghiệm.

**b. Nội dung**: Xây dựng yêu cầu chung của bài văn viết về trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Yêu cầu của bài văn kể về một trải nghiệm?  + Xây dựng dàn ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân về nội dung câu hỏi  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. GV đánh giá, kết luận**  *- Yêu cầu về hình thức*: Viết đúng bố cục bài văn gồm 3 phần: MB, TB, KB. Trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dấu câu....  *- Về nội dung:* Giới thiệu được tên trải nghiệm, nội dung của hoạt động trải nghiệm, cảm xúc, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm đó đối với bản thân. | **I. Nội dung yêu cầu**  \* Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ  **1. Yêu cầu chung**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất;  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ;  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra;  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý;  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện;  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.  **2. Dàn ý**  a. MB: Kể được tên trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  b. TB: Kể diễn biến của câu chuyện  - Thời gian, không gian diễn ra trải nghiệm; Nhân vật có liên quan đến câu chuyện;  - Kể lại các sự việc trong câu chuyện (kết hợp miêu tả và thể hiện cảm xúc với nhân vật, sự việc …);  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân  c. KB: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết |

**Hoạt động 2.3.2. Đánh giá bài viết**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS trình bày bài viết, đối chiếu với yêu cầu cần đạt để đánh giá bài viết, phát hiện đoạn văn hay, những lỗi cần sửa.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của học sinh và Phiếu chỉnh sửa bài viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

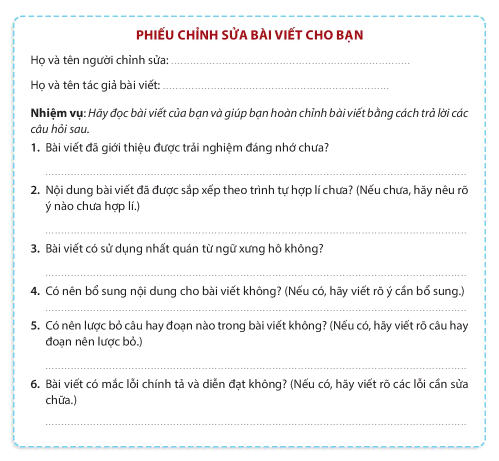
**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS trình bày bài viết, HS khác lắng nghe và đánh giá.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc lại bài viết;

- HS khác lắng nghe để phát hiện những thiếu sót và nhận xét góp ý cho bạn hoàn thành vào phiếu chỉnh sửa bài viết;



**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày phiếu chỉnh sửa bài viết, nêu những mặt được, mặt hạn chế trong bài viết và đề ra cách khắc phục.

- HS chỉnh sửa lại lỗi trong bài văn, viết lại cho hoàn chỉnh và trình bày kết quả chỉnh sửa.

**B4. GV đánh giá, kết luận:**

- Nhận xét dựa trên kết quả hoạt động của học sinh.

- Hướng dẫn học sinh:

+ Tiếp tục phát hiện và chữa lỗi trong bài viết.

+ Chuẩn bị cho tiết nói trước lớp về trải nghiệm của mình.

**Tiết 42**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE: KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**Hoạt động 3.1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** [5], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS thực hiện bước chuẩn bị trước khi nói

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý bài nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: Dựa vào bài viết trong tiết trước, em hãy xem lại, đánh dấu những nội dung quan trọng khi nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đánh dấu những nội dung quan trọng cho bài nói;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân tâp nói trước nhóm  - HS trong nhóm nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung. | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện. |

**Hoạt động 2: Nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** [5], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS chia sẻ trải nghiệm trước lớp thông qua bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài kể lại trải nghiệm của học sinh và phiếu đánh giá bài nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | | **Nội dung** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại lắng nghe tích cực và nhận xét, đánh giá vào phiếu.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS kể về trải nghiệm  - Các HS khác lắng nghe.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi  - Báo cáo kết quả đánh giá theo tiêu chí  HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | | | **2. Nói và nghe** | | |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện đểkể nhưng chưa hay | | Câu chuyện hay và ấn tượng |
| 2. Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | | Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | | |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài tập 1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lắm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận… Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cất cất chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. […]*

*Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chả vui gì:*

*- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc giúi vào tay tôi cái bút Trường Sơn: - Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!*

*Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:*

*- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.*

(*Bạn Lộc,* Xuân Quỳnh, *Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021,* tr.48-51)

**Câu 1.** Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Truyện gồm những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?

**Câu 3**. Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xét Lộc là người như thế nào?

**Câu 4**. Thông tin *Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp* giúp em hiểu gì về Lộc?

**Câu 5**. Em nhận được những bài học gì từ câu chuyện trên

**B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày. Dự kiến sản phẩm:

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Các nhân vật trong truyện: Tôi, mẹ tôi, Lộc. Lộc là nhân vật chính.

**Câu 3:** Mẹ nhân vật tôi nhận xét Lộc *bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận…*

**Câu 4:** Thông tin “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp”* giúp em Lộc là cậu bé có tính cách cẩn thận, nền nếp, biết quý trọng những đồ dùng học tập.

**Câu 5.** HS tự rút ra bài học (chăm chỉ học tập, quý trọng đồ dùng, yêu thương chia sẻ, giúp đỡ bạn bè…)

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Bài tập 2.** GV cho HS tự hoàn thành các nội dung ***Củng cố, mở rộng*** ở nhà.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS tự ***thực hành đọc*** văn bản *Lúc ki thực sự may mắn* ở nhà

(Hướng dẫn học sinh sưu tầm, tìm đọc các văn bản truyện, thơ có chủ đề tình bạn, tình cảm gia đình, sự yêu thương chia sẻ để chuẩn bị cho tiết ***Đọc mở rộng*** ở giờ sau)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 26 tháng 10 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 05/11/2024

Ngày dạy: Ngày ……/11/2024 – 6A4: Tổng số 48, vắng ………

Ngày ……/112024 – 6A5: tổng số 48, vắng ……….

**Tiết 43: ĐỌC MỞ RỘNG**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- HS biết vận dụng hiểu biết, kỹ năng được học từ bài 1 đến bài 3 để tự đọc VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB vừa học; Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập, hiểu được các văn bản đọc dựa trên đặc điểm về thể loại. [1]

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ v.v... [2]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- HS biết trình bày cách cảm, cách nghĩ, cách ứng xử của bản thân do VB đọc đem lại. [3]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong chia sẻ kết quả đọc trong nhóm. [4]

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc sưu tầm, tự đọc hiểu các văn bản. [5]

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. [6]

\* HS khuyết tật: Biết đọc theo yêu cầu, nghe và ghi chép theo hướng dẫn.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp: tình bạn, tình cảm gia đình, tình yêu thương chia sẻ, sống có trách nhiệm với mọi người; [7]

- Chăm chỉ, tích cực trong học tập. [8]

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Học liệu: Một số văn bản truyện, thơ giới thiệu cho học sinh

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Sưu tầm các văn bản truyện, thơ có chủ đề tình bạn, tình cảm gia đình và tình cảm yêu thương chia sẻ để đọc trước lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**b. Nội dung:** HS khái quát được những chủ đề và thể loại đã học, chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:

? Nhắc lại nội dung các chủ đề và các thể loại văn bản đã học?

? Với cùng chủ đề, em đã sưu tầm và đọc những VB nào khác?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào nội dung đã học và kết quả đã chuẩn bị ở nhà để trả lời câu hỏi.

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lời câu hỏi

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá.

Giới thiệu nội dung tiết học: Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được hướng dẫn đọc những VB thuộc thể loại truyện, truyện đồng thoại, thơ với chủ đề về tình bạn, tình cảm gia đình và tình cảm yêu thương chia sẻ. Tiết học hôm nay, các em sẽ chia sẻ về những văn bản có cùng chủ đề mà các em đã đọc trong tiết *Đọc mở rộng*.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8].

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: Bài 1. *Tôi và các bạn*, Bài 2. *Gõ cửa Trái tim*, Bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*, trình bày kết quả đọc hiểu và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức, kết quả đọc hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học, tiến hành đọc và trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.  - GV gợi ý:Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;  \* Với thể loại truyện:  *+ Người kể chuyện trong VB là ai?*  *+ Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện)*  *+ Nhân vật (Nhân vật trong truyện gồm những ai? Nhân vật được thể hiện ở những mặt nào?)*  *+ Tìm lời người kể chuyện và lời nhân vật (Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật)*  \* Đối thể loại thơ: *tìm và nêu cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả đọc hiểu;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Tìm đọc một số văn bản truyện về đề tài tình bạn, lòng nhân ái khoan dung:**  - Ngôi kể: …  - Cốt truyện: (Sự việc chính trong câu chuyện) …  - Nhân vật và đặc điểm nhân vật  + Nhân vật chính: …  + Nhân vật phụ: …  - Nội dung ý nghĩa và bài học rút ra từ văn bản…  **2. Tìm đọc một số bài thơ về tình cảm gia đình**  - Thể thơ: …  - Nhân vật trữ tình: …  - Hình ảnh: …  - Các biện pháp tu từ: ...  - Nội dung ý nghĩa bài thơ: … |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức thể loại để đọc các văn bản theo chủ đề đã học.

**b. Nội dung:** HS thực hành đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung đọc hiểu mà học sinh chia sẻ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS* thực hành đọc văn bản “Lắc-ki thực sự may mắn” (SGK/Tr 84). Trình bày kết quả đọc hiểu dựa trên đặc điểm thể loại truyện đồng thoại với chủ đề yêu thương chia sẻ.

*- HS trình bày kết quả đọc hiểu.*

Dự kiến sản phẩm:

+ Ngôi kể: thứ ba

+ Nhân vật là loài vật: Hải âu con Lắc-ki, con đười ươi Mét-thiu, giáo sư mèo Anh-xtanh, chú mèo Gióc-ba.

+ Nghệ thuật: Nhân hóa các con vật trong các cuộc đối thoại trên tinh thần vẫn giữ được những dặc điểm thực tế của chúng để tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện

+ Nội dung: Câu chuyện những chú mèo dạy hải âu biết bay thể hiện tình yêu thương giữa các loài vật với nhau. Chúng yêu thương nhau từ trái tim và bằng cả tấm lòng.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Rèn kỹ năng đọc hiểu.

**b. Nội dung:** Đọc mở rộng các VB ngoài chương trình có cùng thể loại và chủ đề đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung đọc hiểu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà: Tiếp tục tìm đọc các văn bản ngoài chương trình có cùng thể loại và chủ đề đã học.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 4**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A4 (**48 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A5** (48 hs) |
| **11** | 44 | 12/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **12** | 45 | 12/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 46 | 13/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 47 | 14/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 48 | 15/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **13** | 49 | 15/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 50 | 17/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 51 | 18/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 52 | 19/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **14** | 53 | 19/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 54 | 21/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 55 | 22/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

**BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

**(12 tiết)**

*Việt Nam đất nước ta ơi*

*Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*

*(Nguyễn Đình Thi)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; [1]

- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và tác dụng của việc sử dụng hoán dụ; [2]

**b. Năng lực ngôn ngữ:**

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát [3]

- Biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát; [3]

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống [4].

\* HS khuyết tật:

- Nhận biết số tiếng trong thơ lục bát, nội dung chính của bài thơ

- Biết đọc và ghi chép theo yêu cầu

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [5].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [6].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [7].

**3. Về phẩm chất**

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước; có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước [8].

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [9].

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số tranh ảnh, video, đoạn văn liên quan đến nội dung bài học

+ Một số đoạn thơ lục bát làm ngữ liệu minh họa, một số bài thơ viết về quê hương.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 44, 45.**

**Văn bản: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC**

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS nhận biết thể thơ và nội dung qua một đoạn thơ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây và cho biết thể thơ được sử dụng ở đây là gì?

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

+ Nội dung đoạn thơ trên viết về điều gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát đoạn thơ, chú ý đặc điểm hình thức và nội dung

- GV gợi ý hỗ trợ nếu cấn

**B3. HS báo cáo kết quả**

- HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Dự kiến sản phẩm: Thể thơ lục bát, nội dung viết về cảnh đẹp quê hương đất nước qua đó thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc.

**B4. Đánh giá, kết luận**

- Từ câu trả lời của học sinh, GV giới thiệu bài học về thể thơ lục bát với chủ đề tình yêu quê hương đất nước.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1** GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động 5 nhóm:  *+ Đọc phần tri thức ngữ văn về thơ lục bát trong SGK; Dựa vào VB thơ được trích dẫn ở đầu buổi học, em hãy:*   * *1. Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện về số tiếng?* * *2. Xác định cách gieo vần trong các dòng thơ?*   *3. Xác định thanh điệu của các tiếng thứ 4, thứ 6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng thứ 4, thứ 6, thứ 8 trong dòng tám tiếng?*  *4. Chỉ ra cách ngắt nhịp trong các câu thơ?*  *5. Lấy ví dụ về thơ lục bát nhưng có sự biến đổi về số tiếng hoặc biến đổi về cách gieo vần mà em biết?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nêu ý kiến cá nhân trước nhóm rồi thảo luận thống nhất ý kiến.  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo sản phẩm hoạt động nhóm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  GV có thể bổ sung thêm:  - Ví dụ về lục bát biến thể:  *+ Con cò lặn lội bờ* ***sông***  *Gánh gạo nuôi* ***chồng*** *tiếng khóc nỉ non*  *+ Cưới vợ thì cưới liền* ***tay***  *Chớ để lâu* ***ngày*** *lắm kẻ gièm pha*  *+ Yêu nhau tam tứ núi cũng leo*  *Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua.* | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề: tình yêu quê hương đất nước  - Thể loại chính: Thơ lục bát  TRI THỨC NGỮ VĂN  **1. Đặc điểm của thể thơ lục bát**  - Số tiếng: Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng;  - Cách gieo vần: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo;  - Thanh điệu: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại;  - Nhịp thơ trong lục bát: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, …).  **2. Lục bát biến thể**  - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,… |

**Hoạt động 1.2: Văn bản 1.** CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

**Hoạt động 1.2.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Định hướng nội dung học tập cho HS

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cảm nhận về quê hương.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | | | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gợi dẫn và yêu cầu HS:  *+ Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?*  *+ Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ để trả lời, vận dụng kiến thức văn học của bản thân để tìm những bài thơ có chủ đề về quê hương.  - GV gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS chia sẻ cảm nghĩ cá nhân về quê hương, đọc thơ về quê hương;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;  - GV dẫn dắt: *Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh,… Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu quê hương Việt Nam qua* ***Chùm ca dao về quê hương đất nước***. | | | |  | |
| **Hoạt động 1.2.2. Tìm hiểu chung về văn bản**  **a. Mục tiêu:** HS đọc, tiếp cận văn bản; [1], [5], [6], [7], [8], [9].  **b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu chung về văn bản.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc,đọc mẫu một lần.  - Yêu cầu HS đọc diễn cảm VB, tìm hiểu các chú thích và thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi:  1. Bài ca dao 1, 2 có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  2. Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.  3. So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v…  4. Điểm chung của cả 3 bài ca dao trên là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu các chú thích về ca dao và về các địa danh.  - Thảo luận 4 nhóm, mỗi nhom 1 câu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS đọc diễn cảm VB, nhận xét, góp ý cách đọc của bạn.  - Báo cáo kết quả hoạt động nhóm.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Mỗi bài 4 dòng, đúng đặc điểm của thể thơ lục bát  ***\* Bài ca dao (1)***  + Các chữ có vần: *đà - gà, xương - sương - gương; …*  + Ngắt nhịp: 2/2/2, 4/4;  ***\* Bài ca dao (2)***  + Các chữ có vần: *xa - ba, đồng - trông - sông*  + Ngắt nhịp: 4/2, 2/4, 4/4  \* ***Bài ca dao (3)***  - Lục bát biến thể:  + Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường;  + Tính chất biến thể: Hai dòng đầu mỗi dòng có 8 tiếng. Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc.  - Điểm chung giữa 3 bài thơ là có cùng chủ đề về tình yêu quê hương đất nước  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - Chuyển ý sang phần đọc hiểu nội dung | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  a. Xuất xứ: ca dao  b. Chú thích từ ngữ  - Các địa danh ở Hà Nội: Trấn Võ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ  - Các địa danh ở Lạng Sơn: xứ Lạng, sông Tam Cờ  - Các địa danh ở Huế: Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sình.  c. Thể thơ  - Bài 1, 2: thể thơ lục bát  - Bài 3: Lục bát biến thể  d. Chủ đề: Tình yêu quê hương | | | |
| **Hoạt động 1.2.3. Đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [8], [9].  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, sản phẩm hoạt động nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Nhiệm vụ 1.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu 1 bài ca dao với các gợi ý:  ? Mỗi bài ca dao tả cảnh gì? Có những địa danh nào được nhắc đến?  ? Tìm những từ ngữ, hình ảnh nổi bật trong miêu tả cảnh vật?  ? Chỉ ra biện pháp tu từ trong bài ca dao và phân tích tác dụng của nó?  ? Nêu cảm nhận của em về phong cảnh thiên nhiên và tình cảm của tác giả dân gian thể hiện trong mỗi bài ca dao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm, nêu ý kiến cá nhân và thảo luận thống nhất câu trả lời.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ nếu cần. VD:  + Bài 1: Tìm những hình ảnh, âm thanh gợi cảnh vật, cuộc sống con người; Cụm từ “mặt gương Tây Hồ” sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng?  + Bài 2: Chú ý từ “kìa”; cụm từ: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*  + Bài 3: Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây? Từ “đò” lặp lại mấy lần? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v…).  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện 3 nhóm báo cáo kết quả hoạt động nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Em hãy tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung của VB *Chùm ca dao về quê hương đất nước*?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý:  + Thể thơ, ngôn ngữ thơ, các biện pháp tu từ…  + Nội dung miêu tả, cảm xúc của nhân vật trữ tình, ý nghĩa văn bản…  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: GV đánh giá kết quả hoạt động**  GV nhận xét, kết luận | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Bài ca dao (1)**  - Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* *“mịt mù khói tỏa ngàn sương”, “mặt gương Tây Hồ”* gợi cảnh vật thiên nhiên buổi sớm nơi kinh thành Thăng Long.  - Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương”, “nhịp chày Yên Thái”* gợi nhịp đập của cuộc sống con người.  - Biện pháp tu từ: Ẩn dụ *mặt gương Tây Hồ:* vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong như gương vào buổi sớm.  **🡪** Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình.  **2. Bài ca dao (2)**  - Giới thiệu con đường lên xứ Lạng: “bao xa*” “một trái núi”, “ba quãng đồng”:* cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã (đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*).  - Lời mời gọi, lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* tha thiết hãy dừng lại ngắm vẻ đẹp của xứ Lạng:  - Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: “Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.  - Điệp ngữ “kìa” hai lần lặp lại trong một câu thơ mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả sự ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn.  🡪 Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mênh mông của xứ Lạng.  **3. Bài ca dao (3)**  - Điệp ngữ, liệt kê hành trình của con đò.  - Hình ảnh: bóng ngả trăng chênh  - Âm thanh: Tiếng hò xa vọng  🡪 Bài ca dao gợi tả vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò thiết tha, lay động lòng người.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm yêu quê hương đất nước.  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi.  - Sử dụng nhiều phép tu từ: ẩn dụ, điệp ngữ …  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.  - Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.  - Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người. | | | |
| **Hoạt động 1.2.4. Viết kết nối với đọc**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để làm bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn.  **c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào nội dung bài đọc, huy động vốn kiến thức và vốn sống để viết đoạn văn.  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đoạn văn  - HS khác nhận xét, góp ý  **B4. GV nhận xét đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá dựa trên yêu cầu:  - Về hình thức: Đoạn văn: 5 - 7 câu  - Nội dung: Cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  + Mở đoạn: Giới thiệu về danh lam thắng cảnh nào em sẽ chọn: tên, địa điểm, giới thiệu vẻ đẹp khái quát nhất.  + Thân đoạn: Ấn tượng cảm xúc về danh lam thắng cảnh ấy là gì: về địa hình, cảnh sắc thiên nhiên, con người, nét đẹp văn hóa... như thế nào (yêu mến, tự hào, khao khát tìm hiểu, muốn quảng bá rộng rãi để mọi người biết ...)  - Kết đoạn: Khẳng định vẻ đẹp của danh lam đó, tình cảm, ý thức muốn bảo về, giữ gìn danh lam. | | | **IV. Viết kết nối với đọc** | |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị hoạt động thực hành tiếng Việt cho giờ học sau)**

**Tiết 46**

**Hoạt động 1.3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Từ đồng âm và từ đa nghĩa)**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi và hoàn thiện nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ngữ liệu:   * a. Mẹ tôi ngâm **đỗ** (1) để nấu chè; * Tôi sung sướng vì đã **đỗ** (2) đầu trong kỳ thi học sinh giỏi * b. Bạn hãy suy nghĩ cho **chín** (1) rồi quyết định; * Con chờ cơm **chín** (2) rồi mới được đi chơi nhé!   - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với câu hỏi:  ? Cho biết nghĩa của từ **đỗ** (1) và từ **đỗ** (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  ? Giải thích nghĩa của từ **chín** (1) và nghĩa của từ **chín** (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm: nêu ý kiến cá nhân rồi thống nhất trong nhóm;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển.  Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau  + Nghĩa của từ chín (1): trạng thái nghĩ kỹ, suy xét thấu đáo, không thể hơn được nữa;  Nghĩa của từ chín (2): trạng thái của các sự vật, hiện tượng về thực phẩm (như trái cây, cơm, v.v…), là trạng thái thực phẩm không còn sống, đã đạt đến mức có thể ăn được, ăn ngon, là trạng thái cuối cùng.  Nghĩa của từ chín (1) và chín (2) có liên quan với nhau (có nét nghĩa chung).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **I. Nhận biết từ đồng âm và từ đa nghĩa**  1. Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau;  2. Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK trang 92)**  a. *Lờ đờ* ***bóng*** *ngả trăng chênh*  ***bóng***: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có;  b. ***Bóng*** *đã lăn ra khỏi đường biên dọc*  ***bóng***: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao;  c. *Mặt bàn được đánh véc-ni thật* ***bóng***  ***bóng***: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương.  Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau -> từ đồng âm.  **Bài tập 2 (SGK trang 92 – 93)**  a. - ***Đường*** *lên xứ Lạng bao xa*  ***đường***: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến địa điểm khác;  - *Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm* ***đường*** (***đường***: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm).  b. *- Đứng bên ni* ***đồng****, ngó bên tê* ***đồng****, mênh mông bát ngát* (***đồng***: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt)  *- Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn* ***đồng* (*đồng***: đơn vị tiền tệ)  Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau -> từ đồng âm.  **Bài tập 3 (SGK trang 93)**  a. *Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều* ***trái***  b. *Bố vừa mua cho em một* ***trái*** *bóng*  c. *Cách một* ***trái*** *núi với ba quãng đồng*  ***Trái*** trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu -> Từ đa nghĩa.  **Bài tập 4 (SGK trang 93)**  a. *Con cò có cái* ***cổ*** *cao*  ***cổ***: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân;  b. *Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao* ***cổ***  ***Cổ***: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ  ->Từ đa nghĩa.  c. *Phố* ***cổ*** *tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội* ***Cổ***: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ ***cổ*** trong hai câu a. và b. -> Từ đồng âm.  **Bài tập 5 (SGK trang 93)**  - *Tiếng hò xa vọng* ***nặng*** *tình nước non*  ***Nặng***: tính chất, mức độ nhiều tình cảm.  - Một số ví dụ có từ ***nặng***:  + Túi hoa quả này nặng quá;  + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng. |

(Hướng dẫn HS đọc văn bản ***Chuyện cổ nước mình*** và trả lời các câu hỏi sau khi đọc để chuẩn bị cho giờ học sau)

**Tiết 47**

**Hoạt động 1.4. Văn bản: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**(Lâm Thị Mỹ Dạ)**

**Hoạt động 1.4.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, định hướng nội dung học tập cho HS

**b. Nội dung:** Tổ chức trò chơi xem tranh đoán tên các câu chuyện cổ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | | | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *Ai nhanh nhất*:  + GV chiếu một số hình ảnh về các câu chuyện cổ, yêu cầu HS trả lời các hình ảnh đó đang nhắc đến chuyện cổ nào. Có thể tóm tắt hoặc giới thiệu nhanh về câu chuyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức của bản thân để tìm câu trả lời.  - GV gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;  - GV dẫn dắt: Chúng ta ai cũng biết một vài câu chuyện cổ với những bài học ý nghĩa. Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ thể hiện tình yêu của mình với những câu chuyện cổ qua bài thơ *Chuyện cổ nước mình*. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ để hiểu rõ hơn vẻ đẹp và ý nghĩa trong những câu chuyện cổ của cha ông. | | | |  | |
| **Hoạt động 1.4.2. Tìm hiểu chung về văn bản**  **a. Mục tiêu:** HS đọc, tiếp cận văn bản; [1], [5], [6], [7], [8], [9].  **b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu chung về văn bản.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Nội dung** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. Đọc văn bản và tìm hiểu các chú thích từ ngữ.  2. Giới thiệu những nét chính về tác giả?  3. Bài thơ viết theo thể thơ nào? Cho biết những dấu hiệu để nhận ra thể thơ đó?  ? Bài thơ mang nội dung kể chuyện, miêu tả hay biểu cảm?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ;  - Năm sinh: 1949;  - Quê quán: Quảng Bình;  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.  **2. Tác phẩm**  - Rút từ *Tuyển tập*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.  - Thể thơ: thơ lục bát;  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm; | | |
| **Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [8], [9].  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, sản phẩm hoạt động học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** | | | |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nhanh bài thơ, dựa vào từ ngữ và các chi tiết được gợi nhắc trong bài thơ, hãy nêu tên những câu chuyện cổ được nhắc đến trong bài.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc VB và trả lời câu hỏi:  1. Chuyện cổ đã kể với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp tình người và những bài học triết lí của cuộc sống? Em có thể minh họa qua một số câu chuyện cổ mà em biết?  2. Em hiểu các câu thơ: *“Mang theo chuyện cổ tôi đi/nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa”* và câu *“Đời cha ông với đời tôi…Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”* như thế nào?  3. Hai dòng thơ *“Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/ Lời ông cha dạy cũng vì đời sau*” gợi cho em những suy nghĩ gì?  4. Qua đó hãy rút ra ý nghĩa của những câu chuyện cổ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, suy nghĩ trả lời câu hỏi, tìm những câu chuyện cổ gần gũi có thể làm sáng tỏ cho câu trả lời của mình.  - GV hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Tình yêu những câu chuyện cổ của nhà thơ được bộc lộ trực tiếp qua những câu thơ nào? Tại sao tác giả lại yêu mến những câu chuyện cổ nước mình?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm các câu thơ bộc lộ tình cản của tác giả và giải thích lí do  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Em hãy tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung của VB?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý:  + Thể thơ, giọng thơ, các biện pháp tu từ…  + Nội dung bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình, ý nghĩa văn bản…  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: GV đánh giá kết quả hoạt động**  GV nhận xét, kết luận | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Những câu chuyện cổ được gợi ra từ bài thơ**  - Tấm Cám (*Thị thơm thì giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*)  - Đẽo cày giữa đường (*Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*)  - Sự tích trầu cau (*Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người*)  **2. Vẻ đẹp và ý nghĩa của những câu chuyện cổ**  **a. Vẻ đẹp của những câu chuyện cổ**  - Chuyện cổ nước mình phản ánh nét đẹp tình người như lòng nhân hậu, vị tha, bao dung, độ lượng...  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm những bài học cuộc sống về công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành":  -> Chuyện cổ nước mình là một kho tàng phong phú và đa dạng, phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông.  **b. Ý nghĩa của những câu chuyện cổ**  - Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần của con người:  *Mang theo chuyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa*  - Chuyện cổ là phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại:  + Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.  *Đời cha ông với đời tôi*  *Như con sông với chân trời đã xa*  *Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*  + Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la…  + Những câu chuyện cổ là lời răn dạy của ông cha ta về lẽ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái, …là bài học cho con cháu đời sau.  *Tôi nghe chuyện cổ thầm thì*  *Lời cha ông dạy cũng vì đời sau…*  *Nhưng bao chuyện cổ trên đời*  *Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.*  **4. Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ**  - Tình yêu chuyện cổ được bộc lộ trực tiếp: *“Tôi yêu chuyện cổ nước tôi”.*  - Nhà thơ nhận ra, thấu hiểu được thế giới đời sống tinh thần, vật chất, tâm hồn, tính cách, phong tục tập quán và các quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh...của cha ông.  🡪 Tác giả thể hiện tình yêu tha thiết đối với những câu chuyện cổ nước mình.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu tha thiết, đầy tự hào.  - Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi) …  **2. Nội dung**  - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.  - Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.  -> Bài thơ thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. | | | |
| **Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để làm bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn.  **c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | | | **Nội dung** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  *Đời cha ông với đời tôi*  *Như con sông với chân trời đã xa*  *Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS, đọc kĩ đoạn thơ, dựa vào nội dung bài học để viết đoạn văn.  - GV gợi ý:  + Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ đó đã đem lại đã đem lại hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?  + Vì sao tác giả khẳng định những câu chuyện cổ giúp chúng ta gặp lại cha ông, thấy được diện mạo tinh thần của những thế hệ đi trước.  + Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ?  + Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với những câu chuyện cổ?  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đoạn văn  - HS khác nhận xét, góp ý  **B4. GV nhận xét đánh giá**  GV nhận xét, đánh giá dựa trên yêu cầu:  - Về hình thức: Đoạn văn: 5 - 7 câu  - Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ. | | | **IV. Viết kết nối với đọc** | |

(Hướng dẫn HS đọc VB ***Cây tre Việt Nam*** để chuẩn bị cho giờ học sau)

**Tiết 48, 49**

**Hoạt động 1.5. Văn bản: CÂY TRE VIỆT NAM (Thép Mới)**

**Hoạt động 1.5.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Định hướng nội dung học tập cho HS

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cảm nhận về quê hương.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em biết những sáng tác nghệ thuật nào có hình ảnh cây tre (bài hát, tranh vẽ, thơ, truyện, v.v...)? Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

+ GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ,

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng vốn sống, vốn kiến thức sẵn có để tìm câu trả lời.

- GV gợi ý nếu cần

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lờichia sẻ những điều mình biết về tre Việt nam;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;

- GV dẫn dắt: Cây tre là hình ảnh gần gũi với đời sống của người dân Việt Nam. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề ***Quê hương yêu dấu***, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB ***Cây tre Việt Nam***của Thép Mới

**Hoạt động 1.5.2. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS đọc, tiếp cận văn bản; [6], [7], [8], [9].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu chung về văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn học sinh làm việc với văn bản, hướng dẫn đọc và yêu cầu HS  1. Đọc văn bản, tìm hiểu các chú thích;  2. Giới thiệu về nhà văn Thép Mới;  3. Tìm hiểu VB *Cây tre Việt Nam*: Xuất xứ, thể loại, bố cục văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm hiểu thông tin trước khi đọc.  - 3 học sinh đọc nối tiếp, HS khác lắng nghe.  - Tìm hiểu thông tin sau khi đọc (Tác giả và chú thích từ ngữ)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS đọc và trả lời câu hỏi về tác giả và tác phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Thép Mới tên đầy đủ Hà Văn Lộc (1925 - 1991);  - Quê quán: Nam Định  - Là nhà văn, nhà báo nổi tiếng.  **2. Tác phẩm**  - VB *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan.  - Thể loại: bút ký chính luận trữ tình.  - Bố cục: 4 phần:  + Từ đầu... *như người*: giới thiệu về cây tre.  + Tiếp... *chung thủy*: tre gắn bó với đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam;  + Tiếp... *chiến đấu!* tre đồng hành chiến đấu cùng dân tộc Việt Nam;  + Còn lại: Hình ảnh cây tre trong hiện tại và tương lai. |
| **Hoạt động 1.5.3. Đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - HS cảm nhận hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;  - HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.  - [5], [6], [7], [8], [9].  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, sản phẩm hoạt động học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** | |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi phần 1, đặt câu hỏi:  ? Vẻ đẹp về hình dáng và phẩm chất của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả cụ thể qua những chi tiết, từ ngữ, hình ảnh nào?  ? Chỉ ra phép tu từ chủ yếu và tác dụng của phép tu từ khi tác giả viết về vẻ đẹp của cây tre?  ? Qua cách miêu tả, em nhận thấy thái độ tình cảm gì của nhà văn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần 1, tìm chi tiết để trả lời câu hỏi.  - GV gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận  - Nhấn mạnh nghệ thuật mêu tả qua các từ ngữ gợi hình, gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai...* và biện pháp nhân hóa cây tre: *giản dị, thanh cao, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm, bất khuất...* qua đó thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà văn.  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia 3 nhóm (làm việc cá nhân/nhóm), HS theo dõi VB để thực hiện nhiệm vụ:  1. Nhóm 1: Theo dõi phần 2 của VB: Dưới bóng tre xanh, khung cảnh cuộc sống, văn hóa của người Việt Nam hiện ra như thế nào?  ? Tre có vai trò gì trong cuộc sống vật chất và tinh thần của con người? Em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn?  2. Nhóm 2: Theo dõi phần 3 của VB: Trong chiến đấu, tre hiện lên với vẻ đẹp, phẩm chất gì? Tìm chi tiết nhà văn khắc họa vai trò của tre?  ? Chỉ ra những câu văn dùng điệp ngữ và tác dụng của cách viết ấy?  3. Nhóm 3: Theo dõi phần 4 của VB: Em đang sống ở thời điểm ngày mai mà tác giả nói đến trong văn bản, *khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa.* Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc đối với đất nước và con người Việt Nam?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm chi tiết trong văn bản  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, đánh giá về mặt nghệ thuật và cảm xúc của nhà văn;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Nhấn mạnh hình thức nghệ thuật:  + Việc sử dụng những hình ảnh gần gũi (mái đình, mái chùa, cối xay tre, giang lạt, nôi tre, giường tre...).  + Câu văn giàu nhạc điệu, nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê, nhân hóa, ẩn dụ.  -> Ý nghĩa: Tre có vai trò không thể thiếu trong mọi mặt đời sống không chỉ xưa, nay mà còn trong cả tương lai.  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB;  - Yêu cầu học sinh sưu tầm những câu chuyện, ca dao, tục ngữ có nói đến tre.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp của cây tre**  - Hình dáng bên ngoài:  + Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi  + Dáng vươn mộc mạc  + Mầm măng non mọc thẳng  + Màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn.  - Phẩm chất:  + Tre cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.  + Luôn gắn bó, làm bạn với con người  + Thẳng thắn, bất khuất, thủy chung, can đảm, thanh cao, giản dị, chí khí ...  **🡪** Ca ngợi vẻ đẹp của cây tre từ hình dáng đến đặc tính của loài cây thân thuộc nhưng lại gợi đến tính cách, phẩm chất của con người Việt Nam.  **2. Tre gắn bó với con người Việt Nam**  **a. Tre gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam**  - Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn.  - Dưới bóng tre, toàn bộ đời sống của con người được hiện ra:  + Những mái đình, mái chùa cổ kính  + Người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang...  - Đời sống vật chất: *giúp người hàng nghìn công việc khác nhau*:  - Đời sống tinh thần:  + Tre là nguồn vui tuổi thơ: *chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt*;  + Tre là nhịp cầu cho tình yêu đôi lứa;  + Với tuổi già có chiếc điếu cày tre hút thuốc làm vui;  - Tre gắn bó với con người suốt đời: *từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay trên chiếc giường tre...*  **b. Tre gắn bó với con người trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc**  **-** Hoàn cảnh: Khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc: Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay.  - Vai trò, sức mạnh: tre là tất cả, tre là vũ khí:  + Vị thế của tre: vũ khí, đồng chí chiến đấu.  + Tre chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chin; tre hi sinh để bảo vệ con người;  + Đánh giá vẻ đẹp: Tre - anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.  **c. Vị trí của tre trong tương lai**  - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi:  - Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu;  - Cách sử dụng các biện pháp tu từ nhân hóa, điệp ngữ, hoán dụ, ... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  **2. Nội dung**  - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam; | |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động thực hành tiếng Việt ở giờ học sau)**

**Tiết 50**

**Hoạt động 1.6. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Biện pháp tu từ, Nghĩa của từ)**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [9]; HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi và hoàn thiện nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ và thực hiện các yêu cầu của bài tập 1, 2, 3 (SGK Tr 99, 100)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện yêu cầu bài tập  - GV hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Lần lượt học sinh trình bày kết quả làm bài  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của học sinh  - Chốt nội dung yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4 ở nhà. | **I. Hoán dụ**  - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.  **II. Bài tập**  **Bài tập 1 (SGK Tr 99, 100)**  a. *Nhắm mắt xuôi tay* nói đến cái chết.  b. *Mái nhà tranh, đồng lúa chín* thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. *Áo cơm cửa nhà* nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng.  **Bài tập 2 (SGK Tr 100)**  a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre ***chống lại*** sắt thép quân thù; Tre ***xung phong*** vào xe tăng đại bác.  - Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người.  **Bài tập 3 (SGK Tr 100)**  *Đẽo cày theo ý người ta*  *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*  - Liên tưởng đến thành ngữ: *Đẽo cày giữa đường;*  - Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. |

**(Hướng dẫn HS sưu tầm thơ lục bát, chuẩn bị cho hoạt động: *Tập làm thơ lục bát* ở giờ học sau)**

**Hoạt động 2. VIẾT:**

**TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT,**

**VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**Tiết 51**

**Hoạt động 2.1. TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**Hoạt động 2.1.1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát, [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Theo em, một bài thơ lục bát phải đảm bảo những yêu cầu gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nhĩ tìm câu trả lời.  - GV gợi ý (nếu cần):  + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo luật của thơ lục bát không?  + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào?  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận | **1. Yêu cầu đối với một bài thơ lục bát**  - Đúng luật của thơ lục bát;  - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành;  - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm. |

**Hoạt động 2.1.2. Thực hành tập làm một bài thơ lục bát theo các bước**

**a. Mục tiêu:** [3], [6], [7], [9]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dung kiến thức để tập làm một bài thơ lục bát.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài thơ lục bát do HS làm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gợi dẫn: Sáng tác một bài thơ không phải là điều dễ dàng. Nhưng em có thể thử sức để hiểu rõ hơn cách mà một bài thơ xuất hiện. Đó là một điều kỳ diệu!  - GV yêu cầu HS: xác định đề tài, tập gieo vần, phát triển ý tưởng  + Hình dung cụ thể về đề tài em định viết. Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn;  + Bắt đầu bằng cách thử viết dòng 6 đầu tiên, cặp lục bát đầu tiên. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát;  + Viết những dòng lục bát tiếp theo;  + Thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện các bước làm bài thơ theo hướng dẫn trong SGK Tr 100, 101.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày bài thơ, chỉ rõ cách gieo vần, cách ngắt nhịp và nội dung của bài;  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá dựa vào **Bảng tiêu chí**:  - HS chỉnh sửa lại bài sau khi được nhận xét rút kinh nghiệm  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh trong việc làm thơ; Chú ý lựa chọn nội dung đề tài và vận dụng đặc điểm thể thơ khi viết  - Yêu cầu học sinh tiếp tục phát huy sự sáng tạo, tập làm thơ lục bát ở nhà. | **2. Các bước tiến hành**  a. Khởi động viết  - Tập gieo vần;  - Xác định đề tài.  b. Thực hành viết  c. Chỉnh sửa |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Tiêu chí kiểm tra** | **Đạt/Chưa đạt** |
| Hình thức | Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng). |  |
| Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn. |  |
| Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó. |  |
| Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp. |  |
| Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ… |  |
| Nội dung | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống. |  |

**Tiết 52. Hoạt động 2.2.**

**VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**Hoạt động 2.2.1 Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi cho HS:  + Trong những tiết học trước, chúng ta đã học viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả?  + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý (nếu cần):  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận | **1. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có);  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ;  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…) |

**Hoạt động 2.2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Nhận biết cách viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; [6], [7], [9].

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, đọc và phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc VB trong SGK và phân tích VB theo các chỉ dẫn (bên phải) trong SGK:  ? Chỉ rõ câu văn giới thiệu bài ca dao?  ? Tìm câu văn nêu cảm xúc về nội dung của bài ca dao?  ? Yếu tố nghệ thuật nào của bài ca dao được nhắc đến trong đoạn văn?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản và thực hiện yêu cầu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại nội dung quan trọng của đoạn văn. | **2. Phân tích bài viết tham khảo**  - Giới thiệu bài ca dao (thơ lục bát);  - Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao;  - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao. |

**Tiết 53**

**Hoạt động 2.2.3. Thực hành viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu:** [3],[6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài và người đọc;  - GV hướng dẫn HS tìm ý và hoàn thành vào Phiếu tìm ý sau đó lập dàn ý cho bài viết:  PHIẾU TÌM Ý   |  |  | | --- | --- | | Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai? | ………………… | | Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ? | ………………… | | Nội dung bài thơ có gì đặc sắc? | ………………… | | Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào nổi bật? | …………………  ………………… |   - Dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn hoàn chỉnh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm ý và lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày kết quả tìm ý và lập dàn ý  - GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa bài sau khi viết theo gợi ý trong SGK; nộp bài cho GV.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt lại các bước viết đoạn văn;  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm bài của học sinh; | **3. Các bước tiến hành**  **a. Trước khi viết**  \* Lựa chọn bài thơ  \* Tìm ý  \* Lập dàn ý  - Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả (nếu có)  - Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ  + Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài thơ  + Nêu ý nghĩa, chủ đề bài thơ  + Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ.  - Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ  **b. Viết bài**  **c. Chỉnh sửa bài viết** |

**Tiết 54**

**Hoạt động 2.2.4. TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC**

**VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a. Mục tiêu:** [3], [5], [6], [7], [9].

**b. Nội dung:** HS trình bày bài viết, đối chiếu với yêu cầu cần đạt để đánh giá bài viết, phát hiện đoạn văn hay, những lỗi cần sửa.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đánh giá theo tiêu chí và Đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát của học sinh sau khi chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn của mình, học sinh khác đánh giá dựa vào bảng tiêu chí.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu cần đạt trong tiêu chí đánh giá.

- Phát hiện những thiếu sót trong bài viết của bạn để góp ý cho bạn chỉnh sửa bài viết của mình;

**Tiêu chí đánh giá**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tiêu chí đánh giá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức | Đúng hình thức của một đoạn văn |  |  |
| Đảm bảo số câu theo yêu cầu |  |  |
| Có câu mở đoạn, các câu thân đoạn, câu kết đoạn. |  |  |
| Mắc ít lỗi về chính tả, từ ngữ, diễn đạt. |  |  |
| Nội dung | Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ. |  |  |
| Nêu được cảm xúc về nội dung, ý nghĩa, chủ đề củabài thơ. |  |  |
| Nêu cảm nhận được về một số yếu tố thuộc hình thức nghệ thuật của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…) |  |  |
| Khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ. |  |  |

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS nêu những mặt được, mặt hạn chế trong bài viết của bạn.

- HS được nhận xét đề ra cách khắc phục hạn chế.

**B4. GV đánh giá, kết luận:**

- Nhận xét dựa trên kết quả hoạt động của học sinh.

- Cho học sinh đọc tham khảo một số đoạn văn hay

- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người đối với quê hương (theo hướng dẫn SGK/Tr104,105). Tập nói cho người thân nghe để điều chỉnh, rút king nghiệm.

**Tiết 55**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

**Hoạt động 3.1. Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, huy động tri thức và hiểu biết đã có để trả lời câu hỏi chuẩn bị cho bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý bài nói của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: lựa chọn đề tài, nội dung nói, tìm ý dựa vào trải nghiệm của chính HS;  - GV hướng dẫn HS tập nói, nói cho bạn cùng bàn nghe để rút kinh nghiệm về nội dung, cách nói;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tự đặt câu hỏi liên quan đến nội dung nói;  - Tìm ý, xây dựng dàn ý và luyện nói.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời về đề tài, nội dung, các ý trong bài nói;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm;  + Nêu vấn đề: Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người).  + Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với quê hương: tình cảm đối với những gì thân thuộc gần gũi, với con người, phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương... (*Có thể minh họa qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật)*.  + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn, ...).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại nội dung | **1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện. |

**Hoạt động 3.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** [4], [5], [6], [7], [8], [9].

**b. Nội dung:** HS thực hiện nói và nghe trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người đối với quê hương

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của học sinh và kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày trước lớp;  - GV hướng dẫn các HS còn lại đánh giá bài nói của bạn theo phiếu đánh giá;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Một số HS nói trước lớp;  - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận | **2. Trình bày bài nói**  - Bám sát vào mục đích: Nói lên suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương nói chung, có thể liên hệ tình cảm của em với quê hương.  - Có thể nhìn lướt các ý chính đã ghi ra giấy trước đó để tránh bỏ sót những ý quan trọng.  - Kết hợp trình bày ý kiến với việc sử dụng tranh ảnh, ngâm thơ, hát về quê hương để bài nói sinh động và ấn tượng.  **3. Đánh giá bài nói**  **\* Người nghe:**  - Bày tỏ sự đồng cảm với cảm xúc, suy nghĩ của người nói;  - Nêu câu hỏi về những điểm còn chưa rõ;  - Góp ý về cách trình bày bài nói (ngữ điệu, diễn đạt, sự tương tác …  **\* Người nói:**  - Lắng nghe và phản hồi tích cực;  - Giải thích những điều người nghe cần làm rõ;  - Tiếp thu những góp ý xác đáng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Đạt/chưa đạt** |
| - Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa. |  |
| - Cách nói to, rõ ràng; thái độ tự tin |  |
| - Nêu vấn đề: Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương |  |
| - Nội dung trình bày được các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với quê hương: tình cảm đối với những gì thân thuộc gần gũi, với con người, phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương... |  |
| - Nêu được ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người |  |
| - Sáng tạo: Sử dụng được các tác phẩm văn học, nghệ thuật minh họa qua cho bài nói sinh động |  |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện các bài tập:

Bài tập 1. Hoàn thành Phiếu học tập:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản  Đặc điểm | Chùm ca dao về quê hương đất nước | Chuyện cổ nước mình | Cây tre Việt Nam |
| Biện pháp tu từ nổi bật |  |  |  |
| Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  |  |

Bài tập 2. Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS kẻ bảng bài tập 1 vào vở và hoàn thành nội dung yêu cầu

- GV hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày phiếu học tập

- Các HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng tri thức ngữ văn đã học vào việc thực hành đọc và thực hành tiếng Việt.

**b. Nội dung:** HS làm bài tập đọc hiểu và thực hành viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

*“*Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ*”*.

*(Nguyễn Đình Huân, Quê hương, theo Thuvien.net)*

# Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Căn cứ vào đâu mà em biết ?

# Câu 2. Chỉ ra các tiếng được gieo vần trong đoạn thơ trên?

# Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ (diễn đạt ngắn gọn bằng 1- 2 câu).

Câu 4. Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

# Câu 5. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) thể hiện cảm xúc của em về bài thơ trên?

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh đọc kĩ bài thơ

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để trả lời câu hỏi

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá (thực hiện ở giờ học sau)**

(GV hướng dẫn HS thực hành đọc *“Hành trình của bầy ong”* (Nguyễn Đức Mậu) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ; vẻ đẹp của quê hương, đất nước; ý nghĩa được gợi lên từ “Hành trình của bầy ong” và chuẩn bị Bài 5: “Những nẻo đường xứ sở”)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 22 tháng 11 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 5**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A4 (**48 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A5** (48 hs) |
| **14** | 56 | 28/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **15** | 57 | 28/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 58 | 28/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 59 | 29/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 60 | 30/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **16** | 61 | 30/11/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 62 | 01/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 63 | 02/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 64 | 05/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **17** | 65 | 07/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 66 | 07/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 67 |  |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 68 |  |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **18** | 69 | 08/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 70 | 10/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 71 | 11/12/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

*(\* Lưu ý: Trong bảng trên, ôn tập (T 65,66) và kiểm tra (T 67,68) không nằm trong Bài 5)*

**BÀI 5: NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

**(12 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

a. Năng lực văn học:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí; đọc hiểu được văn bản du kí; [1]

- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép: đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt; [2]

- Hiểu yêu cầu của việc viết bài văn tả cảnh sinh hoạt; [3]

b. Năng lực ngôn ngữ:

- Biết sử dụng dấu ngoặc kép khi đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt; [4]

- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; [5]

- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến; [6]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [7].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [8].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [9]

**3. Về phẩm chất**

- Yêu quý, tự hào về cảnh vật, con người trên mọi miền đất nước [10].

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [11].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu, biết viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc, thực hành tiếng Việt, nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số tranh ảnh, video, đoạn văn liên quan đến nội dung bài học: Tranh minh họa bìa sách một số cuốn du kí nổi tiêu biểu; Tranh minh họa cho các hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của tác phẩm kí. Video/clip/phim tư liệu về tác giả Nguyễn Tuân.

+ Một số bài du kí làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn

+ Tranh minh họa mô hình bố cục bài văn miêu tả một cảnh sinh hoạt

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 56,57,58. Văn bản: CÔ TÔ (Nguyễn Tuân)**

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS kể các thể loại văn học đã học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi: Từ đầu học kỳ đến giờ, chúng ta đã học rất nhiều VB với rất nhiều thể loại văn học. Em hãy kể tên lại các thể loại văn học mà chúng ta đã cùng tìm hiểu.

**B2. HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS nhớ lại những kiến thức đã học, trao đổi để tìm câu trả lời

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lời kể tên những thể loại văn học (Truyện - truyện đồng thoại, thơ - thơ lục bát).

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhệm vụ**

- GV nhận xét, kết luận

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tìm hiểu về thể loại kí với những trang viết ghi chép về cảnh vật, con người trên mọi miền tổ quốc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1 Giới thiệu bài học tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** [1], [7], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Em hãy đọc phần giới thiệu bài học và phần tri thức ngữ văn liên quan đến kí, du kí nêu chủ đề bài học và cho biết kí và du kí có đặc điểm gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần (về nội dung ghi chép, ngôi kể, trình tự kể, các loại kí …)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức,  **GV có thể bổ sung thêm:**  - Nghĩa gốc của từ “kí” là ghi chép một sự việc gì đó để không quên. Từ chỉ hoạt động (động từ) được chuyển thành danh từ, xác lập một thể loại văn học - kí.  - Kí không phải một loại tác phẩm văn học thuần nhất mà có nhiều biến thể. Tiêu chí để phân loại kí:  + Phương thức tạo dựng cấu trúc tác phẩm: kí là sự kết hợp của tự sự, trữ tình, nghị luận cùng các thao tác tư duy khoa học. | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề: Vẻ đẹp của cảnh vật, con người trên mọi nẻo đường  - Thể loại chính: Kí - du kí  TRI THỨC NGỮ VĂN  **1. Kí**  - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật;  - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  - Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.  - Một số loại kí: Hồi kí, kí sự, nhật kí, du kí …  **2. Du kí**  - Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình. |

**Hoạt động 1.2. Văn bản 1. CÔ TÔ** (Nguyễn Tuân)

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù [1]:**

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*; (1)

- HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích; xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc; (2)

- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương; (3)

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh … (4)

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9].

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản Cô Tô.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, thông tin chính về tác giả và tác phẩm, [7], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS:  1. Đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang;  + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo)  + Lưu ý trong khi đọc VB, chủ yếu sử dụng hai chiến lược hình dung và theo dõi bằng các câu hỏi gợi ý:   * Đoạn 1: Tác giả quan sát và cảm nhận trận bão bằng những giác quan nào? * Đoạn 2: Chú ý những từ ngữ miêu tả cảnh biển Cô Tô sau bão * Đoạn 3: Cảnh bình minh trên biển * Đoạn 4: Chú ý nơi đông vui và gợi sức sống nhất trên đảo   2. Em hãy đọc phần thông tin và nêu các nét chính về tác giả?  3. Bài kí Cô Tô được viết trong hoàn cảnh nào? Chỉ ra bố cục các phần của văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK,  - Lắng nghe và chắt lọc kiến thức tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Họ tên: Nguyễn Tuân (910 – 1987);  - Quê quán: Hà Nội;  - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút), …  **3. Tác phẩm**  - *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.  - Bố cục: 4 phần  + Từ đầu… *quỷ khốc thần linh*: Cơn bão biển Cô Tô;  + *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô*… *lớn lên theo mùa sóng ở đây*: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão;  + *Mặt trời*… *nhịp cánh*: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô.  + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân. |

**Hoạt động 1.2.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1]: (1), (2), (3), (4), [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến?  2. Nhà văn đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Hãy chỉ rõ?  3. Nhận xét chung về cơn bão biển ở Cô Tô?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, tìm chi tiết  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Các từ ngữ:  - Các danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận;  - Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trời đất trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;  - Các từ Hán Việt: hỏa lực, thủy tộc, quỷ khốc thần linh;  2. Các biện pháp tu từ  - Biện pháp so sánh:   * + Mỗi viên cát bắn vào má buốt như viên đạn mũi kim;   + Gió như người bắn: chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn;   * + Sóng như vua thủy; * + Gió rú lên, rít lên như quỷ khốc thần linh.   - Thủ pháp tăng tiến:  + *vây, dồn, bung hết, ép vỡ tung;*  + *“càng”:* cấp độ được tăng thêm  🡪 Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão. Đó là cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm**: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt tinh anh (liên hệ với VB *Người lái đò sông Đà*).  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS:  + Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời, …)?  + Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?  + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô…* *theo mùa sóng ở đây*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, tìm chi tiết  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển?  + Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, tìm chi tiết  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm  - Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:  + Chân trời ngấn bể sạch như tấm kính …  + Mặt trời như lòng đỏ trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thăm thẳm 🡪 kết hợp từ mới lạ: hồng hào: chỉ màu sắc, thăm thẳm: chỉ độ sâu;   * + Y như mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh * - Hình ảnh ẩn dụ: mâm bạc, mâm bể *đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng;* * 🡪 Hình ảnh nên thơ, trí tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa; so sánh độc đáo mới lạ góp phần diễn tả bức tranh cực kỳ vĩ, rực rỡ, lộng lẫy của cảnh mặt trời mọc trên biển;   - Cách đón nhận cảnh mặt trời mọc của nhà văn: Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên  🡪 công phu và trang trọng, tập trung chú ý cao độ thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên, chủ động săn tìm cái đẹp.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến  **Nhiệm vụ 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?  + Kết thúc bài Kí *Cô Tô* là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mãn: “Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Khung cảnh Cô Tô nếu thiếu chi tiết giếng nước ngọt sẽ thiếu sự sinh động, thiếu hình ảnh con người, mà chỉ là một quần đảo thiên nhiên đơn thuần, ở giữa biển. Nếu thiếu giếng nước ngọt, con người không thể sinh sống ở Cô Tô. Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt của người dân nơi đây. Nếu không miêu tả chi tiết này, tác phẩm Cô Tô của Nguyễn Tuân thực sự đã thiếu đi một chi tiết rất quan trọng.  + Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:  Biển cả – người mẹ hiền  Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con  Người dân trên đảo – lũ con lành của biển  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 5**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung chính của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS khái quát những nét chính dựa trên nội dung hoạt động đọc hiểu ở trên  - GV hỗ trợ nếu cần;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cảnh bão biển ở Cô Tô**  Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.    **2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão**   * - Bầu trời: trong trẻo, sáng sủa * - Cây: Xanh mượt, * - Nước biển: lam biếc đặm đà * - Cát: vàng giòn * - Cá: lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi * 🡪 Các hình ảnh giàu màu sắc gợi cảnh Cô Tô sau bão mang vẻ đẹp trong sang, tinh khôi   **3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô**  - Sử dụng từ ngữ và những hình ảnh so sánh, ẩn dụ độc đáo, mới lạ vẽ lên bức tranh mặt trời mọc kỳ vĩ, rực rỡ, lộng lẫy.  **4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô**  - Cái giếng nước ngọt: Là dấu hiệu sự sống của con người trên đảo.  - Hoạt động của con người:  + Hối hả lấy nước sinh hoạt, dự trữ nước cho tàu thuyền  + Thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp chuẩn bị ra khơi  - Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:   * Biển cả – người mẹ hiền * Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con * Người dân trên đảo – lũ con lành của biển   🡪 Cảnh lao động của người dân trên đảo khẩn trương, sôi động, tấp nập nhưng cũng rất yên bình.  - Tác giả thể hiện tình yêu với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất.  - Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng.  - Sử dụng phép nhân hóa, so sánh, ẩn dụ với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi.  2. Nội dung  - Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt.  - Ca ngợi vẻ đẹp của con người Cô Tô bền bỉ mà lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất giữ gìn biển đảo quê hương.  - Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt. |

**Hoạt động 1.2.3. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đọc hiểu để viết đoạn văn

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trong văn bản *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết đoạn văn  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đoạn văn  - Các HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | **V. Viết kết nối với đọc** |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị hoạt động Thực hành tiếng Việt cho giờ học sau)**

**Tiết 59**

**Hoạt động 1.3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Biện pháp tu từ)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng phiếu học tập: cho HS điền từ ngữ vào các ô ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra những sự vật đã ngầm được nhắc đến.   |  |  | | --- | --- | | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | ………………… | | mâm bạc | ………………… | | mâm bể | ………………… | | cái chất bạc nén | ………………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS điền từ vào ô tương ứng.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 2 SGK trang 114.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc bài tập 3 SGK trang 114, sau đó đọc lại VB *Cô Tô* và tìm ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB này.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập 3 và đọc lại VB Cô Tô;  - HS hoàn thành bài tập.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh hoặc ẩn dụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết đoạn văn hoàn thành bài tập.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày đoạn văn, chỉ ra biện pháp so sánh hoặc ẩn dụ được sử dụng  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá. | **Bài tập 1 (SGK trang 113, 114)**  a.   |  |  | | --- | --- | | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | mặt trời | | mâm bạc | bầu trời sáng và lấp lánh | | mâm bể | mặt biển | | cái chất bạc nén | độ sáng và sự lấp lánh |   b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ  Tác dụng: Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn.  + Gợi ra hình ảnh mặt trời mọc trên biển tuyệt đẹp. Mặt trời mang vẻ đẹp tráng lệ, kĩ vĩ. Mặt biển bao la lấp lánh với ánh ban mai tinh khôi.  + Biện pháp ẩn dụ cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.  **Bài tập 2 (SGK trang 114)**  a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào. So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm.  - Tác dụng: Hình ảnh so sánh giúp ta hình dung ra tốc độ của bão cát, cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.  b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.*  - Nhân hóa: Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết ***chờ*** cho “chúng tôi” vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết ***tăng thêm hỏa lực***.  - Ẩn dụ:  *+ trận địa cánh cung:* sự nguy hiểm của bão biển.  *+ gió tăng thêm hỏa lực:* tăng tốc độ, rất mạnh  - Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn. Trận bão biển như một trận chiến đấu thực sự với tính chất ghê gớm, sự tàn phá dữ dội.  **Bài tập 3 (SGK trang 114)**  Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động.  VD:  *+ Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi*  Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tấm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn "chân trời", "ngấn bể".  *+ Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.*  So sánh âm thanh của sóng thúc vào bờ với âm thanh của trống trận mà vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm: âm âm, rền rền gợi nhịp điệu dữ dội của những đợt sóng.  *+ Nó rít lên rú lên như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh*  So sánh tiếng gió với tiếng khóc của quỷ dành cho thần linh gợi sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ và thấy được sức mạnh của một cơn bão. Đồng thời thấy được cách lựa chọn hình ảnh so sánh tài hoa, độc đáo, mới lạ của nhà văn Nguyễn Tuân.  **Bài tập 4 (SGK trang 114)**  Viết đoạn văn |

**(Hướng dẫn HS đọc văn bản *Hang Én* ở nhà chuẩn bị cho giờ học tiếp theo)**

**Tiết 60, 61**

**Hoạt động 1.4. Văn bản 2. HANG ÉN (Hà My)**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù [1]:**

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*; (1)

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người; (2)

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả, ... (3)

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề. (4)

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9].

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản Hang Én.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.4.1. Giới thiệu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Ý thức sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Hãy kể tên một số hang động nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu về thể loại kí qua VB *Cô Tô* của Nguyễn Tuân. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu thể loại kí qua VB *Hang Én*.

**Hoạt động 1.4.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, [7], [8], [9]. [11].

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS:  1. Đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang;  2. Nêu xuất xứ của văn bản? Văn bản thuộc thể loại nào?  3. Chỉ ra bố cục các phần của văn bản? Nhân vật “tôi” đã kể hành trình khám phá hang Én theo trình tự nào? Nêu tác dụng của trình tự đó với VB;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK,  - Lắng nghe và chắt lọc kiến thức tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.   * (Bố cục gồm 2 phần, Phần 2 được chia thành các đoạn nhỏ: * + Tiếp... *trần hang cao vài trăm mét*: Kích thước của hang Én;   + Tiếp... *đôi cánh ấy sẽ lành hẳn*: Những con chim én trong hang Én;  + Tiếp... *tạo tác của tự nhiên*: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én;  + Tiếp... *tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều*: Hang Én khi trời tối;  + Tiếp... hết: Hang Én vào sáng hôm sau.  🡪 Trình tự giúp người đọc dễ theo dõi)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**: Hà My.  **3. Tìm hiểu chung về văn bản**  - Xuất xứ: Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về Hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020;  - Thể loại: Du kí;  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Ngôi kể thứ nhất: “Tôi”là tác giả  - Bố cục: 2 phần chính:  + Phần 1: Từ đầu... *lòng hang chính*: Hành trình đi đến hang Én;  + Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én:  - Trình tự kể:  + Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én.  + Thời gian: từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối chùm xuống Hang Én. |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** (1), (2), (3), (4), [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi và tái hiện hành trình đến hang Én:  1. Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt?  2. Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?  3. Em hãy tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh và cảm xúc của nhà văn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm, đọc VB, tìm chi tiết.  - GV gợi ý hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm  1. Hành trình: “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”. Đến được hang Én là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục. Thách thức, nguy hiểm: dốc cao gập ghềnh; đường mòn, trơn; cây cổ thụ chắn ngang, vòm dây leo giăng kín; lội sông, trèo ngược vách đá cao hiểm trở;  2. Chỉ có cách đi bộ cách duy nhất để đến được hang Én có thời gian để khám phá và hòa mình vào thiên nhiên:  3. Các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: *một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai*;  + *cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc*;  *+ con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quấn quýt cả vào chân người*;  + Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rạm, liêu xiêu, ...” tạo ta các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến của người viết.  + các từ, cụm từ chỉ cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp;  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi:  1. Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì?  2. Vẻ đẹp của hang Én được miêu tả như thế nào? Hãy nhận xét? Em hiểu được gì về sự “sống” của đá?  3. Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người?  4. Những chi tiết nào cho thấy sự hòa mình của du khách với thiên nhiên? (Gợi ý: khi cho chim én ăn, khi sống trong hang Én buổi tối hôm trước và sáng hôm sau); Việc hòa mình với thiên nhiên có khó khăn không?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, nêu ý kiến cá nhân và thống nhất câu trả lời;  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Kích thước: Rộng nhất là 110m2, cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;  2. Vẻ đẹp kì thú của tự nhiên:  + Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường;  + “Bờ sông cát mịn, nước mát lạnh, trong veo… tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo”;  + Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động tuyệt đẹp, trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên  🡪 Đá có sự sống: sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất  3. Cuộc sống của loài én:  - Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.  - Bốn bên dày đặc én.  - Én bố mẹ tấp nập đi, về, mải mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng.  - Én xuống kiếm ăn, ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...  🡪 Nghệ thuậtnhân hóa sinh động, gợi cảm  4. Sự hòa mình của con người với tự nhiên  - Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thế hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt.  - Đoàn người hiện tại:  + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị.  + Cách gọi hang Én: *cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng*: gợi cảm giác nguyên thủy, ấm áp, gần gũi.  + Gọi thiên nhiên là “Mẹ”: thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, vẻ đẹp của thiên nhiên;  + Cư xử với đàn bướm: thái độ yêu thích, bước đi cùng đàn bướm, ngắm cánh hồ điệp monh manh thái độ trân trọng, nâng niu vẻ đẹp mong manh;  + Cư xử với chim én: đặt lên vai, cho ăn trong lòng bàn tay sự gần gũi, thân thiện;  + Sống trong hang: Ngồi bệt trên cát, chân trần tiếp xúc với thiên nhiên, vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết....  + Tâm trạng, thái độ: yêu thích, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an nhiên trong cái “tổ” của “Mẹ Thiên Nhiên”.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS:  + Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người? (GV gợi ý HS dựa vào những chi tiết như hành trình để đến được hang Én, điều kiện sống trong hang Én)  + Hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận tìm câu trả lời  - GV hỗ trợ nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm:  + HS nêu quan điểm đồng tình hoặc không về ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm.  + Hành trình khám phá hang Én đánh thức ở con người: mở rộng tầm mắt với những trải nghiệm thú vị khi được sống cùng thiên nhiên hoang sơ, vừa là thử thách đối với sức khỏe và kỹ năng sinh tồn của con người trong điều kiện thiếu thốn. Thiên nhiên là người mẹ vừa nuôi dưỡng vừa dạy dỗ con người.  + HS tổng kết về nội dung và nghệ thuật của VB.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Hành trình đến hang Én**  - Hành trình: Phải đi bộ xuyên rừng, vượt dốc, lội suối và sông. Cần nghị lực, quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục.  - Cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi và mê hoặc.  - Tác giả gửi gắm cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.  **2. Vẻ đẹp của hang Én**  **a. Kích thước**  - Rộng nhất là 110m2, cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;  🡪 Hang Én rất cao, rộng, dài. Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn  **b. Vẻ đẹp trong hang Én**  - Hang én là sự kiến tạo kì thú của tự nhiên:  - Đá có sự sống: sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất  **c. Cuộc sống của loài én:** Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.  🡪 Nghệ thuậtnhân hóa sinh động, gợi cảm  **3. Sự hòa mình của con người với tự nhiên**  - Con người yêu thích, hòa hợp, gắn bó đối với thiên nhiên.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc;  - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc  **2. Nội dung**  VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS vận dụng nội dung đọc hiểu để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

GV gợi ý HS chú ý đến những chi tiết như phải đi bao lâu, bao xa mới đến được hang Én, bên trong hang Én có gì đặc biệt, cách sinh hoạt ở hang Én, v.v...

- HS thực hiện viết đoạn văn (ở nhà)

- Báo cáo kết quả và đánh giá ở tiết học sau.

**Tiết 62.**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Dấu câu, Biện pháp tu từ)**

**Hoạt động 1.5.1: Nhận biết công dụng của dấu ngoặc kép**

**a. Mục tiêu**: [2], [4], [7], [8], [9], [11]

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, vận dụng những kiến thức đã có để trả lời câu hỏi và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, kết quả làm bài và sản phẩm hoạt động nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS hoạt động nhóm:  1. Kể các loại dấu câu mà em biết? Nêu công dụng của mỗi loại dấu câu đó?  2. Em thường sử dụng dấu ngoặc kép trong những trường hợp nào?  3. Đọc nội dung nhận biết công dụng dấu ngoặc kép (SGK) và cho biết trong trường hợp này dấu ngoặc kép được dung để làm gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Nhận biết công dụng của dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tác phẩm, tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;  - Đánh dấu một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt; |

**Hoạt động 1.5.2: Luyện tập về dấu câu (dấu ngoặc kép) và biện pháp tu từ**

**a. Mục tiêu**: [2], [7], [8], [9], [11]

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, vận dụng những kiến thức đã có để trả lời câu hỏi và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, kết quả làm bài và sản phẩm hoạt động nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm:  - Đọc và hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK trang 118.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trình bày ý kiến cá nhân rồi thống nhất câu trả lời.  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động nhóm theo từng bài  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **Bài tập 1 SGK trang 118**  a. *Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*  - Nghĩa của từ trong ngoặc kép: “ngược dòng” bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.  Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.  b. *Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thắt lưng.*  Nghĩa của các từ trong ngoặc kép: “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.  Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong, giúp người đọc dễ hình dung về không gian trong hang Én, gợi sự tò mò về các hang tiếp theo.  **Bài tập 2 SGK trang 118**  a. *Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét.*  Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong câu, vế sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vế trước;  + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể: bàn chân mỏng và ngón dẹt có cùng đặc điểm chung là những bộ phận dưới cùng, tiếp giáp với mặt đất của cơ thể con người.  - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. Cụ thể ở đây là từ “ăn én”, không phải là ăn thịt chim én mà là tên một lễ hội của nười A-rem để lưu giữ ký ức họ đã từng sống trong hang động.  - Dấu gạch ngang: đánh dấu là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” giải thích vì sao người A-rem lại có đặc điểm sinh học đặc biệt như vậy.  b. *Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả măng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.*  - Tác dụng của Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), vế sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vế trước: ở đây bổ sung thêm thông tin cho biết Ho-oát Lim-bơ là người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam;  + Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, vế sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận. Cụ thể ở đây vế *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới* bổ sung thêm cho *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới*.  + Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu;  + Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể ở đây là liệt kê nhũ đá, măng đá, ngọc động. Chúng là những sự vật có cùng tính chất.  - Tác dụng Dấu ngoặc kép:  + “Sống” theo nghĩa thông thường: tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết (Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê);  + “Sống” được để trong ngoặc kép trong ví dụ: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt: các măng đá, nhũ đá, ngọc động vẫn tiếp tục được bồi đắp, bào mòn trong hành trình tạo tác của tự nhiên. Đó là một sự hiển nhiên, sinh động cho thấy tất cả mọi vật đều ở trạng thái vận động.  - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Cụ thể là từ từ “centimet”, chỉ đơn vị đo độ dài.  **Bài tập 3 SGK trang 118**  Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép:  - VB *Cô Tô*:  + Anh quẩy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi”  Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. Ở đây, tác giả Nguyễn Tuân trích dẫn lại lời của nhân vật anh hùng Châu Hòa Mãn theo lối trực tiếp.  - Vb *Hang Én*:  + Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền” còn hiện hữu trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô nơi vách đá  “Thương hải tang điền”: bãi bể nương dâu. Dùng để chỉ những biến đổi lớn lao. Đây là điển cố được sử dụng nhiều trong văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam cổ trung đại.  Tác dụng khi sử dụng: tăng khả năng gợi cảm cho sự diễn đạt, ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.  **Bài tập 4 SGK trang 118**  a. Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”.  b. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều bên một bên cánh còn hơi sã xuống.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người: “thản nhiên”, “đi lại”.  Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  **Bài tập 5 SGK trang 118**  a. *Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*  - Biện pháp tu từ nhân hóa: Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.  Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  b. *Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.*  - Biện pháp tu từ so sánh: Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.  Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.  c. *Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ.  - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo. |

**(Hướng dẫn HS đọc VB *Cửu Long giang ta ơi* chuẩn bị cho giờ học sau)**

**Tiết 63**

**Hoạt động 1.6. VĂN BẢN 3. CỬU LONG GIANG TA ƠI**

**(*Trích*, Nguyên Hồng)**

**Hoạt động 1.6.1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Bằng những kiến thức về địa lý Việt Nam, em hãy cho biết sông Cửu Long bắt nguồn từ con sông nào và sông Cửu Long chảy qua những địa danh nào của Việt Nam?

**B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào kiến thức đã biết để thực hiện nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS Trả lời; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong các tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu các VB về chủ đề *Những nẻo đường xứ sở* qua những địa danh như Cô Tô, hang Én. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về hình ảnh sông Cửu Long thông qua VB *Cửu Long Giang ta ơi* của nhà văn Nguyên Hồng.

**Hoạt động 1.6.2: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi:  + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm của VB;  + Nêu phương thức biểu đạt và bố cục của VB.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Tên: Nguyên Hồng (1918-1982);  - Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng;  - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v…  Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.  **3. Tác phẩm**  - PT biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả.  - Bố cục:  + Từ đầu… *hai ngàn cây số mênh mông*: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học;  + Tiếp… *không bao giờ chia cắt*: Hình ảnh sông Mê Kông gắn liền với những sinh hoạt lao động;  + Còn lại: Chủ thể trữ tình nhìn sự đổi thay hiện tại và nhớ lại kỷ niệm xưa. |

**Hoạt động 1.6.3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VB, kết nối chủ đề, [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS:  + Em hình dung như thế nào về “tấm bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy?  + Nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:  + Em hãy tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông.  + Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?  + Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?  + Khái quát nội dung bài thơ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nhân vật/chủ thể trữ tình**  - “Ngày xưa ta đi học”:  + “Tấm bản đồ rực rỡ”: không chỉ là hình ảnh sông Mê Kông mà còn tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng.  Tấm bản đồ mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say.  + Hình ảnh người thầy trở nên kỳ diệu, như có phép lạ: “gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”;  - “Ta đi… bản đồ không nhìn nữa”: Nhân vật trữ tình bắt tay vào lao động, gây dựng đất nước, Tổ quốc, tiếp nối truyền thống ông cha:  🡪 Sự thay đổi của nhân vật trữ tình: từ nhỏ tuổi sang lớn lên, từ ngồi học sang bước đi, từ nhìn bản đồ mê say đến không nhìn nữa. Nhưng tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần.  - “Ta đã lớn”:  + “Thầy giáo già đã khuất”: Sự đổi thay của thời gian. Câu thơ có sự suy niệm, hồi tưởng;  + “Thước bảng to nay thành cán cờ sao”: hình ảnh mang ý nghĩa hình tượng: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc.  - Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông:  gần gũi, thân thiết, gắn bó sâu sắc như tình cảm với những người thân ruột thịt.  **2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông**  Dòng sông Mê Kông mang vẻ đẹp trù phú:  *+ Trúc đào tươi chim khuyên rỉa cánh sương đọng long lanh;*  + *Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng*  *Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa*  *Bến nước Mê Kông tôm cá ngợp thuyền*  *+ Sầu riêng thơm dậy, suối mát dội trong lòng dừa trĩu quả, v.v...*  **3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ**  - Cuộc sống của người nông dân Nam Bộ lam lũ, gắn với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng;  - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc;  - Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v...  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước. |

**Hoạt động 1.6.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.

*- GV hướng dẫn:* Nhìn bao quát toàn bộ đoạn trích để thấy những dòng thơ thể hiện từng chặng đường đời của nhân vật trữ tình: *Mười tuổi thơ*; *Ta đi… bản đồ không nhìn nữa*, *Ta đã lớn…*

***-*** *HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo kết quả vào giờ học sau.*

**Hoạt động 2. VIẾT:**

**Tiết 64. VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**Hoạt động 2.1.** HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

**a. Mục tiêu:** [3], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi về yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt và các bước viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

**c. Sản phẩm:** Cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi yêu cầu HS hoạt động nhóm:  1. Theo em, một bài văn tả cảnh sinh hoạt cần đáp ứng những yêu cầu gì?  2. Đọc bài viết tham khảo “Phiên chợ vùng cao”:  + Chỉ ra bố cục 3 phần MB, TB, KB; Nêu nội dung từng phần?  + Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết tham khảo là cảnh gì? Được tả như thế nào?  + Tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào để miêu tả cảnh sinh hoạt?  3. Tìm hiểu các bước viết bài văn tả cảnh sinh hoạt (SGK từ trang 122-125): Dàn ý khái quát của bài văn tả cảnh sinh hoạt?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Hướng dẫn HS quan sát các cảnh sinh hoạt, lựa chọn cảnh để thực hành viết. | **I. Hướng dẫn viết bài văn tả cảnh sinh hoạt**  **1. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt**  - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt;  - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính);  - Tả hoạt động cụ thể của con người;  - Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động;  - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.  **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt:  + Giới thiệu cảnh sinh hoạt: chợ phiên vùng cao;  + Tả quang cảnh chung: cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“chợ họp trên sườn núi”, “từ trên cao nhìn xuống”, “vào chợ”);  + Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người: phụ nữ, đàn ông, em bé có những hoạt động riêng;  + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động;  + Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam).  **3. các bước viết bài văn tả cảnh sinh hoạt**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài;  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  \* Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.  \* Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt  - Tả bao quát quanh cảnh  - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính).  + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.  + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  \* Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết  **b. Viết bài**  **c. Chỉnh sửa bài viết** |

**Kết thúc hoạt động, GV hướng dẫn HS tự học, xem lại toàn bộ kiến thức, kĩ năng**

**đã học trong học kì I và chuẩn bị cho bài ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì:**

1. Lập bảng thống kê các thể loại văn học đã được học và đặc điểm từng thể loại.

2. Thống kê các văn bản đã học theo mẫu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên bài (chủ đề | Tên VB, tác giả | Thể loại | Nghệ thuật đặc sắc | Nội dung, ý nghĩa |
|  |  |  |  |  |

Ngày soạn: 07/12/2024

**Tiết 65, 66. ÔN TẬP CUỐI KÌ**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

a. Năng lực văn học:

- Nhận biết đặc điểm thể loại đã học, các giá trị của văn bản; [1]

- Nhận biết từ đơn, từ ghép, từ láy; các biện pháp tu từ; các cụm từ dùng để mở rộng thành phần chính của câu; từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết nghĩa của từ. [2]

b. Năng lực ngôn ngữ:

- Năng lực đọc hiểu, trình bày vấn đề, ý kiến của cá nhân;[3]

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn; [4]

**2. Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm; [5]

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân; [6]

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập. [7]

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [8].

\* Học sinh khuyết tật:

- Nhận biết đặc điểm chính của thể loại, tên văn bản đã học. nhận biết phép tu từ.

- Đọc hiểu, nói ở mức độ đơn giản; biết hợp tác với các bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học: Giáo án; Phiếu học tập; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Học liệu: Một số đoạn văn bản truyện, thơ tham khảo làm ngữ liệu bài tập.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại tên (chủ đề) các bài học

? Những điều em học được qua các chủ đề đã học?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: Chia sẻ những điều học sinh học được qua các nội dung đã học*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu tiết ôn tập.*

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC

**Hoạt động 1. Ôn tập phần đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để:  1. Hoàn thiện bảng thống kê các thể loại văn học và đặc điểm của từng thể loại:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thể loại | Đặc điểm | |  |  |  |   2. Hoàn thiện bảng thống kê các văn bản đã học theo từng chủ đề (đã thực hiện ở nhà)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên bài (chủ đề | Tên VB, tác giả | Thể loại | Nghệ thuật đặc sắc | Nội dung, ý nghĩa | |  |  |  |  |  |   **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm 4 thành viên, thảo luận hoàn thành bảng thống kê  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày bảng thống kê  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | PHẦN ĐỌC HIỂU  **A. Đọc hiểu các thể loại văn học**  **I. Thể loại truyện, truyện đồng thoại.**  1. Đặc điểm của truyện đồng thoại  - Truyện viết cho trẻ em  - Nhân vật: loài vật, đồ vật được nhân hóa  - Cốt truyện: Diễn biến sự việc  - Người kể chuyện: Ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba  2. Miêu tả nhân vật trong truyện kể.  - Ngoại hình  - Hành động  - Ngôn ngữ  - Thế giới nội tâm  **II. Thể loại Thơ, thơ Lục bát**  1. Đặc điểm của thơ  - Thể thơ  - Ngôn ngữ thơ  - Nội dung chủ yếu củ thơ  - Yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ  2. Đặc điểm thơ lục bát, lục bát biến thể  - Số tiếng  - Cách gieo vần  - Cách ngắt nhịp  - Cách phối hợp thanh điệu  **III. Thể loại Kí, Du kí**  1. Kí: là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực.  2. Du kí: là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.  **B. Đọc hiểu nội dung**  - Bài 1. Chủ đề tình bạn.  - Bài 2. Chủ đề về tình cảm gia đình  - Bài 3. Chủ đề về tình cảm yêu thương chia sẻ  - Bài 4. Chủ đề về tình yêu quê hương đất nước  - Bài 5. Phong cảnh, con người trên các nẻo đường xứ sở |

**Hoạt động 2. Ôn tập phần thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh  1. Nhắc lại những nội dung thực hành tiếng Việt đã học.  2. Phân biệt từ ghép và từ láy? Cho VD?  3. Trình bày hiểu biết của em về các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ? Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ? Cho VD?  4. Nêu đặc điểm cấu tạo của các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ? Cho VD?  5. Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa? Cho VD?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời nhớ lại kiến thức đã học để có câu trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày, cho ví dụ cụ thể  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  1. Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)  2. Nghĩa của từ  3. Các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ.  4. Mở rộng thành phần chính của câu bằng các cụm từ:  + Cụm danh từ  + Cụm động từ  + Cụm tính từ  5. Từ đồng âm và từ đa nghĩa |

**Hoạt động 3. Ôn tập phần Viết**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS hoạt động 3 nhóm: Nhắc lại yêu cầu đối với mỗi dạng bài:  1. Viết bài văn kể lại một trải nghiệm  2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  3. Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em về một bài thơ lục bát.  4. Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm, thống nhất câu trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | PHẦN VIẾT  1. Viết bài văn kể lại một trải nghiệm  2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  3. Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em về một bài thơ lục bát.  4. Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu và cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS thực hành đọc hiểu các đoạn văn theo thể loại đã học và tìm ý, lập dàn ý cho đoạn văn, bài văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập đọc hiểu:  **\* Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  *Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.*  *Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.*  *Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”, nhưng chẳng ai biết những điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.*  (Trích *“Cô bé bán diêm”,* An-đéc-xen, SGK Ngữ văn 6- Tập một)  **Câu 1***.* Truyện *“Cô bé bán diêm”* của nhà văn An-đéc-xenthuộc thể loại gì? Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Giải thích vì sao em xác định ngôi kể như vậy?  **Câu 2***.* Tìm cụm danh từ có trong câu văn:“*Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.”*  **Câu 3***.* Chỉ ra những chi tiết miêu tả nhân vật chính trong đoạn trích? Những chi tiết miêu tả đó giúp em hình dung về nhân vật như thế nào?  **Câu 4***.*Tìm chi tiết nói lên ứng xử của người đi đường trước thi thể của cô bé bán diêm trong đoạn trích trên? Em có suy nghĩ gì về cách ứng xử đó? Qua hình ảnh người đi đường, nhà văn đã thể hiện tình cảm, thái độ gì?  **\* Bài tập 2:**  Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  **Tháng giêng của bé**   |  | | --- | | *Đồng làng vương chút heo may*  *Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim.*  *Hạt mưa mải miết trốn tìm*  *Cây đào trước cửa lim dim mắt cười.*  *Quất gom từng hạt nắng rơi*  *Làm thành quả - những mặt trời vàng mơ.*  *Tháng giêng đến tự bao giờ?*  *Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào.*  (Đỗ Quang Huỳnh) |   **Câu 1.** Xác định thể thơ của bài thơ trên. Dựa vào đâu em xác định như vậy?  **Câu 2.** Có những từ láy nào xuất hiện trong bài thơ trên? Giải thích nghĩa của một trong số các từ láy đó.  **Câu 3.** Trong câu thơ  *Hạt mưa mải miết trốn tìm*  *Cây đào trước cửa lim dim mắt cười*  Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ở trong hai câu thơ trên Câu 4. Hãy viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em về quê hương và tình cảm của con người đối với quê hương? **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ (theo bàn) thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động  - Nhóm khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá  - Chốt lại cách đọc hiểu văn bản: Bám vào tri thức ngữ văn về thể loại, chú ý các từ ngữ, các biện pháp tu từ đã học trong phần thực hành tiếng Việt được vận dụng trong văn bản. Cần nêu suy nghĩ, rút ra bài học, lời nhắn nhủ, thông điệp nhà văn gửi gắm trong đoạn, văn bản.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. HS đọc lại yêu cầu, xem lại nội dung hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự; viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em về một bài thơ lục bát.  2. Lựa chọn một trải nghiệm, một bài thơ để lập dàn ý cho đề văn thuộc các dạng trên  3. Tập viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Nội dung viết bài văn, đoạn văn thực hiện ở nhà  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày dàn ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm, dàn ý cho đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát  - HS khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận** | **B. Luyện tập**  **I. Bài tập đọc hiểu**  **II. Viết đoạn văn, bài văn** |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS ôn tập lại toàn bộ nội dung đã học, thực hành đọc hiểu và viết bài văn kể lại một trải nghiệm (thực hiện ở nhà).

- HS chuẩn bị cho bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì 1 (Đề của Phòng Giáo dục)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 07 tháng 12 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

**BÀI 5: NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ (Tiếp theo)**

**Tiết 69**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**a. Mục tiêu:** [5], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS thực hành các bước viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**c. Sản phẩm:** Bài văn tả cảnh sinh hoạt học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi yêu cầu HS trả lời:  + Một bài văn tả cảnh sinh hoạt cần đáp ứng những yêu cầu gì?  + Nêu các bước tiến hành viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt  + Nêu dàn ý của một bài văn tả cảnh sinh hoạt?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tự đọc SGK, chắt lọc nội dung trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt  - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt;  - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính)  - Tả hoạt động cụ thể của con người;  - Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động;  - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.  2. Các bước tiến hành  - Trước khi viết (Lựa chọn đề tài; Tìm ý; Lập dàn ý).  - Viết bài  - Chỉnh sửa  3. Dàn ý:  \* Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.  \* Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt  - Tả bao quát quanh cảnh  - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính).  + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.  + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  \* Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: dựa vào kiến thức đã học và vốn sống thực tế, hãy viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt mà em thấy ấn tượng theo quy trình viết như trên.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - GV gợi ý lựa chọn cảnh sinh hoạt, tìm ý cho bài văn theo Phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | Em sẽ tả cảnh gì? | ……………. | | Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào? | ……………. | | Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? | ……………. | | Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? | ……………. | | Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì? | ……………. | | Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? | ……………. |   - HS thực hiện các bước:  + Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý  + Viết bài  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày dàn ý, đọc 1 đoạn văn đã viết  (HS tiếp tục hoàn thiện bài viết ở nhà để trình bày bài trước lớp và nhận xét đánh giá trong tiết trả bài)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá tinh thần, thái độ viết bài của HS | **II. Thực hành viết bài văn tả cảnh sinh hoạt**  - Trước khi viết (Lựa chọn đề tài; Tìm ý; Lập dàn ý).  - Viết bài  - Chỉnh sửa |

**Tiết 70**

**Hoạt động 2.3. TRẢ BÀI VIẾT TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**a. Mục tiêu:** [5], [7], [8], [9].

**b. Nội dung:** HS trình bày, nhận xét đánh giá bài văn tả cảnh sinh hoạt, rút kinh nghiệm trong quá trình viết những bài văn tả cảnh sinh hoạt sau này.

**c. Sản phẩm:** Bài văn tả cảnh sinh hoạt của học sinh sau khi đã được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Nhiệm vụ 1**: GV sử dụng Bảng kiểm, gọi 1 học sinh trình bày bài viết văn tả cảnh sinh hoạt; HS cả lớp lắng nghe, dựa vào bảng kiểm để đánh giá bài viết và góp ý chỉnh sửa bổ sung cho bạn.  **- Nhiệm vụ 2**: Học sinh hoạt động nhóm, đánh giá bài của thành viên trong nhóm theo gợi ý của bảng kiểm và đưa ra ý kiến góp ý, bổ sung.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Đánh giá**  **(Đ/CĐ)** | **Góp ý chỉnh sửa, bổ sung** | | Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung | …………. | …………….. | | Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin liên quan đến cảnh sinh hoạt. | …………. | …………….. | | Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả một cách rõ nét, sinh động. | …………. | …………….. | | Thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt | …………. | …………….. | | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt | …………. | …………….. |   **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân/ nhóm.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả đánh giá bài viết.  - HS trình bày hướng chỉnh sửa bổ sung bài viết của mình.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận dựa vào kết quả hoạt động của học sinh.  (GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động Nói và nghe) |  |

**Tiết 71**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

**CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN**

**Hoạt động 3.1. Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã từng sống hay từng đến những đâu? Hãy chia sẻ về một kỷ niệm khiến em nhớ mãi ở nơi đó.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:liên hệ thực tế và hiểu biết của bản thân để trả lời

**B3. HS báo cáo kết quả**: chia sẻ kỉ niệm về nơi đã từng sống hoặc từng đến

**B4. Nhận xét, đánh giá**

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.

**Hoạt động 3.2. Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** [7], [8], [9], [10], [11]. Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức và vận dụng hiểu biết thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói;  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói;  - HS tự kiểm tra bài nói của mình bằng **Bảng kiểm**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm: Về nội dung nói:  - Xác định đề tài: Về khung cảnh thiên nhiên hay một cảnh sinh hoạt hay kết hợp cả hai  - Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:  + Giới thiệu được trải nghiệm thú vị của bản thân.  + Hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm em muốn chia sẻ (đi dạo phố, hoặc cùng người thân tham gia nhân một lần về quê, hay một chuyến du lịch...).  + Tả khung cảnh thiên nhiên và các hoạt động của con người mà em quan sát được (cảnh đó như thế nào: nhộn nhip hay yên tĩnh, náo nhiệt hay bình lặng, hiện đại hay hoang sơ...).  + Nêu ra những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật của em về khung cảnh nổi bật nơi em đến.  + Nêu lên cảm xúc, suy nghĩ hoặc bài học em rút ra từ trải nghiệm đáng nhớ đó.  - Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnhliên quan đến trải nghiệm sẽ kể.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung dàn ý cho HS | **1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện. |

**Bảng tự kiểm tra bài nói**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| - Bài nói đã có phần mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa. |  |
| - Mở bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự trải nghiệm, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. |  |
| - Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: giới thiệu hoàn cảnh trải nghiệm, khung cảnh thiên nhiên và hoạt động diễn ra, nêu ra những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật, bộc lô suy nghĩ, cảm xúc. |  |
| - Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho đề tài. |  |
| - Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn. |  |

**Hoạt động 3.3: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** [6], [7], [8], [9], [10], [11]. Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, khi lắng nghe. Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS trình bày bài nói và đánh giá bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của học sinh và kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày trước lớp;  - GV hướng dẫn các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá bài nói của bạn theo **Phiếu đánh giá theo tiêu chí**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Một số HS nói trước lớp;  - Các HS còn lại lắng nghe và đánh giá dựa vào các tiêu chí trong Phiếu đánh giá.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  - Động viên khuyến khích học sinh tham gia nói. | **2. Trình bày bài nói**  **3. Đánh giá bài nói**  **\* Người nghe:**  - Nêu những ưu điểm trong cách trình bày  - Chỉ ra những hạn chế cần khắc phục  **\* Người nói:**  - Lắng nghe và phản hồi tích cực;  - Giải thích những điều người nghe cần làm rõ;  - Tiếp thu những góp ý xác đáng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để nói | Có vấn đề để nói nhưng chưa hay | Có vấn đề để nói ấn tượng, hấp dẫn |
| 2. Nội dung chia sẻ trải nghiệm hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được về cảnh vật | Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung cảnh vật. | Nội dung chia sẻ hay, phong phú, hấp dẫn, giúp người đọc hình dung rõ nét về cảnh vật |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, tranh ảnh..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGK:

Bài tập 1: Yêu cầu HS đọc và xem lại kiến thức đã học về hai VB *Cô Tô* và *Hang Én*, hoàn thành bài tập.

Bài tập 2: Yêu cầu HS tự chọn, tự tìm thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước, chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS kẻ bảng bài tập 1 vào vở và hoàn thành nội dung yêu cầu

- GV hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày phiếu học tập

- Các HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng tri thức ngữ văn đã học vào việc thực hành đọc và thực hành tiếng Việt.

**b. Nội dung:** HS làm bài tập đọc hiểu và thực hành viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*“Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu … Một con hải âu bay ngang là là nhịp cánh”*

Câu 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Văn bản chứa đoạn văn trên thuộc thể loại gì?

Câu 3. Chỉ ra những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của nó.

Câu 4. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 5. Viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) ghi lại cảnh vật một nơi em từng đến?

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh đọc kĩ đoạn văn

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để trả lời câu hỏi

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và B4. đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**(thực hiện ở giờ học sau)**

- GV hướng dẫn HS tự thực hành đọc văn bản *Nghìn năm tháp Khương Mỹ* (Lam Linh) ở nhà, gợi ý HS chú ý những dấu hiệu cho thấy VB này thuộc thể loại du kí, vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ, những thông tin hữu ích về lịch sử và văn hóa trong bài kí.

- Tìm đọc những văn bản thuộc thể loại thơ lục bát và du kí để chuẩn bị cho tiết **Đọc mở rộng**: Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước (về quê hương, đất nước), tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB*.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 11 tháng 12 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 05/01/2025

Ngày giảng: 6A4: /01/2025; 6A5: /01/2025

**Tiết 72: ĐỌC MỞ RỘNG**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở* [1].

- Năng lực văn học [2]

+ HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;

+ HS nêu được nội dung cơ bản của VB đọc;

+ Trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [3].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [4].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [5]

**3. Về phẩm chất**

- Yêu quý, tự hào về cảnh vật, con người trên mọi miền đất nước [6].

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [7].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số văn bản thơ lục bát và du kí liên quan đến nội dung đọc

**2. Chuẩn bị của HS:**

-SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Sưu tầm VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước (về quê hương, đất nước), tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS nhắc lại nội dung đã học và chia sẻ hiểu biết của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Nhắc lại nội dung chủ đề và thể loại các em đã học trong bài 4, bài 5?

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào có cùng thể loại và chủ đề với các VB bài 4, bài 5?

**B2. HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào nội dung đã học và nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà để trả lời câu hỏi;

**B3. HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả lựa chọn văn bản đọc mở rộng.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở* trình bày trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đọc của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu: Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB trước nhóm, sau đó đọc và trình bày trước lớp.  - GV gợi ý:  + Để hoàn thành tốt nội dung đọc mở rộng, HS hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;  + Đối với VB thể kí, chú ý cách kể, tả sự kiện có mang tính chất chân thật hay không (người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không)? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? (tuyến tính – theo thời gian hay phi tuyến tính)? Nêu tác dụng của cách kể này.  + Đối với VB thơ lục bát, chú ý phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận trong nhóm, lựa chọn văn bản đọc trong nhóm và thống nhất cách trình bày;  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - 4 HS báo cáo kết quả hoạt động (2 HS trình bày kết quả đọc thể loại thơ lục bát, 2 HS trình bày kết quả đọc thể loại du kí);  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung nội dung đọc mở rộng.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Khuyến khích học sinh tự tìm tòi mở rộng kiến thức văn học |  |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học và rèn kĩ năng đọc hiểu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập:

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Việt Nam đất nước ta ơi  
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn  
Cánh cò bay lả rập rờn  
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều  
Quê hương biết mấy thân yêu  
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau  
Mặt người vất vả in sâu  
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn  
Đất nghèo nuôi những anh hùng  
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên  
Đạp quân thù xuống đất đen  
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa*

*Việt Nam đất nắng chan hòa*

*Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh*

*Mắt đen cô gái long lanh*

*Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung”*

*(Trích trường ca “Bài thơ Hắc Hải”, Nguyễn Đình Thi, 1958)*

**Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Thể thơ đó mang những đặc điểm gì? Đặc điểm đó giúp gì cho việc thể hiện cảm xúc trước thiên nhiên và con người Việt Nam?

**Câu 2.** Trong câu thơ “*Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn*”, em hãy chỉ ra phép tu từ được sử dụng và nêu tác dụng của phép tu từ đó.

**Câu 3.** Qua đoạn trích tác giả Nguyễn Đình Thi đã thể hiện thái độ, tình cảm nào đối với quê hương, đất nước?

**Câu 4.** Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) ghi lại cảm xúc của em về hình ảnh để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất trong đoạn thơ.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm hoàn thành nội dung yêu cầu

- GV hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động nhóm theo các yêu cầu bài tập

- Các HS khác nhận xét, bổ sung

\* Dự kiến sản phẩm:

**Câu 1**. Bài thơ được làm theo thể thơ lục bát. Đặc điểm của thể thơ lục bát (dựa vào tri thức ngữ văn đã học)

**Câu 2**. Phép tu từ hoán dụ được sử dụng trong câu thơ là: “áo nâu” thay cho cách nói “nông dân nghèo”. Hoán dụ có tác dụng gợi hình ảnh những người nông dân hiền lành, vất vả lam lũ qua đó thể hiện sự đồng cảm sẻ chia, trân trọng, yêu thương của nhà thơ dành cho con người quê hương.

**Câu 3**. Qua đoạn trích tác giả đã thể hiện thái độ, tình cảm: ca ngợi, tự hào và tình yêu thương tha thiết về thiên nhiên đất nước và con người Việt Nam.

**Câu 4**. Gợi ý:

- HS có thể lưạ chọn bất kì hình ảnh nào (chọn hình ảnh của thiên nhiên hoặc hình ảnh của con người). Điều quan trọng là giải thích vì sao lại ấn tượng với hình ảnh đó. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn**.**

- Ví dụ:

\* Hình ảnh thiên nhiên:

+ Thiên nhiên đất nước tươi đẹp, trù phú, thanh bình (cánh đồng mênh mông, cò bay rập rờn, đỉnh Trường Sơn hùng vĩ...).

+ Cảm xúc của em: vui, tự hào về vẻ đẹp của quê hương.

 \* Hình ảnh con người:

+ Người dân Việt Nam vất vả, lam lũ mà kiên cường, bất khuất trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

+ Một dân tộc yêu chuộng hòa bình, yêu lẽ phải, thân thiện, đoàn kết.

+ Cảm xúc của em: Tự hào, khâm phục về vẻ đẹp phẩm chất và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam…

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục đọc mở rộng vốn kiến thức văn học.

**b. Nội dung:** HS sưu tầm, tìm đọc các văn bản thơ lục bát và văn bản du kí ở nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả sưu tầm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV yêu cầu HS tiếp tục thực hiện việc sưu tầm, đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật các văn bản thuộc thể thơ lục bát và văn bản thuộc thể loại du kí, khám phá cái hay cái đẹp về nội dung và nghệ thuật từng văn bản.

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh sưu tầm các văn bản

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học về thể loại để phân tích, khám phá văn bản.

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và B4. đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**(thực hiện ở giờ học sau)**

- GV khắc sâu các nội dung nội dung đọc hiểu trong học kì 1.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị Bài 6 ***“Chuyện kể về những người anh hùng” (SGK Ngữ văn 6 tập 2)*** để học vào tiết sau. Yêu cầu:

+ Đọc kĩ nội dung phần tri thức ngữ văn về đặc điểm truyền thuyết

+ Đọc và tóm tắt văn bản Thánh Gióng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 05 tháng 01 năm 2025*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |